

Julian Barnes

Winner of the Man Booker Prize  
2011

None  
of this

Kết  
thúc



vh

nhà xuất bản văn học

# Table of Contents

THÔNG TIN EBOOK

DỰ ÁN HẠNH PHÚC

DỰ CẢM VỀ KẾT THÚC

TÁC GIẢ

MỘT SỐ NHẬN XÉT

MỘT

HAI

CHÚ THÍCH

# THÔNG TIN EBOOK

Tên sách: Nghe mùi kết thúc

Nguyên tác: The Sense of an ending

Tác giả: Julian Patrick Barnes

Người Dịch: Nghiêm Quỳnh Trang

Thể loại: Văn học nước ngoài

Nhà xuất bản Văn học - Nhã Nam © 04/2013

**The Happiness Project #10-F**

[TVE-4U](#) *Read Freely - Think Freedom*

Thực hiện: Picicrazy, Hanhdb

Hoàn thành: 08/2015

# DỰ ÁN HẠNH PHÚC

[The Happiness Project](#) #10-F



Hạnh phúc luôn tồn tại xung quanh chúng ta, điều quan trọng ta phải biết nắm bắt, kéo nó về phía mình để đem lại an lành cho bản thân, cho cuộc sống! Cuốn sách này là một niềm vui nhỏ bé chúng tôi muốn dành tặng đến bạn, người đọc ạ!

*"Hãy nhớ rằng không có hạnh phúc trong sự sở hữu hay sự thụ nhận, mà chỉ có trong sự trao tặng. Hãy mở rộng vòng tay - Hãy chia sẻ - Hãy ghi ôm. Hạnh phúc là một loại nước hoa, mà khi bạn rưới lên những người khác, thế nào cũng có một vài giọt dính trên người bạn."* Og Madino

## DỰ CẢM VỀ KẾT THÚC

Cảnh báo trước đây là một cuốn sách rất khó nuốt! Nhưng nếu "tiêu hóa" xong biết đâu bạn sẽ thêm thấu hiểu nhiều thứ về cuộc sống về quá khứ, về hiện tại và cả tương lai nữa. Ấn tượng đến mức, Ban giám khảo Manbooker chỉ mất vồn vẹn 30 phút để quyết định trao giải thưởng cao nhất cho Julians Barnes. "Hương vị kết thúc ngọt ngào" mà Barnes khát khao suốt hai chục năm ròng cầm bút.

Barnes đã xây dựng kết cấu rất độc đáo, từng bước nhẹ nhàng tạo ra nhiều gút mắc khó hiểu cho truyện, khiến độc giả không ngừng tự hỏi điều này nghĩa là gì, triết lý kia có ý nghĩa gì? Những manh mối chỉ được vén lộ từ từ, vừa đủ để ta hút dần theo đám mù cuộc đời anh chàng Tony Webster. Có thể khi gấp trang cuối cùng lại bạn sẽ giật mình: Cái quái gì xảy ra vậy? Hãy hượm đã.

Cũng giống như mọi người khác, Tony đi học gặp gỡ mỗi tình đầu và chia tay; có việc làm - kết hôn, có con rồi li dị. Duy trì tình bạn thân hữu lâu dài với cô vợ cũ.

Cái kết cuộc đời Tony tưởng chừng cũng sẽ trầm mặc "hiếu hòa" như suốt những năm tháng từng sống, thế nhưng khoản thừa kế từ trên trời rơi xuống đã làm xáo trộn tất cả. Bi kịch quá khứ khủng khiếp ông chẳng mảy may biết tới nhưng lại vô tình chiếm phần quan trọng trong đó. Trong cuộc đời, không phải tương lai, mà quá khứ mới là đáng kể.

Ở *Nghe mùi kết thúc*, đó là cuộc kiếm tìm mảnh vỡ ký ức của Tony dò theo dấu vết chính mình: tìm sự thật trần trụi gắn với con người quá khứ ấy. Tại sao bốn thập kỷ trước, cậu bạn thân Andrian lại tự tử? Tại sao ký ức về nhà thờ thánh Micheal trên đường về nhà Veronica chỉ là ảo ảnh?

Thằng cha Tony này chả đáng tin gì cả, ông ta mơ hồ cả nửa đời đã sống chứ đừng nói đến câu chuyện đang kể. Nên tôi không muốn đi sâu vào vấn đề sự thật cuối cùng trong *Nghe mùi kết thúc*. Xét cho cùng việc trả lời thì tùy ở bạn thôi.

Nếu còn thắc mắc "về điều gì đã thực sự xảy ra" thì hãy nhớ anh chàng siêu việt Andrian từng nói trong giờ học:

*Lịch sử là tính chắc chắn được sản sinh vào thời điểm những khiếm khuyết của trí nhớ gặp những thiếu sót của tư liệu.*

Mặc khải lớn nhất tôi nhận ra rằng: dự cảm lời bình này cũng như kết thúc :D

**Hạnh Nghĩa - Happiness Project**

# TÁC GIẢ

Julian Patrick Barnes (sinh năm 1946) là nhà văn Anh đương đại, tác giả nhiều tiểu thuyết, tập truyện ngắn và tiểu luận. Ông đoạt giải thưởng Man Booker Prize cho tác phẩm Nghe mùi kết thúc (The Sense of an Ending, 2011). Ba tác phẩm khác của ông, Flaubert's Parrot (1984), England, England (1998) và Arthur & George (2005) cũng được vào chung khảo giải thưởng này. Ngoài ra, Barnes còn được trao nhiều giải thưởng khác như Prix Médicis của Pháp cho cuốn Flaubert's Parrot, giải thưởng Somerset Maugham, giải Shakespeare, giải E.M. Forster của Viện Hàn lâm Văn chương Nghệ thuật Hoa Kỳ, và giải Văn học Châu Âu (Europese Literatuurprijs) năm 2012.

## MỘT SỐ NHẬN XÉT

*“Một viên ngọc của sự hàm súc và chính xác... **Nghe mùi kết thúc** gói gọn chỉ trong ngần ấy trang nhiều thứ đến nỗi khi đọc xong ta thấy thỏa mãn hơn so với đọc nhiều cuốn tiểu thuyết dày gấp mấy lần như vậy.”* – THE LOS ANGELES TIMES

*“Bi đát nhưng mạnh mẽ, **Nghe mùi kết thúc** dẫn sâu vào những bí ẩn của ký ức chúng ta, nói thôi thúc khiến chúng ta muốn chỉnh sửa, viết lại và đôi khi xóa bỏ hoàn toàn quá khứ của chúng ta.”* – VOGUE

*“Với sự tinh tế và khéo léo đặc trưng, Barnes chuyển trò chơi mèo-bắt-chuột này thành một câu chuyện thực sự căng thẳng và hấp dẫn.”* – THE WASHINGTON POST

*“Ngắn gọn, đẹp... Cái câu hỏi lạnh xương sống ấy – Tôi có đúng là người mà lâu nay tôi vẫn đinh ninh là mình không? – hóa thành một câu hỏi ẩn chứa nhiều bất ngờ đến đáng ngạc nhiên. Như Barnes đã làm phơi lộ ra một cách vừa cao nhã vừa đau đớn, chúng ta thấy đều là những người*

*kể chuyện không đáng tin, những kẻ được cứu chuộc không phải nhờ sự chính xác của ký ức chúng ta mà nhờ chúng ta sẵn sàng đặt nghi vấn về ký ức đó.” – THE BOSTON GLOBE*

Tony đã già, Tony cảm nhận rõ đoạn kết cuộc đời mình. Một cuộc đời dường như ổn thỏa, tuy có thất vọng, có ly dị và nhiều mất mát – như mọi cuộc đời. Thế nhưng Tony sẽ rất bất ổn ở chính cái đoạn kết này.

Julian Barnes, nhà văn danh tiếng của nước Anh, đã vô cùng lạnh lùng và tỉ mỉ - nhưng chỉ cần sử dụng rất ít trang giấy – miêu tả cái nhà tù mà con người bị giam hãm bên trong, như một điều không thể khác; nhà tù ấy ác nghiệt vì là tổng thể của hiện tại, tương lai và quá khứ. Những mảnh vụn li ti của quá vãng, cộng dồn thêm bao nhiêu thời gian và sự nham hiểm của số phận, khi đuổi kịp Tony đã mang sức nặng khủng khiếp, sức nặng của kết cục.

Văn chương bậc thầy thường xuyên có một sắc thái quý quýet, điều này thể hiện trong cuốn tiểu thuyết này dưới dạng một lời nhắn nhủ vô thanh của tác giả: Đừng quá tự tin, vì cuộc đời này vốn dĩ rất nhiều bất ổn.

*“Dày đặc những ý tưởng triết lý... Cuốn sách tạo ra sự căng thẳng đích thực chẳng khác gì một loại truyện trinh thám về tâm lý con người.” – Michiko Kakutani, THE NEW YORK TIMES*

*tặng Pat*



# MỘT

Tôi nhớ, chẳng theo thứ tự cụ thể nào:

- nơi mặt trong cổ tay sáng ánh lên;
- hơi nước bốc lên từ bồn rửa bát ướt khi cái chảo rán được kỳ quặc quẳng vào theo một lối rất nhọn;
- những giọt tinh dịch xoáy tròn quanh lỗ thoát nước, trước khi bị xả trôi xuống dọc theo một tòa nhà cao;
- một dòng sông chảy ngược vô lý, sóng và bọt sông được rọi sáng dưới dăm sáu ngọn đèn pin sẵn lòng;
- một dòng sông khác, rộng và xám xịt, hướng dòng chảy bị gió cuồng kích động mặt nước che đi mất;
- nước bồn tắm lạnh ngắt từ lâu sau cánh cửa khóa trái.

Thứ cuối cùng này tôi không thực sự nhìn thấy, nhưng những gì bạn cuối cùng nhớ được có phải bao giờ cũng chính là những gì bạn thấy tận mắt đâu.

\*

\* \*

Ta sống trong thời gian - nó ôm ấp và nhào nặn ta – thế mà tôi chưa bao giờ thấy mình hiểu rõ lắm về nó. Mà tôi cũng không viện dẫn tới những lý thuyết về chuyện nó cong hay lặp lại, hoặc tồn tại ở nơi khác trong các phiên bản song song. Không, tôi đang nói tới thứ thời gian bình thường, hằng ngày, mà đồng hồ treo tường và đồng hồ đeo tay vẫn cho ta thấy nó đang đều đặn chạy: tích tắc, tíc tắc. Còn có thứ gì khác đáng tin hơn cái

kim giây? Mà nó chỉ cần đến khoái cảm hay đau đớn nhỏ nhất để dạy ta về tính dẻo của thời gian thôi. Có những thứ cảm xúc đẩy nó nhanh lên, lại có những cảm xúc khác kìm nó chậm lại: cũng có lúc dường như nó biến mất - cho tới điểm tận cùng khi nó thực sự mất tích, không bao giờ trở lại. Tôi không thích thú thời đi học của mình là mấy, và cũng chẳng thấy nhớ nhung gì. Nhưng trường là nơi mọi chuyện bắt đầu, nên tôi cần trở lại một chút vài sự việc đã trở thành giai thoại, trở lại với vài ký ức nhập nhòa đã bị thời gian bóp méo thành điều xác tín. Nếu không còn chắc chắn về các sự kiện thực được nữa, thì ít ra tôi có thể thành thực với những cảm tưởng mà các sự kiện đó bỏ lại. Tôi chỉ có thể làm được đến thế là cùng.

\*

\* \*

Chúng tôi có ba thằng, và giờ có thêm cậu ấy là đứa thứ tư. Tụi tôi chẳng kỳ vọng thêm thắt ai vào con số chật chẽ này: hội nhóm với cặp đôi là chuyện xưa rồi, và cũng đã đến lúc chúng tôi bắt đầu mơ tưởng tới việc thoát khỏi trường bước vào đời. Tên cậu ấy là Adrian Finn, một cậu trai cao, bẽn lẽn, lúc đầu thường nhìn xuống và khư khư giữ lấy suy tư cho riêng mình. Một hai ngày đầu, chúng tôi ít chú ý đến cậu: ở trường chúng tôi đến lễ đón học sinh mới còn không có, nữa là cái chuyện ngược lại, trò dọa nạt phủ đầu của học sinh cũ. Chúng tôi chỉ ghi nhận sự hiện diện của cậu ấy và đợi.

Mức độ quan tâm của các thầy dành cho cậu ấy lớn hơn của chúng tôi. Họ phải xem xét trí thông minh và ý thức kỷ luật của cậu ấy, liệu xem trước kia cậu ấy đã được dạy dỗ tốt đến mức nào, xem cậu ấy có thể hiện “tố chất học thuật” hay không. Vào buổi sáng thứ ba kỳ học mùa thu năm ấy, chúng tôi có giờ lịch sử với thầy Joe Hunt Già nhũ nhận nhưng giễu cợt trong bộ com lê đầy đủ lệ bộ, một ông thầy có hệ thống kiểm soát dựa vào việc giữ sao cho sự buồn tẻ chỉ ở mức vừa đủ chứ không đến độ quá đà.

“Chắc các trò còn nhớ được rằng tôi đã yêu cầu các trò đọc trước về triều đại Henry VIII.” Colin, Alex và tôi liếc nhau, hy vọng câu hỏi sẽ không bị bất chợt quăng ra, như con mồi của ngư ông, để rồi đậu lên đầu một trong mấy thằng tôi. “Ai muốn trình bày về đặc điểm của thời kỳ này?” Ông tự rút ra kết luận từ những ánh mắt tránh né của chúng tôi. “Nào, có lẽ là Marshall chẳng. Cậu sẽ mô tả triều đại Henry VIII như thế nào?”

Nỗi nhẹ nhõm của chúng tôi còn lớn hơn cả sự tò mò, bởi Marshall là cái thẳng chăng-biết-gì mà lại thận trọng, nó còn chẳng có khả năng bịa đặt của kẻ dốt nát thực thụ. Nó tìm kiếm tính phức tạp có khả năng ẩn ngấm đâu đó trong câu hỏi trước khi định vị câu trả lời.

“Có sự bất ổn, thưa thầy.”

Bùng lên một cơn cười nhịn không nổi; đến thầy Hunt cũng suýt mỉm cười.

“Có thể nào trò vui lòng phát triển chi tiết hơn chẳng?”

Marshall chậm rãi gật đầu đồng ý, nghĩ lâu hơn một chút, và quyết định rằng đây không phải lúc để mà thận trọng. “Trò muốn nói là có một sự bất ổn kinh khủng, thưa thầy.”

“Thế còn Finn. Trò có rành thời kỳ này không?”

Cu cậu mới vào ngồi ở hàng ghế phía trên, bên trái tôi. Cậu ta chẳng có phản ứng rõ rệt nào trước những lời ngốc nghếch của Marshall.

“Trò sợ là không hẳn, thưa thầy. Nhưng có một dòng tư tưởng mà theo đó điều ta có thể thực sự nói về bất cứ sự kiện lịch sử nào - thậm chí cả việc Thế chiến thứ nhất bùng nổ, ví dụ thế - là ‘có chuyện gì đó đã xảy ra’.”

“Thật thế sao? Chà, điều này có thể làm tôi thất nghiệp ấy chứ, phải không nhỉ?” Sau lác đác những tiếng cười nhịn nọt, Joe Hunt Già tha thứ

cho cái sự lười nhác sau kỳ nghỉ hè của lũ chúng tôi và nhờ cho một bài ù tai về vị vua đồ tể đa thê [1] .

Lúc nghỉ giữa giờ, tôi đi tìm Finn. “Tôi là Tony Webster.” Cậu ấy nhìn tôi nghi ngại. “Đối đáp với thầy Hunt khá lắm.” Cậu ấy như thế không hiểu tôi đang có ý nói tới chuyện gì. “Về chuyện gì đó xảy ra ấy mà.”

“Ờ. Đúng. Tôi khá là thất vọng vì ông ấy chẳng muốn tiếp tục.”

Tôi không ngờ là cậu ấy lại nói vậy.

Có một chi tiết khác tôi còn nhớ: ba thằng tụi tôi, như một biểu tượng gắn bó, thường hay đeo đồng hồ quay mặt vào cổ tay trong. Chỉ là một trò màu mè điệu bộ, tất nhiên, nhưng có thể còn có cái gì đó hơn thế nữa. Trò ấy tạo cảm giác như thời gian là thứ gì đó thật riêng tư, thậm chí còn là một thứ bí mật. Chúng tôi những tưởng Adrian sẽ lưu ý cử chỉ ấy và hòa theo; nhưng cậu ấy đã không làm vậy.

\*

\* \*

Cùng hôm ấy nhưng muộn hơn - hay cũng có khi là một hôm khác - chúng tôi có liền hai tiết tiếng Anh của thầy Phil Dixon, một thầy trẻ mới xong cao học Cambridge về. Thầy này thích văn học đương đại, và sẵn sàng tung ra những đánh đố bất ngờ. “ ‘Sinh, Giao cấu, và Tử’ - T. S. Eliot nói tất cả chỉ có vậy thôi. Có bình luận nào không?” Từng có lần thầy so sánh một nhân vật của Shakespeare với Kirk Douglas trong phim *Spartacus*. Và tôi nhớ khi chúng tôi tranh luận về thơ của Ted Hughes [2] , thầy ngả đầu rất chi học giả và thì thầm, “Tất nhiên, chúng ta đều băn khoăn không biết điều gì sẽ xảy ra khi ông ta cạn mất vốn muông thú nhỉ.” Đôi khi, thầy gọi chúng tôi là “Quý ông”. Chúng tôi quý thầy, rất tự nhiên như thế.

Chiều hôm ấy, thầy đưa ra một bài thơ không đề, không ngày sáng tác lẫn tên tác giả, cho chúng tôi mười phút để ngâm cứu, rồi bắt chúng tôi trả lời.

“Chúng ta có thể bắt đầu với trò được chứ, Finn? Thật đơn giản nhé, theo trò bài thơ này *nói về điều gì?*”

Adrian từ bàn cậu nhìn lên. “Eros và Thanatos, thưa thầy.”

“Hừm. Tiếp đi.”

“Tình dục và cái chết,” Finn tiếp tục, như thể không chỉ có bọn đầu đất ngồi hàng ghế sau cùng mới chẳng hiểu tiếng Hy Lạp gì sất. “Hoặc tình yêu và cái chết, nếu thầy thích thế hơn. Nguyên lý tình dục, trong mọi trường hợp, đều trở nên mâu thuẫn với nguyên lý chết chóc. Và những gì phát sinh từ mâu thuẫn đó. Thưa thầy.”

Hắn trông tôi bị choáng hơn mức Dixon cho là lành mạnh.

“Webster, trò giải thích rõ thêm xem nào.”

“Trò chỉ vừa nghĩ đó là bài thơ về một con chim cú, thưa thầy.”

Đây là một trong những điểm khác biệt giữa ba thằng tôi và người bạn mới. Chúng tôi về cơ bản chỉ làm trò tườu, trừ những lúc nghiêm túc. Cậu ấy về cơ bản là nghiêm túc, trừ những lúc làm trò tườu. Phải mất một thời gian chúng tôi mới nhận rõ được như vậy.

\*

\* \*

Adrian tự cho phép mình nhập bọn với chúng tôi, mà chẳng hề công nhận rằng đó là điều cậu ấy mong mỏi. Có lẽ cậu ấy không mong mỏi thật. Mà cũng chẳng cố chỉnh đốn quan điểm cho phù hợp với chúng tôi. Trong

những buổi cầu kinh sáng có thể nghe thấy cậu ấy tham gia hát đáp [3] trong khi Alex và tôi thì chỉ mấp máy các từ, còn Colin thì thích chiêu trò châm biếm kiểu nhiệt tình găm gù của một kẻ cuồng tín giả hiệu. Ba chúng tôi coi các môn thể thao ở trường là một thứ kế hoạch phát-xít-ngầm nhằm đàn áp nhu cầu tình dục của chúng tôi; Adrian thì lại tham gia câu lạc bộ đấu kiếm và chơi nhảy cao. Chúng tôi đàn gảy tai trâu đến mức thù địch; cậu ấy lại mang kèn clarinet đến trường. Khi Colin kể tội gia đình, tôi giễu cợt hệ thống chính trị, và Alex đưa ra những nhận định chống đối rất triết học về bản chất thực tại được lĩnh hội, Adrian lại không bày tỏ ý kiến của cậu ấy - dù sao thì lúc đầu cũng là như vậy. Cậu ấy gây ấn tượng là có tin vào nhiều điều. Chúng tôi cũng làm vậy - có điều bọn tôi chỉ muốn tin vào những thứ của riêng mình hơn là những điều người ta quyết định cho mình. Thế nên cái đó chúng tôi coi như là thứ chủ nghĩa hoài nghi thanh lọc của chúng tôi.

Ngôi trường ở trung tâm London, và ngày ngày chúng tôi tới đó từ các khu ngoại ô khác nhau, đi qua hết hệ thống kiểm tra này sang hệ thống kiểm tra khác. Hồi ấy, mọi thứ đều giản dị hơn: ít tiền hơn, không có các thiết bị điện tử, thời trang ít chi phối, không bạn gái. Không có điều gì làm chúng tôi sao lãng khỏi nghĩa vụ nhân bản và hiếu thuận nhưng ấy là học hành, vượt qua các kỳ thi, dùng những bằng cấp đó để tìm việc, rồi thì xây dựng một lối sống đủ đầy thân thiện hơn lối sống của bố mẹ, họ sẽ đồng tình, mặc dù vẫn âm thầm so sánh nó với đời họ trước kia, từng đơn giản hơn, và cũng vì vậy mà cao cấp hơn. Dĩ nhiên chưa từng có điều nào trong số đó được nói ra: chủ nghĩa Darwin xã hội quý phái của tầng lớp trung lưu Anh quốc vẫn cứ là bất thành văn như vậy.

“Phụ huynh ấy, là một lũ chết tiệt khốn nạn,” Colin than thở vào một bữa trưa thứ Hai đầu tuần. “Lúc còn nhỏ thì mày nghĩ là họ cũng hay ho, rồi mày nhận ra họ cũng chỉ như...”

“Henry VIII, hả Col?” Adrian gợi ý. chúng tôi đã bắt đầu quen dần với cái kiểu châm biếm của cậu ấy; cũng như việc nó có thể quay trở lại phản

thùng chính chúng tôi. Khi trêu chọc, hoặc lôi chúng tôi nghiêm túc trở lại, cậu ấy sẽ gọi tôi là Anthony, Alex sẽ thành Alexander, và Colin không thể kéo dài thì bị ngắn lại thành Col.

“Chẳng phiền nếu bố tao có đến nửa tá bà vợ.”

“Và giàu đến không thể tin nổi.”

“Và được Holbein <sup>[4]</sup> vẽ chân dung.”

“Và bảo Giáo hoàng cút xéo.”

“Có lý do đặc biệt nào để gọi họ là CTKN không?” Alex hỏi Golin.

“Tao muốn tụi mình đi tới khu vui chơi giải trí. Thế mà họ nói họ sẽ làm vườn cả mấy ngày cuối tuần.”

Đúng: chết tiệt khốn nạn. Trừ Adrian, kẻ luôn nghe các bản tuyên án của chúng tôi, nhưng chẳng mấy khi tham gia. Cho dù, đối với chúng tôi, cậu ấy dường như có nhiều lý do hơn cả để làm thế. Mẹ Adrian bỏ đi đã nhiều năm rồi, để cho bố cậu ấy phải xoay xở với cậu ấy và đứa em gái. Chuyện này xảy ra rất lâu trước khi cụm từ “gia đình khuyết” <sup>[5]</sup> được sử dụng; hồi ấy chỉ là một “tổ ấm tan vỡ”, và Adrian là đứa duy nhất chúng tôi quen có gia đình như vậy. Điều đó lẽ ra đã phải khiến cậu ấy chất chứa một khối giận dữ sâu thẳm, thế nhưng cách nào đó chuyện lại không như vậy; cậu ấy nói mình yêu mẹ và kính trọng bố. Ba thằng chúng tôi lén điều tra hoàn cảnh của cậu ấy và đi đến một giả thiết: chìa khóa cho một cuộc sống gia đình hạnh phúc, ấy là không có gia đình nào cả - hoặc ít nhất là, không phải một gia đình sống chung bên nhau. Phân tích xong xuôi rồi, chúng tôi còn ghen tị với Adrian hơn nữa.

\*

\* \*

Hồi ấy, chúng tôi tưởng tượng mình đang bị giam cầm trong một thứ trại giam, chờ cho tới lúc được thả vào đời. Và khi cái thời khắc đó đến, đời chúng tôi - và ngay bản thân thời gian nữa - sẽ tăng tốc. Làm thế nào chúng tôi có thể biết được rằng đời chúng tôi dù sao thì cũng đã bắt đầu mất rồi, rằng có lợi thế đã đạt được, có tổn thương từng nhức nhối? Hơn nữa, việc phóng thích chúng tôi chẳng qua cũng chỉ là để thả vào một trại giam lớn hơn, mà những đường ranh giới có thể lúc đầu không dễ nhận thấy.

Trong khi ấy, chúng tôi đối-sách, đối-tình dục, ủng hộ chế độ trọng hiền tài, theo chủ nghĩa vô chính phủ. Với chúng tôi mọi hệ thống chính trị và xã hội đều là sa đọa, thậm chí chúng tôi còn khước từ xem xét bất kỳ phương án nào ngoài trạng thái hỗn độn khoái lạc chủ nghĩa. Tuy nhiên, Adrian đã thúc đẩy chúng tôi tin vào việc áp dụng tư duy trong cuộc sống, vào quan điểm nguyên tắc phải dẫn lối cho hành động. Trước kia, Alex được xem như triết gia trong mấy đứa tôi. Cậu ấy đọc những thứ hai thằng kia không đọc, và ví dụ như có thể bỗng dưng tuyên bố, “Biết thì thừa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe.” [6] Colin và tôi sẽ im lặng cân nhắc ý này một lúc, rồi cười ngoác, rồi tiếp tục nói chuyện. Nhưng giờ đây việc có thêm Adrian đã đẩy Alex bật ra khỏi vị trí của cậu ấy - hoặc đúng hơn là cho chúng tôi một lựa chọn triết gia khác. Nếu Alex đã đọc Russell và Wittgenstein, thì Adrian đã đọc Camus và Nietzsche. Tôi đã đọc George Orwell và Aldous Huxley; Colin đã đọc Baudelaire và Dostoevsky. Đây mới chỉ là một cách biếm họa hời hợt.

Vâng, tất nhiên chúng tôi ra vẻ ta đây - thì tuổi trẻ còn để làm gì khác nữa đâu? Chúng tôi dùng những thuật ngữ như “Thế giới quan [7]” với “Giông tố và thôi thúc [8]”, thích thú nói “Điều đó là hiển nhiên tự thân một cách triết học”, và quả quyết với nhau rằng nhiệm vụ đầu tiên của trí tưởng tượng là có xu hướng vi phạm chuẩn mực. Bố mẹ chúng tôi nhìn mọi thứ rất khác, họ vẽ nên hình ảnh con cái như những kẻ ngây thơ vô tội bỗng dưng bị rơi vào vòng ảnh hưởng độc địa. Vậy là mẹ của Colin quy kết tôi là “thiên thần bóng tối” của cậu ấy; bố tôi trách Alex khi bắt gặp tôi đang đọc



*Tuyên ngôn Cộng sản*; Colin bị bố mẹ Alex chỉ mặt khi tóm được cậu ấy với một cuốn tiểu thuyết trinh thám thuộc dòng máu lạnh của Mỹ. Và nhiều nữa. Cũng như vậy với chuyện tình dục. Bố mẹ chúng tôi nghĩ chúng tôi có thể làm suy đồi lẫn nhau để rồi trở thành những gì họ sợ nhất: một thằng thủ dâm hết thuốc chữa, một gã đồng tính quyến rũ, một kẻ dám dâng làm gái ẽnh bưng rất vô tư. Về phần chúng tôi họ khiếp hãi cái kiểu gằn gỏi của tình bạn niên thiếu, kiểu cư xử như thú săn mồi của những người lạ trên các chuyến tàu, hay là quyến rũ nhằm loại gái. Những nỗi lo sợ của họ thật là vượt quá xa kinh nghiệm của chúng tôi.

\*

\* \*

Một chiều, thầy Joe Hunt Già, như thể tiếp tục vụ thách thức của Adrian lúc trước, yêu cầu chúng tôi tranh luận về nguyên nhân Thế chiến thứ nhất: đặc biệt là trách nhiệm của kẻ ám sát ngài Đại Công tước Áo Franz Ferdinand trong việc khởi đầu mọi chuyện. Hồi đó, đa số chúng tôi theo thuyết tuyệt đối. Chúng tôi thích Có đấu với Không, Ca ngợi đấu với Trách cứ, Có tội đấu với Vô tội - hoặc, ở trường hợp Marshall, Bất ổn đấu với Bất ổn Kinh khủng. Chúng tôi thích trò chơi kết thúc có thắng có thua, không được hòa. Và với một số người, tay súng Serbia đó, tên y là gì tôi quên mất từ lâu rồi, có một trăm phần trăm trách nhiệm cá nhân: nếu bỏ hẳn ra khỏi phương trình, cuộc chiến hẳn đã chẳng bao giờ xảy ra. Những người khác ủng hộ quan điểm một trăm phần trăm trách nhiệm nằm ở các lực lượng lịch sử, những lực lượng đã đặt các dân tộc đối nghịch nhau vào một cuộc đụng độ không thể tránh khỏi: “Châu Âu khi ấy là một thùng thuốc súng chỉ chờ nổ tung”, vân vân và vân vân. Những đứa đậm chất vô chính phủ hơn, như Colin, biện luận rằng mọi thứ tùy thuộc vào may rủi, rằng thế giới tồn tại trong một trạng thái hỗn độn liên tu bất tận, và chỉ có bản năng kể chuyện sơ khai nào đó, bản thân nó, không nghi ngờ gì, chính

là một thứ sống sót từ tôn giáo, áp đặt ý nghĩa lên những gì có thể đã hoặc không xảy ra, theo lối hồi cố.

Thầy Hunt gạt một cái nhanh trước cố gắng ngằm phá hoại mọi thứ của Colin, như thể sự thiếu lòng tin theo kiểu chết chóc là một thứ phụ phẩm tự nhiên của tuổi niên thiếu, là cái gì đó đã không còn hợp với tuổi nó nữa rồi. Giáo viên và phụ huynh thường nhắc nhở chúng tôi đến phát bực cả lên rằng họ cũng từng có một thời tuổi trẻ, và vì vậy mà có thể nói với đầy đủ thẩm quyền. Đó chẳng qua cũng chỉ là một giai đoạn, họ nhấn mạnh. Chúng bay sẽ lớn lên thoát khỏi đó: cuộc sống sẽ dạy chúng bay đời thực và thái độ sống thực tế. Nhưng hồi ấy chúng tôi từ chối thừa nhận rằng họ từng giống chúng tôi bất cứ điều gì, và chúng tôi biết rằng mình nắm bắt được: cuộc sống - và sự thật, và luân lý, và nghệ thuật - còn rõ ràng hơn rất nhiều các vị già đời đã chịu thỏa hiệp kia.

“Finn, trò vẫn yên lặng. Chính trò là người làm cho quả bóng bắt đầu lăn. Trò, như hồi ấy, là tay súng Serbia của chúng ta.” Thầy Hunt dừng chờ lời bóng gió của mình kịp gây tác dụng. “Trò có vui lòng cho chúng ta thụ hưởng từ những suy tư của trò được chẳng?”

“Trò không biết, thưa thầy.”

“Trò không biết điều gì?”

“Vâng thì, theo một nghĩa, trò không thể biết điều trò không biết. Điều đó là hiển nhiên tự thân một cách triết học.” Cậu ấy tạo ra một trong những nhịp nghỉ nhỏ ấy, trong đó chúng tôi lần nữa lại tự vấn liệu cậu ấy có dẫn thân vào một trò giễu cợt tinh vi hay vào một sự nghiêm túc cao độ vượt trên tất cả chúng tôi chẳng. “Thực ra, chẳng phải cả vụ việc gán trách nhiệm này chính là một kiểu trốn tránh hay sao? Chúng ta muốn đổ tội cho một cá nhân để mọi người khác đều được vô tội. Hoặc chúng ta đổ tội cho một quá trình lịch sử như một cách giải tội cho các cá nhân. Hoặc tất cả đều hỗn loạn vô chính phủ, và hậu quả vẫn sẽ y như vậy. Trò thấy có vẻ như có

- đã có - một chuỗi trách nhiệm cá nhân, mà tất cả đều cần thiết, nhưng chẳng mấy chốc trở thành một chuỗi nơi ai cũng có thể dễ dàng đổ lỗi cho mọi người khác. Nhưng tất nhiên, mong muốn quy trách nhiệm của trò có thể là một suy nghĩ riêng theo kiểu của trò hơn là một phân tích công bằng về điều đã xảy ra. Đó là một trong những vấn đề trọng tâm của lịch sử, phải không, thưa thầy? Câu hỏi về diễn giải chủ quan đối đầu với diễn giải khách quan, sự thật là chúng ta cần phải biết lịch sử của nhà sử học thì mới hiểu được cái phiên bản đang được đặt trước mặt ta kia.”

Có một khoảng lặng. Mà không, cậu ấy không hề làm trò tườu, không một chút nào.

Thầy Joe Hunt Già nhìn xuống đồng hồ đeo tay và mỉm cười. “Finn, năm năm nữa tôi về hưu. Và tôi sẽ rất vui lòng giới thiệu nếu trò muốn tiếp quản.” Và thầy cũng chẳng hề đùa.

\*

\* \*

Một sáng tập trung toàn trường, thầy hiệu trưởng, với cái giọng âm ỉm vẫn được để dành cho các vụ đuối học và các trận thể thao thua thảm, đã thông báo rằng thầy mang tin buồn, ấy là Robson lớp Khoa học khối sáu đã qua đời cuối tuần qua. Trên nền rì rầm những tiếng thì thào hoang mang, thầy báo với chúng tôi rằng Robson đã bị lìa cành khi đương độ tuổi hoa, rằng cái chết của cậu là một mất mát đối với cả trường, và rằng tất cả chúng tôi sẽ dự tượng trưng đám tang của cậu ta. Tức là thầy nói mọi chuyện, trừ chuyện chúng tôi muốn biết: như thế nào, vì sao, và có phải hóa ra đó là một vụ án mạng không, do kẻ nào.

“Eros và Thanatos,” Adrian bình luận trước khi giờ học đầu tiên trong ngày bắt đầu. “Thanatos lại thắng lần nữa.”

“Robson không hẳn là nguyên liệu Eros-và- Thanatos,” Alex nói với cậu ấy. Colin và tôi gật đầu đồng tình. Chúng tôi biết bởi cậu ấy từng học cùng lớp với chúng tôi vài năm: một cậu chàng vững vàng, không giàu trí tưởng tượng, thiếu quan tâm tới nghệ thuật đến mức trầm trọng, kẻ vẫn song hành mà không làm ai méch lòng bao giờ. Bây giờ cậu ấy lại làm méch lòng chúng tôi bằng cách tự làm mình nổi danh nhờ cái chết trẻ. Bông hoa tuổi trẻ, thực ra là: cậu Robson mà tụi tôi quen đã thành loài rau cỏ mất rồi.

Chẳng thấy nhắc đến bệnh tật, tai nạn xe đạp hay vụ nổ ga nào, và vài ngày sau đó tin đồn (hay chính là Brown lớp Toán khối sáu) đã cung cấp điều các nhà cầm quyền không thể, hoặc không muốn cung cấp. Robson làm bạn gái chữa, treo cổ trên phòng áp mái, hai ngày sau mới được tìm thấy.

“Tao chẳng bao giờ nghĩ là nó lại biết cách tự treo cổ.”

“Nó học lớp Khoa học sáu rồi mà.”

“Nhưng mày phải biết buộc loại nút trượt đặc biệt cơ.”

“Đấy chỉ là trong phim thôi. Và trong các vụ xử tử thật nữa. Mày có thể làm thế với một cái nút bình thường. Chỉ tốn thêm chút thời gian để chết ngạt thôi.”

“Chúng mày nghĩ bạn gái nó trông thế nào?”

Chúng tôi cân nhắc các khả năng đã biết: gái đồng trinh đức hạnh (nay đã thành cựu- đồng trinh), gái bán hàng khêu gợi, phụ nữ hơn tuổi có kinh nghiệm, điểm nhiễm bệnh phong tình. Chúng tôi bàn luận chuyện này cho tới khi Adrian chinh hướng mỗi quan tâm của cả bọn.

“Camus nói rằng tự tử là vấn đề triết học đích thực duy nhất.”

“Ngoài đạo đức về chính trị và mỹ học và bản chất của thực tại và tất cả các thứ khác.” Có vị gắt trong câu phản thùm của Alex.

“Đó là điều duy nhất *đúng*. Thứ nền tảng, mọi cái khác đều phải phụ thuộc vào.”

Sau một phân tích dài về vụ tử của Robson, chúng tôi kết luận rằng chỉ có thể coi nó mang tính triết học trong nghĩa số học của thuật ngữ ấy thôi: cậu ta, đang sắp sửa gây ra vụ tăng thêm một người vào dân số nhân loại, đã quyết định nghĩa vụ đạo đức của mình là giữ cho các con số trên hành tinh bất biến. Nhưng ở mọi khía cạnh khác chúng tôi phán xét rằng Robson đã để chúng tôi - và sự suy nghĩ nghiêm túc - bị xuống tinh thần. Hành động của cậu ấy thật phi triết học, hư hỏng và phi nghệ thuật: nói theo một cách khác, là sai quấy. Về phần thư tuyệt mệnh của cậu ta, theo như tin đồn (lại là Brown), nó viết: “Mẹ ơi, con xin lỗi”, chúng tôi cảm thấy nó đã bỏ qua một cơ hội giáo dục người khác một cách mạnh mẽ.

\*

\* \*

Có lẽ chúng tôi đã không khăn khò với Robson đến vậy nếu không phải vì một sự kiện cốt yếu, bất di bất dịch: Robson ở cùng độ tuổi chúng tôi, theo thuật ngữ của chúng tôi thì cậu ta không thuộc loại ngoại lệ, thế mà thậm chí cậu ta không những âm mưu tìm bạn gái, không chối cãi được, mà còn ngủ với người ta. Chết tiệt khốn nạn! Vì sao lại là cậu ta mà không phải chúng tôi? Vì sao không thằng nào trong chúng tôi được kinh qua dù là *thất bại* trong công cuộc kiếm bạn gái? Ít nhất nỗi nhục đó cũng bồi bổ thêm cho sự khôn ngoan chung của chúng tôi, cho chúng tôi điều gì đó để mà khoác lác theo lối tiêu cực (“Thực ra thì, ‘thằng ngu đầy mụn mủ quấy rũ như giày cao su’ chính xác là lời đứa con gái nói”). Nhờ đọc các tác phẩm văn học vĩ đại mà chúng tôi biết rằng Tình Yêu là phải dây dưa với Chịu Đựng, và nên lấy làm hạnh phúc vì được rèn luyện trong Chịu Đựng

nếu có một lời hứa hẹn ầm ngầm, có lẽ thậm chí là hợp lý, rằng Tình Yêu hẳn là đang tới.

Đây là một trong những nỗi sợ khác của chúng tôi: Cuộc Sống hóa ra sẽ chẳng hề giống như trong Văn Chương. Hãy nhìn bố mẹ chúng tôi xem - họ có phải là cái thứ trong Văn Chương không? Cùng lắm là họ thiết tha được như người đứng nhìn và kẻ bàng quan, một phần của tấm phông sân khấu xã hội trên đó những điều có thực, đúng và quan trọng diễn ra. Như thế nào cơ? Tất cả mọi điều Văn Chương vẫn nói: tình yêu, tình dục, đạo đức, tìm bạn, hạnh phúc, chịu đựng, phản bội, ngoại tình, thiện và ác, người hùng và kẻ bất lương, tội lỗi và vô tội, tham vọng, quyền lực, công lý, cách mạng, chiến tranh, cha và con trai, mẹ và con gái, cá nhân chống lại xã hội, thành công và thất bại, án mạng, tự tử, chết chóc, Chúa. Và những con chim cú. Tất nhiên, còn có những loại văn chương khác nữa - lý thuyết, tư duy chiểu, tự truyện sướt mướt, nhưng đấy chỉ là thủ dâm không xuất tình thôi. Văn chương thực thụ nói lên sự thật về mặt tâm lý, cảm xúc và xã hội và được bày tỏ bằng hành động và suy nghĩ của các nhân vật chính; tiểu thuyết nói về nhân vật phát triển qua thời gian. Dù sao thì đấy là những gì thầy Phil Dixon nói với chúng tôi. Và kẻ duy nhất - ngoài Robson - mà cuộc đời cho đến giờ có chứa đựng điều gì đáng viết thành tiểu thuyết một chút chính là Adrian.

“Vì sao mẹ mà bỏ bố mà?”

“Tao không biết.”

“Mẹ mà có tay nào khác không?”

“Bố mà bị cảm sùng à?”

“Bố mà có bồ không?”

“Tao không biết. Họ nói là khi nào lớn hơn tao sẽ hiểu.”

“Họ lúc nào mà chẳng hứa thế. Giải thích bây giờ thì có được không, tao toàn nói thế đấy.” Ngoại trừ việc tôi chưa từng nói thế bao giờ. Và nhà tôi, theo như tôi có thể kể được, chẳng hề có bí ẩn quái gì, trong nỗi xấu hổ và thất vọng của tôi.

“Có thể mẹ mày có tình nhân trẻ ấy nhỉ.”

“Làm sao tao biết được. Chúng tao chẳng bao giờ gặp ở chỗ bà. Bà ấy toàn lên London thôi.”

Chuyện này thật vô vọng. Trong một cuốn tiểu thuyết, Adrian sẽ chẳng chấp nhận những thứ như người ta sắp đặt cho cậu. Có một hoàn cảnh xứng đáng viết tiểu thuyết để làm gì nếu nhân vật chính chẳng cư xử như phải cư xử trong một quyển sách? Đáng lẽ Adrian phải rình rập, hoặc tiết kiệm tiền túi và thuê thám tử tư; có lẽ cả bốn chúng tôi phải lên đường Điều tra để Khám phá ra Sự thật. Hay là như thế chẳng mấy như văn chương mà lại quá ư là giống câu chuyện của bọn con nít?

\*

\* \*

Trong buổi học lịch sử cuối năm, thầy Joe Hunt Già, người đã dẫn dắt lũ trò lơ phờ của thầy qua các đời Tudor và Stuart, các đời Victoria và Edward, qua thời Hưng thịnh của Đế chế và ngày Suy vong Tiếp nối của nó, đề nghị chúng tôi nhìn lại tất cả những thế kỷ ấy và thử rút ra kết luận.

“Chúng ta có thể bắt đầu, chắc vậy, với một câu hỏi có vẻ rất đơn giản, Lịch sử là gì? Trò có ý kiến gì không, Webster?”

“Lịch sử là những lời dối trá của kẻ chiến thắng,” tôi trả lời, có phần quá vội.

“Đúng, tôi đã khá sợ là trò sẽ nói vậy. Ừ thì, miễn sao trò nhớ được rằng đó cũng là những điều tự hoang tưởng của kẻ chiến bại. Simson thì sao?”

Colin được chuẩn bị khá hơn tôi. “Lịch sử là một chiếc sandwich hành sống, thưa thầy.”

“Tại sao lại thế?”

“Nó chỉ lặp đi lặp lại thôi, thưa thầy. Nó ợ. Chúng ta vừa được thấy nó hết lần này đến lần khác suốt cả năm học. Cùng một câu chuyện cũ, cùng một dao động cũ giữa bạo quyền và nổi dậy, chiến tranh và hòa bình, thịnh vượng và nghèo đói.”

“Hơi nhiều để một cái sandwich chứa nổi, trò có thấy thế không?”

Chúng tôi cười quá mức so với yêu cầu, một cơn kích động cuối-học-kỳ.

“Finn?”

“Lịch sử là tính chắc chắn được sản sinh vào thời điểm những khiếm khuyết của trí nhớ gặp những thiếu sót của tư liệu.”

“Là như thế, thật vậy sao? Trò tìm thấy cái đó ở đâu thế?”

“Lagrange, thưa thầy. Patrick Lagrange <sup>[9]</sup>. Ông này người Pháp.”

“Vậy thì lẽ ra ta phải đoán được. Cậu có vui lòng cho chúng ta một ví dụ chẳng?”

“Vụ tự tử của Robson, thưa thầy.”

Có một tiếng lấy hơi rõ rệt và cái quay đầu hấp tấp nào đó. Nhưng thầy Hunt, cũng như các thầy giáo khác, dành cho Adrian một vị thế đặc



biệt. Ai khác trong chúng tôi mà thử khiêu khích thì sẽ bị coi rẻ như một thứ chủ nghĩa hoài nghi ngu ngốc nông nổi - thêm một điều đã không còn hợp với chúng tôi nữa. Những khiêu khích của Adrian một cách nào đó được đón chào như những cuộc kiếm tìm chân lý đầy vụng về.

“Chuyện đó liên quan gì tới vấn đề này?”

“Đó là một sự kiện lịch sử, thưa thầy, thứ yếu thôi. Nhưng mới xảy ra. Vì thế nó phải được dễ dàng hiểu như là lịch sử. Chúng ta biết rằng cậu ấy đã chết, chúng ta biết rằng cậu ấy có bạn gái, chúng ta biết rằng cô ấy đang có thai - hoặc từng có thai. Chúng ta còn có gì nữa? Một mảnh tài liệu đơn nhất, thư tuyệt mệnh viết “Mẹ ơi, con xin lỗi” - ít nhất theo Brown thì là như vậy. Lá thư ấy có còn không? Hay đã bị hủy? Robson còn có động cơ hay lý do nào khác ngoài những điều đã rõ ràng không? Tâm trạng cậu ấy khi đó thế nào? Ta có thể chắc được đó là con cậu ấy không? Chúng ta không thể biết, thưa thầy, mà chuyện mới chỉ xảy ra thôi. Thế thì làm sao ai đó có thể viết câu chuyện về Robson sau khoảng thời gian năm mươi năm, khi cha mẹ cậu ấy đã chết và bạn gái cậu ấy đã biến mất và đằng nào thì cũng không muốn nhớ tới cậu ấy nữa? Thầy nhìn ra vấn đề chứ ạ?”

Chúng tôi nhìn thầy Hunt, tự hỏi liệu lần này Adrian có đi quá xa không. Riêng cái từ “có thai” dường như vẫn còn lơ lửng như bụi phấn. Còn về phần gợi ý táo bạo về một ông bố khác, về Robson Cậu học trò bị cầm sừng... sau một lúc, thầy giáo trả lời.

“Tôi hiểu vấn đề, Finn. Nhưng tôi nghĩ trò đánh giá thấp lịch sử. Và vì vậy cả sử gia nữa. Để tiện cho lập luận, chúng ta hãy cứ cho rằng trò Robson đáng thương đại diện cho mối quan tâm của lịch sử. Các sử gia luôn phải đối mặt với việc thiếu bằng chứng trực tiếp cho mọi chuyện. Điều này họ quen rồi. Và đừng quên rằng trong trường hợp hiện tại này hẳn phải có một cuộc điều tra, và vì thế sẽ có một biên bản điều tra về vụ chết bất thường này. Robson cũng có thể đã có nhật ký, hoặc các bức thư viết tay, những cuộc điện thoại đã gọi mà nội dung còn nhớ được. Bố mẹ trò ấy có

thể đã trả lời những bức thư chia buồn họ nhận được. Và năm mươi năm nữa, cứ tính với tuổi thọ trung bình hiện nay, cũng phải có đến vài bạn học của trò ấy vẫn còn có thể sẵn sàng trả lời phỏng vấn. Vấn đề có lẽ đỡ nản lòng hơn là trò tưởng.”

“Nhưng không gì có thể bù lại được việc thiếu vắng lời chứng của chính Robson, thưa thầy.”

“Theo cách nào đó thì không. Thế nhưng các nhà sử học cũng cần phải xử lý cách giải thích riêng của một người tham gia sự kiện với một thái độ hoài nghi nhất định. Thường thì lời được kể với con mắt nhìn về tương lai là điều đáng ngờ nhất.”

“Nếu thầy nói vậy, thưa thầy.”

“Và các trạng thái tinh thần thường xuyên được phỏng đoán từ các hành vi. Tên bạo chúa hiếm khi gửi một bức thư viết tay yêu cầu trừ khử kẻ thù.”

“Nêu thầy nói vậy, thưa thầy.”

“Ừ, tôi nói thế.”

Đây có phải là những lời chính xác của họ không? Gần như chắc chắn là không. Vậy nhưng, đó vẫn là ký ức khá khảm nhất của tôi về cuộc trao đổi giữa họ.

\*

\* \*

Chúng tôi học xong, hứa với nhau cả đời sẽ là bạn, và mỗi đứa rẽ về một ngả. Adrian, chẳng làm ai ngạc nhiên, trúng học bổng tại Cambridge. Tôi theo học lịch sử ở Eiristol, Colin đi Sussex, còn Alex làm cho bố nó.

Chúng tôi viết thư cho nhau, như mọi người - kể cả những người trẻ tuổi - vẫn làm ngày ấy. Nhưng chúng tôi ít kinh nghiệm về hình thức thể hiện, vì thế một đường vòng vo ngượng ngập thường rào trước bất cứ cơn vội vã nào về nội dung. Có một dạo, bắt đầu một bức thư bằng câu, “Nhân dịp nhận được lá thư ngày 17 cùng tháng” có vẻ khá là dí dỏm.

Chúng tôi thề thốt gặp nhau đủ cả ba tháng mỗi lần rời trường đại học về nhà vào kỳ nghỉ; nhưng không phải khi nào cũng được vậy. Và việc viết cho nhau có vẻ như đã xác định rõ được động lực trong quan hệ của chúng tôi. Nhóm ba người ban đầu viết ít thường xuyên và ít nhiệt thành cho nhau hơn là cho Adrian. Chúng tôi muốn giành được sự chú ý, sự tán thành của cậu ấy; chúng tôi tranh thủ cậu ấy, và kể cho cậu ấy những chuyện tốt đẹp nhất của mình trước đã; chúng tôi mỗi tháng đều nghĩ mình là người - và xứng đáng được - thân thiết nhất với cậu ấy. Và mặc dù đứa nào cũng tự kết thêm bạn mới, chúng tôi theo cách nào đó vẫn nghĩ rằng Adrian thì không: ba tháng tôi vẫn là bạn thân gần gũi nhất với cậu ấy, rằng cậu ấy phụ thuộc vào chúng tôi. Chẳng phải chuyện này chỉ nhằm che đậy sự thật rằng chúng tôi phụ thuộc vào cậu ấy hay sao?

Và cuộc sống nắm quyền kiểm soát, và thời gian tăng tốc. Nói cách khác, tôi kiếm được một cô bạn gái. Tất nhiên, tôi cũng đã gặp một vài cô trước đó, nhưng hoặc là kiểu tự tin của họ làm tôi cảm thấy vụng về, hoặc cái bối rối của họ chất chồng thêm lên cái bối rối của tôi. Hẳn là có một thứ mật mã nam tính bí mật nào đó, được truyền từ những cậu chàng hai tư tuổi hào hoa cho những thằng mười tám bẽn lẽn rụt rè, cái mà, một khi đã làm chủ được, nó khiến bạn có thể “cưa” bọn con gái và, ở hoàn cảnh nào đó, “sướng” với bọn nó. Nhưng tôi chưa bao giờ học hoặc hiểu được cái đó, và chắc giờ vẫn vậy. “Kỹ thuật” của tôi cốt yếu ở chỗ không có kỹ thuật nào; những người khác, đúng là không nghi ngờ gì, lại coi đấy là vụng. Thậm chí con đường mòn được coi là đơn giản như thích-uống-gì-không-muốn-nhảy-chứ-tôi-đưa-em-về-nhé-uống-cà-phê-được-chứ? cũng đòi hỏi trò đóng vai dửng dưng cảm mà tôi chịu không thể nào làm được. Tôi chỉ lượn lờ và cô

nói ra những câu thú vị mà trong bụng nghĩ sẽ làm lộn tung phèo mọi thứ. Tôi nhớ mình đang buồn rầu ngồi uống ở một buổi tiệc tùng hội học kỳ đầu tiên thì một cô đi ngang qua hỏi ra chiều thông cảm xem tôi có sao không, tôi thấy mình trả lời, “Tôi nghĩ tôi là một gã loạn tâm thần hưng-trầm cảm,” bởi vì trong cái lúc ấy nó nghe cá tính hơn là “Tôi đang hơi buồn một chút.” Khi cô ta đáp lại, “Đừng có thêm một gã như thế này nữa chứ,” rồi quay phắt đi, tôi nhận ra rằng, thay vì biến mình thành nổi bật trong đám đông hân hoan, tôi lại đi thử một câu tán tỉnh dở nhất trên đời.

Bạn gái tôi tên là Veronica Mary Elizabeth Ford, thông tin này (ý tôi là các tên đệm của cô ấy) làm tôi mất đến hai tháng mới moi được.

Nàng đang học chuyên ngành Tây Ban Nha, nàng thích thơ, và bố là một công chức. Cao khoảng một mét năm bảy với bắp chân chắc lắn, tóc nâu buông tới vai, mắt màu xanh-ghi sau cặp kính gọng xanh dương, và có nụ cười thoáng qua kín đáo. Tôi nghĩ là nàng dễ thương, ừ thì, tôi hẳn phải thấy bất cứ cô nào không xấu hổ chạy mất đều dễ thương rồi. Tôi không cố bảo nàng là tôi buồn bởi vì tôi không buồn. Nàng có một cái máy nghe đĩa nhãn Black Box còn tôi chỉ có máy nghe nhãn Dansette, và nàng có gu âm nhạc tốt hơn tôi: nàng ghét Dvorák và Tchaikovsky mà tôi rất thích, và có vài đĩa than thánh ca và các bài đoán ca lãng mạn Đức. Nàng nhìn qua bộ sưu tập đĩa nhạc của tôi với một nụ cười đôi lúc chập chờn nhưng thường xuyên hơn là nét nhíu mày tư lự. Việc tôi đã giấu cả Khúc dạo đầu 1812 và nhạc phim *Un homme et une femme* <sup>[10]</sup> chẳng giúp tôi được tha. Đã có quá nhiều thứ đáng ngờ trước cả khi nàng với tới ngăn nhạc pop đồ sộ: Elvis, The Beatles, The Rolling Stones (không phải ai cũng có khả năng không ưa họ, chắc chắn vậy), nhưng còn cả The Hollies, The Animals, The Moody Bines và hộp đựng bộ đĩa đôi của Donovan gọi là (ở ngăn dưới) *một món quà của một bông hoa dành tặng khu vườn* <sup>[11]</sup>.

“Cậu thích cái này à?” nàng hỏi, giọng trung tính.

“Để nhảy thì hay mà,” tôi đáp, hơi có chút phòng thủ.

“Cậu nhảy nhạc này à? Ở đây? Trong phòng cậu? Một mình?”

“Không, không hẳn thế.” Mặc dù tất nhiên là đúng vậy.

“Mình không nhảy,” nàng nói, một phần như nhà nhân chủng học, một phần như kẻ ra luật cho bất cứ loại quan hệ nào chúng tôi có thể có. Giá mà chúng tôi có hẹn hò nhau.

Tôi nghĩ là phải giải thích ý nghĩa cái khái niệm “hẹn hò” hồi ấy, bởi thời gian đã làm nó thay đổi rồi. Mới đây tôi nói chuyện với một bà bạn có cô con gái vừa về bên bà trong tâm trạng sầu não. Con bé mới học kỳ hai đại học, đã ngủ với một thằng cu, thằng này - công khai, và theo như con bé biết - đồng thời đã ngủ với vài đứa con gái khác. Điều thằng bé đó làm là cho thử vai tất cả trước khi quyết định sẽ “hẹn hò” với đứa nào. Con bé tức giận, không phải vì cái cách thức ấy - mặc dù nó cũng lờ mờ nhận thấy là bất công - mà bởi rốt cuộc nó không phải đứa được chọn.

Chuyện này làm tôi cảm thấy mình như người sống sót từ một nền văn hóa cổ kính, đã bị bỏ lại, nơi các thành viên vẫn còn dùng củ cải khắc hình như một hình thức trao đổi tiền tệ. Trở lại “hồi xưa của tôi” - dù rằng hồi ấy tôi chẳng tuyên bố chủ quyền gì đối với nó, đến giờ còn ít hơn ấy chứ - chuyện thường diễn ra thế này: bạn gặp một cô, bạn bị cô ấy cuốn hút, bạn cố tỏ ra dễ mến, bạn mời cô ấy tham gia vài sự kiện xã hội - ví dụ như đi quán - rồi mời cô ấy đi riêng, rồi lại mời lần nữa, và sau một nụ hôn tạm biệt có độ nồng nhiệt tùy nghi, bạn coi như, một cách chính thức, “hẹn hò” với cô ấy rồi. Chỉ sau khi đã cam kết ở mức bán-công khai thì bạn mới khám phá được chính sách tình dục của cô ấy thế nào. Và đôi khi như thế có nghĩa là cơ thể cô ấy sẽ được canh gác chặt chẽ không kém gì khu vực cấm đánh bắt cá.

Veronica không khác mấy những đứa con gái khác cùng thời. Họ thoải mái bên bạn về mặt cơ thể, khoác tay bạn nơi công cộng, hôn bạn đến rục cả màu má, và có thể cố ý áp ngực vào bạn chừng nào còn có tầm năm lớp

vai áo giữa da thịt và da thịt. Họ có thể hoàn toàn biết điều gì đang diễn ra trong quần bạn mà chẳng cần phải nhắc tới nó bao giờ. Và tất cả chỉ có thể thôi, trong một khoảng thời gian khá dài. Một số cô cho đi xa hơn thế: bạn nghe thấy những cặp thủ dâm cho nhau, một số khác cho phép “làm tình đầy đủ”, theo cách người ta gọi. Bạn không thể đánh giá đúng được sức nặng của sự “đầy đủ” ấy trừ phi đã có quá nhiều cái thứ nửa-vời kia. Và rồi, mỗi quan hệ tiếp tục, cũng có những thỏa hiệp ngấm ngấm, một số dựa trên những cơn thèm khát bất chợt, một số khác là hứa hẹn và cam kết - tùy vào cái mà thi sĩ [\[12\]](#) ấy gọi là “có nhẵn thì mới làm tình”.

Các thể hệ sau có thể có khuynh hướng đổ những chuyện ấy cho tôn giáo hoặc sự giả đò cả thẹn. Nhưng các cô gái - hoặc phụ nữ - mà với họ tôi từng có được cái có thể gọi là dưới mức-tình dục (vâng, không phải chỉ có mỗi Veronica) thấy đều thoải mái với cơ thể mình. Và, nếu có chuẩn mực nào đạt được, thì là với cơ thể của tôi. Nhân đây, tôi không định có ý rằng dưới mức-tình dục thì không kích thích, hay là đến nỗi gây bất mãn, mặc dù hiển nhiên là như vậy. Ngoài ra, những cô này đã cho phép đi xa hơn mẹ họ nhiều rồi, và tôi đã tiến xa hơn bố tôi rất nhiều. Ít nhất, tôi mạo muội cho là vậy. Và có lẽ thế nào thì cũng tốt hơn chẳng có gì. Chỉ mỗi tội, cùng lúc ấy, Colin và Alex lại thu xếp có được các cô bạn gái chẳng hề có chính sách khu-vực-cấm gì cả - hoặc là những lời bóng gió của các cậu ấy ngụ ý như vậy. Thế nhưng, có ai chịu nói ra toàn bộ sự thật về tình dục đâu. Và về mặt này, chẳng có gì thay đổi hết.

Tôi không hẳn là còn trinh, nếu giả dụ bạn có tự hỏi. Từ phổ thông lên đại học tôi có một vài giai đoạn học hỏi mà những cơn kích thích còn lớn hơn cả dấu ấn chúng để lại. Vì thế nên những gì xảy ra sau đó làm tôi cảm thấy còn kỳ cục hơn nhiều: bạn càng thích cô nào, và càng hợp với cô nào, thì cơ hội làm tình lại càng ít, dường như là vậy. Trừ phi, tất nhiên - và đây là một ý nghĩ mãi sau này tôi mới nảy ra rạch ròi được - một cái gì đó trong tôi bị lôi cuốn bởi những người phụ nữ từ chối tôi. Nhưng có lẽ nào một bản năng ngang chướng như thế lại tồn tại?

“Sao lại không?” bạn sẽ hỏi, khi một bàn tay ngăn trở túm lấy cổ tay bạn.

“Có cảm giác không ổn thế nào ấy.”

Đây là một đoạn trao đổi nghe được trước vô số lần ngọn lửa ga hỗn hển, đối âm với vô số lần tiếng ầm đun nước kê inh. Và chẳng có gì cãi lại được những “cảm giác”, bởi phụ nữ là chuyên gia trong lĩnh vực này, đàn ông chỉ là lính mới tò te thô thiển thôi. Vậy nên “Có cảm giác không ổn thế nào ấy” có sức mạnh thuyết phục và sự không thể bác bỏ lớn hơn nhiều so với bất cứ tiếng gọi tuân theo giáo lý nhà thờ nào hoặc lời răn nào của mẹ. Bạn có thể nói, Nhưng đây chẳng phải là những năm sáu mươi rồi sao? Vâng, nhưng chỉ đối với một số người, chỉ ở những phần nào đó trên đất nước này mà thôi.

\*

\* \*

Giá sách của tôi thành công với Veronica hơn là bộ sưu tập đĩa nhạc. Những ngày tháng ấy, sách bìa mềm có đồng phục màu truyền thông: sách Penguin màu cam cho hư cấu, sách Pelican màu xanh trời cho phi hư cấu. Có nhiều màu xanh hơn màu cam trên giá sách là minh chứng cho Sự nghiêm túc. Và nói chung, tôi có đủ những đầu sách chuẩn: Richard Hoggart, Steven Ruciman, Huizinga, Eysenck, Empson... thêm cả cuốn *Honest to God* [13] của Giám mục John Robinson ngay cạnh truyện tranh của Larry [14] nữa chứ. Veronica khen tôi bởi cho rằng tôi đã đọc hết cả, mà chẳng hề nghi ngờ rằng đa số các cuốn cũ sờn vì chúng là sách cũ ngay khi mua.

Giá sách của nàng có rất nhiều thơ, in thành tập lớn hoặc sách cỡ nhỏ: Elliot, Auden, MacNeice, Stevie Smith, Thom Gunn, Ted Hughes. Có sách của Orwell và Koestler in ở Left Book Club [15], một số tiểu thuyết thế kỷ XIX bìa bọc da bê, một vài cuốn cho trẻ em của Arthur Rackham, và quyển gối đầu giường, *I Capture the Castle* [16]. Tôi chẳng có lấy một giây nghi ngờ chuyện nàng đã đọc hết tất cả, hoặc chuyện đây là những cuốn sách chuẩn nên sở hữu. Hơn nữa, chúng giống như một sự tiếp nối hài hòa của đầu óc và cá tính nàng, trong khi đồng sách của tôi thì gây cho tôi cảm giác kém ăn nhập về mặt chức năng, gượng gượng mà mô tả một tính cách tôi hy vọng sẽ trở thành. Sự bất tương xứng này ném tôi vào một cơn hoảng loạn nhẹ, và khi nhìn dọc giá sách thơ của nàng tôi túm vội lấy lời thầy Phil Dixon.

“Tất nhiên, ai mà chẳng băn khoăn điều gì sẽ xảy ra khi Ted Hughes cạn mất vốn muông thú.”

“Thật á?”



“Mình được nghe kể thế,” tôi nói yếu ớt. Từ miệng thầy Dixon, câu ấy có vẻ dí dỏm và thông thái; từ tôi thì chỉ thấy khô hài.

“Các nhà thơ không bị cạn kiệt chất liệu giống như cánh tiểu thuyết gia đâu,” nàng giảng cho tôi. “Bởi vì họ không bị phụ thuộc vào chất liệu theo cùng một cách. Và cậu đang đối xử với ông ấy như một nhà động vật học, chẳng phải sao? Nhưng thậm chí cả các nhà động vật học cũng không chán bọ thú đâu, đúng không?”

Nàng nhìn tôi với một bên mày nhướng lên trên cả gọng kính. Nàng sinh trước tôi năm tháng và đôi khi có cảm giác như trước đến năm năm.

“Đấy chỉ là lời thầy giáo Anh ngữ của mình nói thôi.”

“Ờ, bây giờ cậu đã lên đại học rồi, chúng mình phải làm cho cậu tự nghĩ lấy chứ, phải thế không?”

Có gì đó nơi cái từ “chúng mình” này làm cho tôi nghi ngại mình hiểu mọi chuyện sai hết cả. Nàng chỉ đang cố cải tạo tôi và tôi là ai mà phản đối chứ? Một trong những điều đầu tiên nàng hỏi tôi là vì sao tôi đeo đồng hồ quay mặt vào trong cổ tay. Tôi không thể giải trình được, thế là tôi quay mặt nó lại, để giờ ra phía ngoài, như những người bình thường, trưởng thành vẫn làm.

Tôi dần tự tạo thói quen dễ chịu là học hành, dành thời gian rỗi cho Veronica và, lúc trở về phòng trọ sinh viên của tôi, thủ dâm dữ dội với những mộng tưởng về nàng xoạc ra phía dưới tôi hoặc cong mình bên trên tôi. Sự gần gũi hằng ngày khiến tôi tự hào biết được về trang điểm, về chính sách trang phục, dao cạo phụ nữ, và bí ẩn cùng hậu quả của những kỳ kinh nguyệt. Tôi thấy mình ghen tị với thứ nhắc nhở đều đặn về cái gì đó rất mực nữ tính và cụ thể, kết nối chặt chẽ với chu kỳ vĩ đại của tự nhiên. Chắc hẳn tôi cũng từng diễn đạt tệ hại như thế này những lúc thử giải thích về cảm xúc ấy.

“Cậu chỉ đang lãng mạn hóa cái mà cậu không có thôi. Ý nghĩa duy nhất của nó chỉ là để báo cho cậu biết là cậu không dính bầu.”

Căn cứ vào quan hệ của chúng tôi, chuyện này làm tôi thấy hơi táo tợn.

“Ờ, mình hy vọng là chúng mình không phải đang sống ở Nazareth [17].”

Rồi tiếp theo là một trong những khoảng nghỉ khi các đôi ngăm thỏa thuận là sẽ không bàn tới chuyện gì. Và có gì để mà bàn ở đây? Có lẽ, chỉ là những điều khoản không được viết ra của bản thỏa hiệp. Từ góc nhìn của tôi, cái việc chúng tôi chưa làm tình với nhau đã miễn cho tôi khỏi phải nghĩ gì tới mối quan hệ này ngoài sự đồng lõa gần gũi với một người phụ nữ mà, về phần nàng trong thỏa thuận, sẽ không đi hỏi người đàn ông là mối quan hệ này rồi sẽ dẫn tới đâu. Ít nhất, tôi nghĩ đấy chính là quy ước giữa chúng tôi. Nhưng tôi đã lằm về phần lớn mọi chuyện, hồi ấy cũng như bây giờ. Ví dụ như, vì sao tôi tự cho rằng nàng còn trinh? Tôi chưa bao giờ hỏi nàng, và nàng chưa bao giờ nói với tôi. Tôi cho rằng nàng còn trinh bởi nàng không ngủ với tôi: thế logic trong chuyện này ở đâu?

\*

\* \*

Một dịp cuối tuần nhân kỳ nghỉ, tôi được mời tới gặp gia đình nàng. Họ sống ở Kent, đi tuyến xe lửa Orpinton là đến, một trong những khu ngoại ô chỉ vừa mới dừng phủ bê tông lên thiên nhiên, và kể từ đó tự mãn nhận vợ lấy địa vị nông thôn của mình. Trên chuyến tàu từ Charing Cross xuống đó, tôi lo lắng về cái va li của tôi - cái duy nhất tôi có - nó thật quá to làm tôi trông giống như một thằng ăn trộm tiềm năng. Trên sân ga, Veronica giới thiệu tôi với bố nàng, ông mở cốp xe ô tô, đỡ lấy cái va li từ tay tôi, và cười lớn.

“Trông như cậu đang có kế hoạch chuyển vào ấy nhỉ, chàng trai.”

Ông to lớn, xôi thịt và mặt đỏ lựng; ông làm tôi thấy gớm quá. Có phải trong hơi thở của ông có mùi bia không? Vào giờ này trong ngày sao? Làm sao người đàn ông kia lại sinh ra được một cô con gái tinh tế đến thế?

Ông ta lái chiếc Humber Super Snipe với trạng thái sốt ruột sừng sượt thở dài trước sự ngu xuẩn của người khác. Tôi ngồi ghế sau, một mình. Thình thoảng, ông ta lại trở vào các thứ, chắc là chỉ cho tôi thấy, dấu rằng tôi chẳng thể biết được mình có phải đáp lại hay không. “Nhà thờ St Michael, gạch và đá, được cải tạo nhiều bởi các nhà trùng tu thời Victoria.” “Café Royal chỉ riêng chúng tôi mới có đây – *voilà* [18]!” “Hãy để ý cái cửa hàng bán rượu đặc biệt có cái khung nửa gạch nửa gỗ cổ bên tay phải kia.” Tôi nhìn vào gương mặt Veronica quay nghiêng tìm kiếm manh mối, nhưng chẳng nhận được gì.

Họ sống trong một ngôi nhà lợp ngói, gạch đỏ, riêng biệt, với một khoảng sân rải sỏi đằng trước. Ông Ford mở cửa trước và hét to chẳng rõ cho ai:

“Thằng bé đến ở một tháng nhé.”

Tôi nhận thấy ánh bóng loáng trên đồ gỗ sẫm màu, và ánh bóng loáng trên lá một cái cây kỳ quặc trồng trong chậu. Bố Veronica tóm va li của tôi như thể đang tuân theo những luật đón tiếp xa vời nào và, lối bịch phóng đại sức nặng của nó, mang lên phòng áp mái và quăng lên trên giường. Ông ta chỉ vào một cái bồn rửa nhỏ có lỗ thoát nước.

“Buổi đêm thì tè vào đây nếu cậu muốn.”

Tôi gật đầu đáp lại. Tôi không thể nào nói được ông ta đang tỏ ra nam tính kiểu rất thân tình, hay đang coi tôi như một thằng cặn bã hạ đẳng.

\*

\* \*

Jack, anh trai của Veronica, dễ đọc vị hơn: một trong những gã trai trẻ ưa thể thao, khỏe mạnh hay cười nhạo mọi thứ và trêu chọc cô em gái nhỏ. Anh ta cư xử với tôi như thể tôi là một đối tượng của trí tò mò hơi hợt, mà còn chẳng phải là món đầu tiên được trưng bày cho anh ta đánh giá nữa cơ. Mẹ của Veronica lờ đi tất cả những khung cảnh phụ quanh bà, hỏi han tôi về chuyện học hành, và rất nhiều lần biến mất vào trong bếp. Tôi cho rằng bà mới chớm ngoài bốn mươi, tuy vậy với tôi trông bà đã trung niên lắm rồi, như chồng bà vậy. Bà không giống Veronica lắm: khuôn mặt rộng hơn, tóc cột nơ phía trên cái trán cao, nhỉnh hơn chiều cao trung bình một chút. Bà có một vẻ nghệ sĩ nào đó, mặc dù nó toát ra cụ thể như thế nào - khăn màu rực rỡ, một dáng vẻ lơ đãng, ngâm nga các bản aria, hoặc cả ba cộng lại - thì vào lúc này tôi không thể chứng thực được.

Tôi không thoải mái tới mức cả đợt cuối tuần ấy mắc chứng táo bón: đây là ký ức chính của tôi về các sự kiện. Phần còn lại gồm những cảm tưởng và những ký ức-nửa vời, có thể vì thế mà chúng chỉ phục vụ cho chính chúng mà thôi: chẳng hạn, làm sao Veronica, chính nàng, mời tôi về nhà, mà dường như lúc đầu lại thu mình vào trong gia đình nàng và tham gia cùng họ vào công cuộc dò xét tôi - mặc cho đó là nguyên nhân hay hậu quả của nỗi bất an trong tôi đi nữa, tôi chẳng thể nào xác định được từ điểm nhìn hiện tại của mình. Trong bữa tối thứ Sáu hôm ấy có vụ tra hỏi về những thành tựu xã hội và học thức của tôi; tôi cảm giác như thể đang đứng trước tòa án quân sự. Sau đó chúng tôi xem tin tức trên ti vi và bàn luận trong không khí khó xử về các vấn đề thế giới cho tới tận giờ đi ngủ. Giả dụ chúng tôi đang ở trong một cuốn tiểu thuyết, chắc sẽ phải có trò lên ra lên vào giữa các tầng tìm kiếm một cái ôm ấp nồng cháy sau khi các bậc gia trưởng đã khóa cửa đi ngủ. Nhưng chúng tôi thì không; Veronica thậm chí còn không hôn tôi chúc ngủ ngon vào đêm thứ nhất, hay là lấy cớ gì về khăn tắm này nọ, và xem tôi có đủ mọi thứ tôi cần hay chưa. Có lẽ nàng sợ

bị anh trai chế giễu. Thế là tôi cởi quần áo, rửa ráy, đái cật lực vào trong bồn, chui vào bộ đồ ngủ và nằm tỉnh như sáo một lúc lâu.

Khi tôi đi xuống nhà ăn sáng, chỉ còn mỗi bà Ford ở đó. Những người khác đã đi dạo, Veronica bảo đảm với mọi người rằng tôi muốn ngủ nướng. Tôi không giấu giếm phản ứng của mình trong vụ này tốt cho lắm, nên tôi có thể cảm nhận được bà Ford dò xét mình trong lúc làm món thịt ba chỉ và trứng, rán mấy thứ ấy theo một kiểu cầu thả và làm vỡ một cái lòng đỏ. Tôi chẳng có chút kinh nghiệm nào trong việc nói chuyện với mẹ của bạn gái.

“Cô sống ở đây lâu chưa?” cuối cùng tôi cũng hỏi, dù đã biết thừa câu trả lời.

Bà tạm ngừng, rót cho mình một tách trà, đập một quả trứng khác vào trong chảo, dựa vào cái tủ nhỏ chất đống nào đĩa là đĩa, rồi nói:

“Đừng để Veronica làm quá nhiều trò ném đá giấu tay.”

Tôi chẳng biết phải đáp lại thế nào. Tôi có nên thấy méch lòng khi bị can thiệp vào mối quan hệ của chúng tôi, hay là nên bắt đầu chế độ xưng tội và “bàn” về Veronica? Vậy là tôi nói, hơi nghiêm nghị:

“Ý cô là sao ạ, thưa cô Ford?”

Bà nhìn tôi, cười không hề kè cả, lắc nhẹ đầu, và nói, “Chúng tôi sống ở đây đã mười năm rồi.”

Vậy là rốt cuộc tôi bị bối rối vì bà cũng gần như bối rối vì những người còn lại, cho dù ít nhất thì bà cũng có vẻ mến tôi. Bà nhẹ nhàng đặt thêm một quả trứng nữa lên đĩa của tôi, kệ việc tôi chẳng hỏi hoặc có khi chẳng muốn. Phần còn lại của quả bị vỡ vẫn còn ở trong chảo: bà rất vô tư hẩy nó vào trong sọt rác nắp lật, rồi nửa như quăng cái chảo rán còn nóng vào trong bồn rửa bát ướt. Nước sôi xèo xèo và hơi bốc lên ngay lúc va chạm, và bà cười to, như thể thích thú vì đã gây ra sự náo loạn nho nhỏ này.

Khi Veronica và cánh đàn ông về, tôi chờ đợi đọt dò xét kỹ hơn nữa, có lẽ thậm chí cả trò bẫy hoặc đùa ghẹo nào đó; nhưng thay vào đấy là những câu hỏi lịch thiệp xem tôi ngủ có ngon không và có thấy thoải mái không. Đáng lẽ điều đó phải làm tôi cảm thấy như thể mình được chấp nhận, thế nhưng nó lại có vẻ như thể họ đã chán ngán tôi thì đúng hơn, và kỳ cuối tuần này giờ sẽ chỉ là thứ mong cho qua đi thôi. Có lẽ đó đơn thuần là hoang tưởng. Nhưng về mặt tích cực, Veronica trở nên trù mẩn công khai hơn; trong bữa trà nàng hạnh phúc đặt tay lên cánh tay tôi và nghịch tóc tôi. Rồi một lần, nàng quay sang anh trai mà bảo:

"Cậu ấy được mà, phải thế không?"

Jack nháy mắt với tôi; tôi không nháy đáp trả. Ngược lại, một phần trong tôi có cảm giác như đang ăn trộm mấy cái khăn tắm, hoặc đang tha bùn lên tấm thảm.

Dù sao thì, mọi thứ đa phần gần như bình thường. Tối hôm ấy, Veronica đi lên gác cùng tôi và hôn tạm biệt tôi rất tử tế. Bữa trưa Chủ nhật có súc thịt cừu nướng, với chao ơi là nhiều nhánh hương thảo chọc ra như những mẩu cây thông Giáng sinh. Vì đã được bố mẹ dạy cho lễ nghĩa, tôi nói món ấy thật là ngon quá đi. Rồi tôi bắt gặp Jack nháy mắt với bố anh ta, như thể nói: Thật là một thằng xun xoe. Nhưng ông Ford cười giòn, “Đúng quá, đúng quá, hoàn toàn tán thành,” trong khi bà Ford cảm ơn tôi.

Khi tôi xuống nhà để chào tạm biệt, ông Ford tóm lấy cái va li của tôi và nói với vợ, “Anh tin là em đã đếm lại thìa rồi chứ, em yêu?” Bà chẳng buồn trả lời, chỉ cười với tôi, gần như thể giữa chúng tôi có một bí mật. Ông anh Jack không thò mặt ra để chia tay; Veronica và bố ngồi hai ghế trước; tôi lại ngồi đằng sau. Bà Ford dựa vào hiên, ánh mặt trời đổ lên cây đậu tía đang leo lên ngôi nhà phía trên đầu. Khi ông Ford vào số và chiếc xe lăn bánh trên sỏi, tôi vẫy tạm biệt, và bà đáp lại, dấu không theo cách người ta vẫn thường làm, với một bàn tay đưa lên, mà với một kiểu cử động

chiều ngang ở tầm eo lưng. Tôi ước giá như mình nói chuyện với bà nhiều hơn.

Để ngăn ông Ford chỉ trở những kỳ quan của Chislehurst lần thứ hai, tôi nói với Veronica, “Mình mến mẹ cậu.”

“Nghe như là con vừa có một đối thủ kìa, Vron,” ông Ford nói, với một cái hít hơi rất kịch. “Mà nghĩ cho kỹ, nghe như là bố cũng có luôn. Đấu súng lúc bình minh chứ hả, cậu trẻ ranh thân mến?”

Tàu của tôi đến muộn, chậm do việc kiểm tra kỹ thuật vào Chủ nhật như thông thường. Tôi về đến nhà lúc chập tối. Tôi nhớ là mình đã đi ngoài một trận cực đã thật lâu.

\*

\* \*

Khoảng một tuần sau, Veronica lên thành phố, thế là tôi đã có thể giới thiệu nàng với băng nhóm trường cũ của tôi. Nhằm đúng một ngày vu vơ chẳng ai muốn gánh vác, chúng tôi đi quanh viện Tate <sup>[19]</sup>, rồi dạo bộ lên Cung điện Buckingham và vào Công viên Hyde, về hướng góc dành cho diễn giả <sup>[20]</sup>. Nhưng chẳng có ai đang phát biểu, chúng tôi bèn lang thang dọc phố Oxford ngắm nghía cửa hàng, rồi kết thúc ở Quảng trường Trafalgar giữa những con sư tử <sup>[21]</sup>. Hẳn ai cũng nghĩ chúng tôi là dân du lịch.

Trước tiên tôi quan sát xem các bạn mình phản ứng với Veronica thế nào, nhưng rồi sớm trở nên quan tâm hơn tới điều nàng nghĩ về tụi nó. Nàng dễ cười vì những câu đùa của Colin hơn là của tôi, điều này làm tôi bực, và còn hỏi Alex xem bố cậu ấy kiếm tiền thế nào (bảo hiểm hàng hải, nó bảo nàng vậy, trước nỗi kinh ngạc của tôi). Nàng có vẻ vui thích để dành

Adrian đến cuối. Tôi đã kể với nàng là cậu ấy học Cambridge, và nàng thử nhắc đến vài cái tên. Với một số cậu ấy gật đầu nói:

“Ừ, tôi biết họ là kiểu người nào.”

Tôi thấy câu nói khá là bất nhã, nhưng Veronica không mếch lòng. Ngược lại, nàng nhắc đến các khu trường, các thầy, các quán trà theo cái lối làm tôi thấy bị ra rìa.

“Làm sao cậu biết về chỗ đó nhiều thế?” tôi hỏi.

“Jack ở đây mà.”

“Jack?”

“Anh trai mình... cậu nhớ chứ?”

“Để xem nào... Có phải đấy là cái tay trẻ hơn bố cậu không?”

Tôi tưởng câu đó không tệ, nhưng nàng thậm chí còn không thèm cười.

“Thế Jack học gì?” tôi hỏi, cố vớt vát lại.

“Khoa học luân lý,” nàng đáp. “Như Adrian.”

Mình biết Adrian đang học cái quái quỷ gì, xin cảm ơn nhiều, tôi định nói vậy. Thay vào đó tôi hờn dỗi một lúc, quay qua nói chuyện với Colin về phim ảnh.

Về cuối buổi chiều chúng tôi chụp ảnh; nàng xin “một kiểu với các bạn cậu”. Rồi ba thằng lịch sự xếp bừa thành hàng, thế là nàng xếp lại: Adrian và Colin, hai người cao nhất, ở hai bên nàng, và Alex bên ngoài Colin. Kết quả in ra làm nàng trông còn mảnh mai hơn người thật. Rất nhiều năm sau này, khi xem kỹ lại bức ảnh ấy hòng tìm kiếm những câu trả



lời, tôi băn khoăn về chuyện nàng không bao giờ đi giày cao gót dù là cỡ nào. Tôi đọc ở đâu đó rằng nếu muốn làm người ta chú ý tới điều bạn đang nói thì đừng nói to mà phải thấp giọng xuống: cái này mới thực sự đòi hỏi sự chú ý. Có lẽ nàng có cùng kiểu mẹo ấy với chiều cao. Dù vậy nàng có dùng các trò mẹo hay không vẫn là một câu hỏi tôi chưa giải đáp được. Khi tôi đi chơi cùng nàng, luôn luôn có vẻ như các hành vi của nàng đều rất bản năng. Nhưng rồi tôi cưỡng lại cả cái ý tưởng rằng phụ nữ thường hoặc có thể biết thao túng. Chuyện này có lẽ cho biết về tôi nhiều hơn là về nàng. Và dù nếu tôi có quyết định, ở đoạn đời muộn mằn này, rằng nàng đã và vẫn luôn là người tính toán, tôi vẫn không chắc rằng điều đó có giúp được gì không. Ý tôi muốn nói là: giúp tôi.

Chúng tôi đưa nàng tới Charing Cross và vẫy tay chào nàng về Chislehurst theo lối anh hùng vờ vịt, như thể nàng sẽ chu du tới tận Samarkand. Rồi chúng tôi ngồi trong quán bar của khách sạn nhà ga, uống bia và cảm thấy mình đã rất trưởng thành.

“Cô ấy dễ thương,” Colin nói.

“Rất dễ thương,” Alex nói.

“Điều đó là hiển nhiên tự thân một cách triết học!” tôi gần như gào lên. Ở thì, tôi có hơi quá phấn khích. Tôi quay sang Adrian. “Có gì cao hơn ‘rất dễ thương’ nữa không?”

“Thực ra cậu không cần tớ phải chúc mừng nữa, đúng không, Anthony?”

“Đúng, vì lý do quái gì mà tớ lại không cần nhỉ?”

“Thế thì tất nhiên là tớ chúc mừng rồi.”

Nhưng thái độ của cậu ấy cứ như là chỉ trích cái đòi hỏi của tôi và việc hai cậu kia hòa theo trò ấy. Tôi cảm thấy hơi hoảng loạn; tôi không muốn

ngày hôm ấy rõ ràng. Dù vậy khi nhìn lại thì, không phải là ngày hôm ấy, mà là bốn thằng chúng tôi, chúng tôi bắt đầu rõ ràng.

"Thế, cậu đã gặp ông anh Jack ở Cambridge bao giờ chưa?"

"Tớ chưa gặp anh ta, chưa, và cũng không trông chờ sẽ gặp. Anh ta năm cuối rồi. Nhưng tớ có nghe về anh ta, rồi đọc về anh ta trong một bài trên tạp chí. Và về những người anh ta giao du cùng nữa."

Rõ ràng cậu ấy muốn dừng ở đó, nhưng tôi không cho.

"Thế cậu nghĩ gì về anh ta?"

Adrian ngừng nói một lúc. Cậu uống một ngụm bia, rồi nói với giọng sôi nổi bất chợt, "Tớ *ghét* cái cách người Anh chẳng nghiêm túc gì cả về chuyện sống nghiêm túc. Tớ *thực sự ghét* cái đó."

Nếu đang có một tâm trạng khác, hẳn tôi sẽ coi đó là đòn tấn công ba thằng chúng tôi. Ngược lại, tôi cảm thấy lòng rộng rãi đặc biệt.

\*

\* \*

Veronica và tôi tiếp tục hẹn hò, cũng đã được gần hai năm. Một tối, có lẽ vì hơi say, nàng để tôi thọc tay vào trong quần lót. Tôi cảm thấy niềm tự hào ngông cuồng khi lúng túng sục sạo loanh quanh. Nàng không để tôi cho ngón tay vào trong nàng, nhưng chẳng một lời, những ngày tiếp theo đó, chúng tôi đã phát triển một cách thức để được thỏa mãn. Chúng tôi nằm trên sàn nhà, hôn hít nhau. Tôi tháo đồng hồ ra, xắn cổ tay áo trái lên, đưa tay vào trong quần lót nàng và dần dần lần xuống giữa hai đùi một chút; rồi tôi áp bàn tay lên mặt sàn, và nàng tự chà vào cổ tay kẹt ở đó cho tới khi lên đỉnh. Trong vài tuần trò này làm tôi thấy tôi oách quá, nhưng khi về đến phòng mình việc thủ dâm của tôi đôi khi bị xen vào cả nỗi hờn giận. Mà tôi

đang để mình bị mắc vào cái kiểu thỏa hiệp gì thế này? Tốt hơn, hay là tệ hơn? Tôi khám phá ra một điều khác mà tôi không hiểu nổi: Tôi đoán chừng là phải cảm thấy gần gũi hơn với nàng, nhưng không phải vậy.

“Thế, cậu có bao giờ nghĩ quan hệ của chúng mình sẽ đi tới đâu không?”

Nàng nói đúng như thế, chẳng rào đón gì cả. Nàng đến uống trà, mang theo mấy lát bánh hoa quả.

“Cậu thì sao?”

“Mình hỏi trước.”

Tôi nghĩ - và đó có thể không phải là một kiểu phản ứng nhã nhặn cho lắm - có phải đây là lý do cô để tôi thò tay vào trong quần cô?

“Có cần thiết phải đi đến đâu không?”

“Chẳng phải các mối quan hệ vẫn thường như vậy sao?”

“Mình không biết. Mình chưa có nhiều mối quan hệ.”

“Này, Tony," nàng nói. “Mình không chịu tù đọng một chỗ đâu.”

Tôi nghĩ về chuyện này một lúc, hoặc giả là cố nghĩ. Nhưng thay vào đó tôi chỉ nhìn thấy một mặt nước tù đọng, nổi váng bẩn và muối bay vo ve. Tôi nhận ra rằng mình chẳng giỏi giang mấy trong việc tranh luận về những chuyện kiểu như thế này.

“Thế cậu nghĩ chúng ta đang tù đọng một chỗ?”

Nàng làm động tác nhướng-mày-lên-trên- gọng-kính mà tôi không còn thấy đáng yêu mấy nữa. Tôi tiếp tục:

“Có cái gì ở giữa tù đọng và đi tới đâu đó không?”

“Như là?”

“Như là có một khoảng thời gian đẹp. Hưởng thụ hiện tại và mọi thứ?” Nhưng chỉ riêng việc nói ra điều này đã làm tôi băn khoăn liệu mình có còn được hưởng thụ hiện tại nữa hay không. Tôi cũng nghĩ: Nàng muốn mình nói gì đây?

“Mà cậu có nghĩ là chúng mình hợp nhau không?”

“Cậu cứ hỏi mình những câu hỏi như thế cậu biết thừa câu trả lời rồi. Hoặc như thế cậu biết cậu muốn nghe thấy câu trả lời nào. Thế sao cậu không bảo mình đấy là gì và mình sẽ bảo cậu xem đó có phải cũng là câu trả lời của mình hay không?”

“Cậu khá hèn đấy nhỉ, phải thế không, Tony?”

“Mình nghĩ đúng hơn là mình... hiểu hòa.”

“Thế thì, mình chẳng muốn làm phiền nhận thức về bản thân của cậu.”

Chúng tôi uống nốt trà. Tôi gói hai lát bánh còn lại bỏ vào một cái hộp sắt. Veronica hôn tôi gần về phía mép hơn là giữa môi, rồi đi. Trong thâm tâm tôi, đây là khởi đầu của cái kết trong mối quan hệ của chúng tôi. Hoặc giả tôi chỉ nhớ về nó theo cách ấy để làm nó thành ra có vẻ như vậy, và để đổ lỗi? Nếu được hỏi trong một phiên tòa điều gì đã xảy ra và đã được nói, tôi chỉ có thể chứng thực những từ “đi tới”, “tù đọng” và “hiểu hòa”. Tôi chưa từng nghĩ mình là một kẻ hiểu hòa - hoặc ngược lại - cho tới tận lúc đó. Tôi cũng có thể thề cái hộp sắt đựng bánh quy là có thật; nó có màu đỏ boóc-đô, trên nắp có hình khuôn mặt nghiêng đang cười của Nữ hoàng.

\*

\* \*

Tôi không muốn gây cảm tưởng rằng ở Bristol tôi chẳng làm gì khác ngoài học và gặp Veronica. Nhưng rất ít ký ức về chuyện khác trở lại với tôi. Một cái có trở lại - một sự kiện đơn lẻ, riêng biệt - là đêm tôi chứng kiến con Sóng thủy triều sông Severn. Báo địa phương từng in cái bảng thời gian chỉ rõ ở đâu và khi nào là xem được tốt nhất. Nhưng ở cơ hội đầu tiên tôi thử, nước có vẻ như không theo đúng chỉ dẫn cho lắm. Rồi, một tối ở Minsterworth, một nhóm chúng tôi đợi trên bờ sông cho tới quá nửa đêm và cuối cùng cũng được thưởng công. Trong khoảng một hay hai tiếng đồng hồ chúng tôi quan sát con sông chảy dịu dàng ra biển như mọi con sông tử tế. Ánh trăng lấp loáng từng hồi được trợ giúp bởi những đợt thăm dò thi thoảng của vài ngọn đèn pin công suất mạnh. Rồi có tiếng thì thầm, và những cái rướn cổ, và mọi ý nghĩ về âm thấp lạnh lẽo đều tan biến khi con sông đơn giản là có vẻ như đang đổi ý, và một con sóng, cao hai hay ba thước Anh <sup>[22]</sup>, tiến về phía chúng tôi, nước vỡ òa ra hết cả lòng sông, từ bờ bên này sang bờ bên kia. Chỗ nước động dâng lên này bắt kịp chúng tôi, trào qua, rồi cuộn ra xa mãi; vài đứa bạn tôi đuổi theo, gào thét, chửi rủa và ngã lộn khi nó vượt mất; tôi ở lại trên bờ một mình. Tôi không nghĩ mình có thể truyền tải cho đúng nổi tác động của thời điểm ấy lên tôi. Nó không giống như lốc xoáy hay là động đất (tôi cũng chưa chứng kiến những cái đó bao giờ) - thiên nhiên thật dữ dội và hủy diệt, đang đặt chúng tôi vào chỗ của mình. Nó còn gây bất an hơn bởi một cách ngấm ngấm trông nó như thể có gì đó, như thể một cái đòn bẩy nhỏ của vũ trụ vừa được nhấn xuống, và ở đây, đúng vào những giây phút này, tự nhiên bị đảo lộn, cùng với cả thời gian. Và chứng kiến hiện tượng này lúc đêm khuya ta càng thấy nó bí ẩn hơn nữa, càng giống một thế giới khác hơn nữa.

\*

\* \*

Sau khi chúng tôi chia tay, nàng ngủ với tôi.

Vâng, tôi biết. Tôi đoán các bạn đang nghĩ: thằng khờ tội nghiệp, làm sao mà hần không nhận ra điều ấy sẽ đến chứ? Nhưng tôi không nhận thấy. Tôi nghĩ là chúng tôi đã xong rồi, và tôi nghĩ mình đang quan tâm đến một cô khác (một cô kích cỡ bình thường và đi giày cao gót tới các bữa tiệc). Chẳng lúc nào hôm đó tôi nhận ra được rằng điều ấy sẽ đến: khi chúng tôi tình cờ chạm mặt nhau ở quán bar (nàng không thích quán bar), khi Veronica muốn tôi đưa về nhà, khi nàng dừng lại giữa đường và chúng tôi hôn nhau, khi chúng tôi vào phòng nàng và tôi bật đèn lên và nàng lại tắt đi, khi nàng cởi quần lót ra và đưa cho tôi một gói Durex Fetherlite, hay cả khi nàng giật lấy cái bao khời bàn tay dò dẫm của tôi và đeo vào cho tôi, hoặc suốt cả phần còn lại của cái công việc diễn ra mau lẹ ấy.

Vâng, bạn có thể nói lại lần nữa: thằng khờ tội nghiệp. Và bạn có còn nghĩ nàng còn trinh khi nàng đeo bao cao su vào chim bạn nữa không? Thật kỳ lạ là, bạn biết không, tôi vẫn tin vậy. Tôi nghĩ đó hần là một trong những kỹ năng trực giác của phái nữ mà hiển nhiên tôi không có. Ờ thì, có lẽ là thế.

“Cậu phải giữ lấy nó lúc kéo ra,” nàng thì thầm (nàng nghĩ tôi còn trinh, có lẽ?). Rồi tôi dậy đi vào nhà tắm, cái bao cao su đầy đập vào mặt trong đùi tôi mấy lần. Khi vứt nó đi tôi đi đến một quyết định và một kết luận: Không, như vậy đấy, không.

“Cậu ích kỷ khốn nạn,” nàng nói vào lần chúng tôi gặp nhau sau đó.

“Đúng, ờ thì, thế đấy.”

“Thế thành ra khác gì cưỡng hiếp.”

“Mình không nghĩ có bất cứ điều gì có thể khiến thành ra như vậy.”

“Ờ, lẽ ra cậu nên có tí tử tế nói cho tôi biết trước chứ.”

“Mình đâu có biết trước.”

“Ô, thế ra hôm đó tệ vậy ư?”

“Không, hôm đó tốt. chỉ có điều...”

“Chỉ làm sao?”

“Cậu luôn luôn đòi mình phải nghĩ về quan hệ của chúng ta và bây giờ có lẽ tớ đã làm vậy. Tớ đã nghĩ rồi.”

“Hoan hô. Chắc phải khó khăn lắm.”

Tôi nghĩ: Mà tôi thậm chí còn chưa được nhìn ngực nàng, suốt cả lúc ấy. Cảm thấy nó, mà không nhìn thấy nó. Còn nữa, nàng hoàn toàn sai về Dvorak và Tchaikovsky. Hơn cả thế, tôi sẽ có thể bật cái đĩa than Un homme et une femme lúc nào tôi thích. Công khai.

“Xin lỗi, gì cơ?”

“Chúa ơi, Tony, cậu thậm chí còn không tập trung được lúc này. Anh mình nói đúng về cậu.”

Tôi biết lẽ ra cần hỏi ông anh Jack đã nói gì, nhưng tôi không muốn nàng được khoái trá. Vì tôi cứ im lặng, nàng nói tiếp:

“Và đừng có mà nói chuyện đó.”

Đời có vẻ như một trò đánh đố hơn cả bình thường.

“Chuyện gì?”

“Rằng là chúng ta vẫn có thể là bạn bè.”

“Đấy là cái mình nên nói ra sao?”

“Cậu nên nói ra cái cậu *nghĩ*, cái cậu *cảm thấy*, vì Chúa, cái cậu *muốn nói*.”

“Được thôi. Trong trường hợp này, mình sẽ không nói thế - cái điều mình nên nói ấy. Bởi vì mình không nghĩ là chúng ta còn có thể là bạn bè.”

“Giỏi đấy,” nàng nói, giọng mỉa mai. “Giỏi đấy.”

“Nhưng để mình hỏi cậu một câu đã. Có phải cậu ngủ với mình để làm mình quay lại không?”

“Mình không phải trả lời các câu hỏi của cậu nữa.”

“Trong trường hợp đó, vì sao cậu không ngủ với mình khi chúng mình còn đang hẹn hò nhau?”

Không có câu trả lời.

“Bởi vì cậu không thấy cần?”

“Có lẽ mình không muốn.”

“Có lẽ cậu không muốn bởi vì cậu không cần.”

“Ừ thì, cậu cứ tin cái gì cậu thấy hợp để tin.”

Hôm sau, tôi mang bình đựng sữa nàng tặng tôi xuống cửa hàng Oxfam. Tôi hy vọng là nàng sẽ nhìn thấy nó bày ở cửa sổ. Nhưng khi tôi dừng lại để kiểm tra, có một cái gì khác đã được bày thay vào đó: một thạch bản nhỏ in màu hình Chislehurst tôi tặng nàng nhân dịp Giáng sinh.

\*

\* \*

Ít nhất chúng tôi cũng học các ngành khác nhau, và Bristol là một thành phố đủ rộng nên chúng tôi chỉ đôi khi suýt đụng nhau mà thôi. Những lần ấy, tôi thường vấp phải cảm giác về cái mà tôi chỉ có thể gọi là



sắp-hối lỗi: việc chờ đợi nàng sẽ nói hoặc làm gì đó có thể làm tôi cảm thấy hối lỗi thực sự. Nhưng nàng chẳng buồn nói gì với tôi hết, thế nên nỗi e sợ này dần dần biến mất. Và tôi tự nhủ rằng mình chẳng có gì phải cảm thấy hối lỗi hết cả: chúng tôi đều sắp-người lớn cả rồi, tự chịu trách nhiệm cho hành động của mình, những kẻ đã thoải mái bước vào một mối quan hệ không đi đến đâu. Chẳng ai bị chữa, chẳng ai bị giết.

Vào tuần thứ hai của kỳ nghỉ hè ấy một bức thư mang dấu bưu điện Chislehurst được gửi tới. Tôi kiểm tra chữ viết không quen thuộc - loảng ngoảng và hơi có vẻ cầu thả - trên phong bì. Một bàn tay phụ nữ: mẹ nàng, không nghi ngờ gì nữa. Một cơn sắp-hối lỗi bất chợt khác: có lẽ Veronica đã bị một cơn suy sụp thần kinh, trở nên héo hon, thậm chí còn bỏ nhà đi lang thang. Hoặc có lẽ nàng bị chứng viêm phúc mạc và đòi gập tôi từ trên giường bệnh. Hoặc có lẽ... nhưng đến cả tôi cũng có thể nói được rằng đây chỉ là những huyền tưởng nhằm tự tôn mình lên mà thôi. Bức thư là của mẹ Veronica thật; nó ngắn gọn và, tôi đã ngạc nhiên, không một chút buộc tội nào. Bà rất tiếc khi nghe chuyện chúng tôi chia tay, và tin chắc rằng tôi sẽ tìm thấy ai đó hợp với mình hơn. Nhưng bà không có vẻ muốn nói điều này theo nghĩa tôi là một thằng vô lại chỉ xứng đáng với đứa nào có phẩm cách kém tương tự. Đúng hơn, bà ngụ ý ngược lại: rằng tôi may mắn thoát khỏi mọi chuyện, và bà hy vọng điều tốt đẹp nhất cho tôi. Tôi ước mình giữ được bức thư ấy, bởi nó có thể là một bằng cứ, một lời chứng. Ngược lại, bằng chứng duy nhất từ trong ký ức của tôi - một người phụ nữ vô lo, đúng hơn là táo bạo đã làm vỡ một quả trứng, rán cho tôi một quả khác, và bảo tôi đừng hững hờ chịu gì từ cô con gái bà.

Tôi quay trở lại Bristol để học nốt năm cuối. Cô nàng có chiều cao trung bình đi giày cao gót kém thú vị hơn tôi tưởng tượng, và thế là tôi tập trung vào việc học. Tôi nghĩ là mình có loại não hợp với mức điểm xuất sắc, nhưng chỉ quyết tâm giành được hạng 2:1 <sup>[23]</sup>. Các đêm thứ Sáu, tôi tự cho phép mình nghỉ ngơi một buổi ở quán bar. Một lần, tôi chuyện phiếm cùng một cô nàng, rồi cô về nhà tôi và ở lại qua đêm. Thật là một đêm phần

khích và hiệu quả đầy lạc thú, nhưng sau đó cả hai chúng tôi đều không liên lạc lại với nhau. Tôi nghĩ về chuyện nên viết bức thư này - thực ra, việc này phần nào là do gợi ý của nàng.

Như bạn có thể hình dung, tôi thích thú cái đoạn về những ngại ngùng về mặt đạo đức của cậu ấy - ngụ ý rằng giả dụ tôi nghĩ có một thứ đạo xử thể hiệp sĩ thiêng liêng nào đó, hoặc thậm chí hơn thế, một quy tắc đạo lý hiện đại nào đó, đã bị xâm phạm, thì cậu ấy sẽ, rất tự nhiên và logic, ngừng ngủ với nàng. Cứ cho là nàng không dặt mũi cậu ấy như đã dặt mũi tôi đi. Tôi cũng thích cái sự giả dối của một bức thư mà mục đích không phải chỉ nhằm bảo cho tôi biết cái điều đàng nào thì tôi cũng chưa tìm ra (hoặc không phải trong nay mai), mà còn để cho tôi biết nàng, Veronica, đã lên đời: cậu bạn thông minh nhất của tôi, và, gì nữa, một gã Cambridge như ông anh Jack. Ngoài ra, còn để cảnh báo tôi rằng có thể nàng sẽ đi cùng nếu tôi có kế hoạch gặp Adrian - điều này gây được hiệu ứng mong muốn là khiến tôi lên kế hoạch không gặp Adrian. Rất được cho một công việc hằng ngày hoặc hằng đêm phải chịu. Lần nữa, tôi phải nhấn mạnh rằng đây là cách hiểu của tôi bây giờ về chuyện đã xảy ra hồi ấy. Hoặc đúng hơn, ký ức của tôi bây giờ về cách hiểu của tôi hồi ấy về chuyện xảy ra lúc bấy giờ.

\*

\* \*

Nhưng tôi nghĩ tôi có bản năng sinh tồn, bản năng tự bảo toàn. Có lẽ đó là cái mà Veronica gọi là tính hèn và tôi gọi là hiếu hòa. Dù sao thì, có gì đó cảnh báo tôi đừng dây vào - ít nhất không phải là bây giờ. Tôi vớ cái bưu thiếp gần mình nhất - một cái có hình cầu treo Clifton - và tôi viết những lời như là: “Nhận được lá thư của cậu viết ngày 21, kẻ ký dưới đây cầu xin được gửi lời khen ngợi và chúc mừng để ghi nhận rằng mọi thứ đều hết sức tốt đẹp về phía tớ, tri kỷ.” Ngu ngốc, nhưng không nhập nhằng; và thế là được tại thời điểm này. Tôi có thể giả vờ - nhất là với bản thân mình - rằng tôi không phiền lòng một chút xíu xiu nào. Tôi sẽ học cật lực, tạm treo

mọi thứ cảm xúc lại, không đưa ai từ quán bar về nhà, thủ dâm vừa đủ và khi nào cần, và bảo đảm việc nhận được bằng cấp mình xứng đáng. Tôi đã làm tất cả những cái đó (và vâng, tôi được điểm 2:1).

Tôi ở lại thêm vài tuần sau khi thi xong, kết thân với một nhóm khác, uống rượu đều đặn, hút một ít thuốc phiện, và nghĩ ngợi rất ít. Ngoài việc tưởng tượng xem Veronica có thể nói gì về tôi với Adrian (“Cậu ấy làm mình mất trinh và rồi bỏ mình ngay lập tức. Thế nên thực sự là mình có cảm giác toàn bộ chuyện này như là hiếp dâm ấy. Cậu thấy không?”) Tôi tưởng tượng nàng tán tụng cậu ấy - tôi đã chứng kiến bước khởi đầu cho chuyện đó - và đưa cậu ấy lên mây, chơi đùa với những mong đợi của cậu ấy. Như tôi đã nói, Adrian không phải là người nhiều lời, so với mọi thành công trên con đường hàn lâm của cậu ấy. Do vậy mà có cái giọng làm bộ trong thư cậu ấy, trong một thời gian dài tôi thường đọc đi đọc lại và thường xuyên thấy tủi thân. Khi mà, rốt cuộc cũng trả lời bức thư một cách đàng hoàng, tôi không hề dùng tới cái thứ ngôn từ kiểu “lá thơ” ngốc nghếch ấy. Tôi vẫn còn nhớ được mình đã kể cho cậu ấy khá nhiều điều tôi nghĩ về những ngại ngùng chung về mặt đạo đức của hai người bọn họ. Tôi cũng khuyên cậu ấy nên cẩn thận, bởi vì theo ý tôi thì Veronica rất lâu rồi đã phải chịu đựng tổn thương nhiều. Rồi tôi chúc cậu ấy may mắn, đốt thư của cậu ấy trong một cái vỉ lò rỗng (quá ư thống thiết, tôi đồng ý, nhưng tôi xin đem tuổi trẻ ra như một tình tiết giảm tội), và quyết định rằng cả hai người họ từ giờ sẽ biến khỏi đời tôi, mãi mãi.

\*

\* \*

Tôi có ý gì khi nhắc đến “tổn thương”? Chỉ là phỏng đoán thôi; tôi chẳng có bằng cứ có thật nào. Nhưng bất cứ khi nào nhìn lại cái kỳ cuối tuần bất hạnh ấy, tôi đều nhận thấy đó không chỉ là vấn đề của một gã trai trẻ có phần ngây thơ thấy mình bối rối giữa một gia đình tầng lớp cao hơn và rành các kỹ năng xã hội hơn. Tất nhiên là cũng có cả cái đó. Nhưng tôi

có thể cảm thấy một sự đồng lõa giữa Veronica và ông bố tay-vụng-về, chân-nặng-nề, người đã đối xử với tôi như loại thứ cấp. Giữa Veronica và ông anh Jack, người có cuộc sống và cách ứng xử mà rõ ràng nàng coi là vô song, cũng vậy: anh ta được chỉ định làm quan tòa khi nàng công khai hỏi về tôi - và mỗi lần nhớ lại câu hỏi càng trở nên nhiều tính chất bề trên hơn - “Cậu ấy được mà, phải thế không?” Thế nhưng, tôi không hề thấy một sự đồng lõa nào với mẹ nàng, không nghi ngờ gì nữa, bà nhìn nhận nàng đúng với con người của nàng. Làm thế nào bà Ford lại có được cơ hội đầu tiên mà cảnh báo cho tôi về con gái bà? Bởi buổi sáng hôm ấy - sáng đầu tiên sau hôm tôi đến - Veronica đã bảo mọi người là tôi muốn ngủ nướng, rồi đi mất với bố và anh trai. Chẳng có lời nào giữa chúng tôi chứng minh cho chuyện bịa đặt ấy cả. Tôi chẳng bao giờ ngủ nướng. Cả bây giờ vẫn vậy.

Khi viết cho Adrian, tôi đã không làm rõ ý mình khi nói đến “tổn thương”. Và gần suốt phần đời còn lại, tôi cũng chỉ rõ thêm tí chút thôi. Mẹ vợ tôi (thật sung sướng vì không phải là một phần của câu chuyện này) chẳng thích tôi mấy nhưng ít nhất cũng thẳng thắn về chuyện đó như trong mọi chuyện khác. Một lần bà nhận xét - khi lại có thêm một ca lạm dụng trẻ em xuất hiện trên khắp các báo và bản tin truyền hình - “Mẹ cho là chúng ta đều từng bị lạm dụng cả.” Có phải tôi đang gợi ý rằng Veronica từng là nạn nhân của cái mà ngày nay người ta gọi là “hành vi vô luân”: cái nhìn dâm dăng đầy men bia của bố nàng vào giờ tắm hay giờ đi ngủ, hay cái gì đó còn hơn là những ôm ấp ruột thịt với anh trai của nàng? Làm sao tôi biết được? Phải chăng từng có một thời khắc mất mát sớm sủa nào đó, hay một lời chối từ yêu thương đúng lúc cần đến nhất, hay một lời nói nào đó bị nghe trộm, rồi từ đó đưa trẻ tự kết luận rằng...? Lần nữa, tôi không thể biết được. Tôi không có bằng cứ, câu chuyện hay tài liệu nào hết cả. Nhưng tôi nhớ điều thầy Joe Hunt Già nói khi tranh luận với Adrian: những trạng thái tinh thần đó có thể được suy luận từ hành động. Chuyện này có trong lịch sử - Henry VIII và tất cả những chuyện như thế. Ngược lại, trong cuộc sống riêng tư, tôi nghĩ điều ngược lại mới đúng: bạn có thể suy luận những hành động trong quá khứ từ trạng thái tinh thần hiện tại.

Tất nhiên tôi tin rằng chúng ta đều chịu đựng tổn thương cả, không cách này thì cách khác. Làm sao không thể được, trừ trong một thế giới toàn các vị phụ mẫu, các anh chị em, các nhà hàng xóm, các bạn với bè hoàn hảo? Và rồi còn một câu hỏi chi phối rất nhiều điều, đó là ta phải phản ứng với tổn thương thế nào: ta có nên công nhận nó hay đè nén nó đi, và điều này ảnh hưởng thế nào tới cách ta ứng xử với những người khác. Có người thừa nhận tổn thương, và cố làm nó dịu đi; có người bỏ cả đời ra để giúp những người bị tổn thương; và rồi có những người chỉ quan tâm tới việc tránh cho bản thân khỏi tổn thương thêm nữa, bằng mọi giá. Và đó là những người nhẫn tâm, những người cần phải đề phòng.

Hẳn bạn nghĩ chuyện này thật nhảm nhí - trò nhảm nhí thuyết giáo, tự bao biện. Hẳn bạn nghĩ rằng tôi cư xử với Veronica như một thằng non choẹt điển hình, và rằng tất cả những “kết luận” của tôi đều có thể lật ngược. Chẳng hạn như, “Sau khi chúng tôi chia tay, nàng ngủ với tôi” dễ dàng đảo thành “Sau khi nàng ngủ với tôi, tôi chia tay nàng.” Hẳn bạn còn quả quyết rằng nhà Ford là một gia đình Anh trung lưu bình thường, tôi đã cáu giận ép uống mớ lý thuyết giả hiệu về thương tổn lên họ; và rằng bà Ford không phải là quan tâm giúp đỡ tôi một cách khéo léo, mà thể hiện lòng ghen tuông không đoan chính với con gái mình. Thậm chí bạn còn có thể đòi tôi phải áp dụng “lý thuyết” của tôi lên bản thân tôi và giải thích xem thương tổn gì tôi phải chịu hồi xa xưa ấy và đâu là những hậu quả: ví dụ như, nó có thể tác động thế nào tới mức độ đáng tin và tính thành thực của tôi. Tôi không chắc mình có thể trả lời được điều này, thật thà mà nói.

\*

\* \*

Tôi không trông chờ bất cứ hồi đáp nào từ Adrian, mà tôi cũng chẳng nhận được lời nào thật. Và viễn cảnh gặp Colin và Alex giờ đây trở nên kém hấp dẫn hơn. Từng là bộ ba, rồi thành bộ tứ, làm sao có thể trở lại

thành bộ ba lần nữa? Nếu những người kia muốn lập nhóm riêng thì tốt thôi, cứ vô tư. Tôi cần phải tiếp tục cuộc sống của tôi. Và tôi làm vậy.

Một số người cùng thời tôi làm công việc thiện nguyện ở nước ngoài, đi châu Phi, tại đó họ dạy trẻ em tuổi đến trường và làm nhà tranh vách đất; tôi thì không được cao cả như thế. Thêm nữa, hồi ấy bằng cách nào đó bạn cho rằng, sớm hay muộn, một tấm bằng tử tế sẽ bảo đảm có được một công việc tử tế. “Thờiiiiii Giaaaaaan đang ở phe tôi, đúng thế đấy,” tôi thường hát rống lên, song ca cùng Mick Jagger, quay cuồng một mình trong phòng trọ sinh viên. Thế nên, để mặc bọn khác tập tành làm bác sĩ với lại luật sư và thi vào ngạch công chức-nhà nước, tôi rước tôi sang Mỹ và lang thang chùng sáu tháng. Tôi làm bồi bàn, sơn hàng rào, làm vườn, giao xe ô tô qua vài tiểu bang. Những năm ấy chưa có điện thoại di động, email và Skype, dân thích xê dịch phụ thuộc vào hệ thống liên lạc thô sơ tên là bưu thiếp. Những phương pháp khác - điện thoại đường dài, điện tín - được đánh dấu “Chỉ sử dụng trong trường hợp khẩn cấp”. Thế là bố mẹ tôi vẫy tạm biệt tôi đi về nơi không-biết, và mục điểm tin về tôi được thu gọn lại thành “Vâng, nó đã đến nơi an toàn”, và “Vừa rồi chúng tôi nghe nói nó ở bang Oregon” và “Chúng tôi nghĩ vài tuần nữa nó sẽ về”. Tôi không nói là nhất thiết thế này mới tốt hơn, khỏi bàn tới chuyện hình thành cá tính gì sắt; chỉ có điều trong trường hợp của tôi hẳn việc ấy đã giúp cho bố mẹ cách xa tôi hơn là một cái nhấn nút điện tử, khỏi phải trút ra nào là những lo lắng cùng những bản tin dự báo thời tiết dài ngày, cảnh báo tôi về lũ lụt về bệnh dịch, và bọn tâm thần rình rập dân du lịch ba lô.

Hồi còn ở bên đó tôi gặp một cô: Annie. Cô người Mỹ, cũng xê dịch khắp nơi như tôi. Chúng tôi dính vào với nhau, cô ấy gọi như vậy, và ở cùng nhau ba tháng. Cô ấy mặc sơ mi kẻ ca rô, có đôi mắt màu xanh lục pha xám và phong thái cởi mở; chúng tôi trở thành người yêu dễ dàng và nhanh chóng; tôi không tin nổi vào vận may của mình. Cũng chẳng tin được sao lại đơn giản đến thế: trở thành bạn bè và bạn-giường, cười và uống và hút một ít thuốc phiện cùng nhau, ở bên cạnh nhau cùng ngắm

nhìn một chút thế giới - và rồi chia tay chẳng một lời buộc tội hay trách cứ. Đến dễ, đi cũng dễ, cô ấy nói, và thực bụng như vậy. Sau này, nhìn lại, tôi tự hỏi lẽ nào lại không có điều gì trong tôi bị sốc bởi tính dễ dãi ấy, và không đòi hỏi cái gì phức tạp như là bằng cứ của... gì nào? Sự sâu sắc, hay nghiêm túc? Dù thế nào, có Chúa biết bạn có thể gặp chuyện phức tạp và khó khăn mà chẳng có sâu sắc hay nghiêm túc nào bù đắp lại. Rất lâu sau này, tôi thấy mình dẫn đo liệu “Đến dễ, đi cũng dễ” lại chẳng phải là một cách đặt câu hỏi để tìm kiếm một câu trả lời cụ thể mà tôi không có khả năng đưa ra được. Dù sao thì, chỉ là nhân tiện nói thêm thôi. Annie là một phần trong câu chuyện của tôi, nhưng không phải là câu chuyện này.

\*

\* \*

Bố mẹ tôi nghĩ đến việc liên lạc với tôi khi chuyện đó xảy ra, nhưng không biết tôi đang ở đâu. Trong trường hợp khẩn cấp thực sự - yêu cầu có mặt bên giường mẹ lúc lâm chung - tôi tưởng tượng rằng Văn phòng Đối ngoại hẳn phải liên lạc với Đại sứ quán tại Washington, chỗ có thể báo được cho nhà chức trách Mỹ, rồi họ có thể yêu cầu lực lượng cảnh sát khắp cả nước đi tìm cho ra một tay người Anh rám nắng vui tươi nay đã tự tin hơn về bản thân một chút so với khi mới đặt chân đến đất nước này. Ngày nay toàn bộ câu chuyện chỉ tồn đúng có một cái tin nhắn.

Khi tôi về tới nhà, mẹ trao cho tôi một cái ôm siết xâu xắm mặt mày, bắt tôi đi tắm, và nấu cho tôi thứ vẫn được quy kết là “món ăn ưa thích nhất của tôi, và tôi đành chấp nhận như vậy, bởi đã khá lâu tôi chưa kịp cập nhật cho bà tình hình mấy cái gai vị giác của mình. Sau đó, bà đưa tôi lèo tèo vài lá thư được gửi đến trong lúc tôi đi vắng.

“Con nên mở hai cái kia trước.”



Bức thư ở trên đựng một lời nhắn ngắn của Alex. “Tony thân,” nó viết, “Adrian vừa chết. Cậu ấy tự tử. Mình gọi cho mẹ cậu, bà bảo bà không biết cậu ở đâu. Alex.”

“Chết tiệt,” tôi nói, lần đầu tiên văng bậy trước mặt bố mẹ.

“Rất tiếc về chuyện đó, con trai.” Bình luận của bố tôi chẳng ra sao cả. Tôi nhìn ông và nhận ra mình đang băn khoăn không biết hói có di truyền không - chắc là di truyền rồi.

Sau một dấu lặng chung mà mỗi gia đình thực hiện theo một kiểu khác nhau, mẹ tôi hỏi, “Con có nghĩ đấy là vì nó thông minh quá không?”

“Con chưa có con số thống kê liên hệ chuyện thông minh với tự tử,” tôi đáp.

“Đúng, Tony, nhưng con hiểu ý mẹ mà.”

“Không, thực ra là con chẳng hiểu gì cả.”

“Ờ thì, nói thế này vậy: con là một đứa thông minh, nhưng không thông minh đến mức làm việc gì như thế chứ.”

Tôi nhìn chăm chăm vào bà mà chẳng nghĩ gì trong đầu. Tưởng là được động viên, bà nói tiếp:

“Nhưng nếu con rất thông minh, mẹ nghĩ có điều gì đó có thể làm con mất thăng bằng nếu con không cẩn thận.”

Để tránh sa vào dòng lý thuyết này, tôi mở bức thư thứ hai của Alex. Cậu ấy nói Adrian đã làm rất hiệu quả, và để lại một kho lý do. “Gặp nhau nói chuyện nhé. Quán bar khách sạn Charing X? Gọi điện cho tớ. Alex.”

Tôi dờ va li, tái thích nghi, kể về những chuyến đi, làm quen lại với thói quen và mùi vị, với những niềm vui nhỏ nhặt và những uế oải thoải



mái của nhà mình. Nhưng đầu óc tôi vẫn cứ quay lại với những cuộc tranh luận ngây thơ, nhiệt thành của chúng tôi khi Robson treo cổ trên phòng áp mái, trước cả khi chúng tôi vào đời. Chúng tôi thấy có vẻ hiển nhiên tự thân một cách triết học rằng tự tử là quyền tự do của mỗi con người: một hành vi logic khi phải đối diện với một căn bệnh hay tình trạng lão suy vô phương cứu chữa; một hành vi anh hùng khi phải xả thân cứu người khác khỏi bị tra tấn hoặc cái chết có thể tránh được, một hành vi quyến rũ trong cơn thịnh nộ trước tình yêu tuyệt vọng (xem: Văn chương Vĩ đại), chẳng có cái nào trong những phạm trù này đúng với hành động tầm thường khốn khổ của Robson.

Cũng chẳng có cái nào đúng với Adrian. Trong bức thư để lại cho điều tra viên pháp lý, cậu ấy giải thích lý lẽ của mình: rằng cuộc đời là một món quà được ban mà chẳng ai xin cả; rằng người biết suy nghĩ có một trách nhiệm triết học là xem xét cả bản chất cuộc sống lẫn các điều kiện kèm theo; và rằng nếu người này quyết định khước từ món quà không ai hỏi xin ấy, hành động theo các hệ quả từ quyết định đó là một trách nhiệm đạo đức và nhân văn. Thực tế là có một cái dấu xác nhận QED <sup>[24]</sup> ở cuối thư. Adrian đã yêu cầu điều tra viên đưa ra công khai biện luận của cậu ấy, và người viên chức ấy đã làm vậy.

Rốt cuộc, tôi hỏi, “Cậu ấy đã làm thế nào?”

“Cậu ấy cửa cổ tay trong bồn tắm.”

“Chúa ơi. Như thế thì thật là... Hy Lạp, không phải sao? Hay cậu ấy đã dùng độc cần?”

“Một người La Mã mẫu mực thì đúng hơn, tớ có thể nói vậy. Cắt ven. Và cậu ấy biết cách làm chuyện đó. Cậu phải cắt chéo. Nếu cắt thẳng ngang qua, cậu có thể bị bất tỉnh và vết thương khép lại và thế là cậu làm hỏng chuyện.”

“Có lẽ thay vào đó cậu chỉ chết đuối thôi.”

“Kể cả thế... giải nhì thôi,” Alex nói. “Adrian hẳn phải muốn giải nhất.” Cậu ấy đúng: bằng tốt nghiệp hạng xuất sắc, tự tử hạng xuất sắc.

Cậu ấy tự tử trong căn hộ ở chung với hai bạn cùng học cao học. Các bạn kia đi xa dịp cuối tuần, thế là Adrian có thoải mái thời gian để chuẩn bị. Cậu ấy viết một bức thư cho điều tra viên, đính lời cảnh báo trên cửa phòng tắm, viết “ĐỪNG VÀO – GỌI CẢNH SÁT – ADRIAN”, xả nước vào bồn, khóa cửa, cửa cổ tay trong nước nóng, chảy máu đến chết. Cậu ấy được tìm thấy một ngày rưỡi sau.

Alex cho tôi xem một mẫu báo cắt ra từ tờ *Tin tức buổi tối Cambridge*. “Cái chết thảm của một thanh niên “đầy hứa hẹn””. Chắc họ giữ cố định cái nhan đề chỉ chờ để in ấy. Phán quyết của điều tra viên là Adrian Finn (22) đã tự tử “trong lúc bị rối loạn cân bằng tâm trí”. Tôi còn nhớ cái câu gò theo chuẩn ấy làm tôi cáu tiết đến mức nào: Tôi có thể thề độc rằng Adrian có một tâm trí không bao giờ bị mất cân bằng. Nhưng theo góc nhìn của luật pháp, nếu tự tử thì bạn bị định nghĩa là điên, ít nhất là vào thời điểm bạn thực hiện hành vi đó. Luật pháp và xã hội, cả tôn giáo nữa, đều nói rằng không thể nào vừa tỉnh táo, vừa khỏe mạnh lại vừa tự tử được. Có lẽ những nhà chức trách ấy sợ rằng lập luận về tự tử ấy có thể công kích bản chất và giá trị cuộc sống như vẫn được tổ chức bởi cái nhà nước trả lương cho điều tra viên chẳng? Và rồi, kể từ khi bạn bị tuyên bố là điên tạm thời, các lý do tự tử của bạn cũng đều bị coi là điên tuốt. Thế nên tôi nghi chẳng ai chú ý mấy đến biện luận của Adrian, với những tham chiếu tới các nhà triết học cổ xưa và hiện đại, về tính siêu việt của hành vi can dự vào thói thụ động đáng khinh khi chỉ đơn thuần để cho cuộc đời tự xảy đến với mình.

Adrian xin lỗi cảnh sát vì gây phiền cho họ, và cảm ơn điều tra viên về việc ông ta sẽ công bố những lời cuối của cậu ấy. Cậu ấy cũng xin được hỏa táng, và tro được phân tán, vì việc hủy diệt nhanh thân xác cũng là lựa chọn

chủ động của một triết gia, và thích hơn là nằm bất động trong đất mà chờ được phân hủy tự nhiên. “Cậu có đến không? Đám tang ấy?”

“Không được mời. Kể cả Colin cũng thế. Chỉ có gia đình, và đại loại thế.”

“Chúng ta phải nghĩ sao đây?”

“Ờ thì, đây là quyền của gia đình mà, tớ cho là vậy.”

“Không, không phải về chuyện đó. Về các lý do của cậu ấy cơ.”

Alex uống một ngụm bia. “Tớ không thể quyết định được rằng nó ấn tượng đến mức chịu nổi hay là một sự phí hoài khủng khiếp đến mức chịu nổi.”

“Thế cậu đã làm được chưa? Quyết định ấy?”

“Ờ thì, có thể là cả hai.”

“Điều tớ thấy không rõ là,” tôi nói, “chẳng hiểu đó là một cái gì trọn vẹn - tớ không có ý vị kỷ nhưng, cậu biết đấy, chỉ là vì liên quan cả tới Adrian nữa - hay là còn có ý gì đó ngấm ngấm chỉ trích tất cả mọi người khác. Chỉ trích chúng ta.” Tôi nhìn Alex.

“Ờ thì, có thể là cả hai.”

“Thôi đừng nói thế nữa đi.”

“Tớ tự hỏi không hiểu các thầy môn triết của cậu ấy nghĩ gì. Liệu họ có cảm thấy có trách nhiệm chút nào không. Rốt cuộc thì, chính họ đã huấn luyện bộ não cậu ấy mà.”

“Cậu gặp cậu ấy lần cuối khi nào?”

“Khoảng ba tháng trước khi cậu ấy chết. Đúng chỗ cậu đang ngồi. Thế nên mình đề nghị chỗ này.”

“Nghĩa là cậu ấy đang trên đường đi Chislehurst. Cậu ấy trông thế nào?”

“Vui vẻ. Hạnh phúc, vẫn như cậu ấy, chỉ có hơn thế một chút thôi. Khi bọn tớ tạm biệt, cậu ấy bảo tớ là cậu ấy đang yêu.”

Con đi, tôi nghĩ. Nếu trên toàn bộ cõi đời này có một người đàn bà nào khiến một người đàn ông đem lòng yêu rồi mà vẫn có thể nghĩ rằng đời đáng chối từ, thì đó chính là Veronica.

“Cậu ấy nói gì về cô ấy?”

“Chẳng nói gì. Cậu biết cậu ấy mà.”

“Cậu ấy có kể với cậu là mình viết một lá thư chửi bới trút giận không?”

“Không, nhưng chuyện đó không làm tớ ngạc nhiên.”

“Cái gì, chuyện tớ viết thư, hay chuyện cậu ấy không kể với cậu?”

“Ờ thì, có thể là cả hai.”

Tôi nửa như đấm Alex, đủ để sánh bìa của cậu ấy ra.

Ở nhà, tôi chẳng có đủ thời gian mà nghĩ về những gì vừa nghe, tôi phải chống đỡ các câu hỏi của mẹ tôi.

“Con tìm hiểu được gì không?”

Tôi kể cho mẹ tôi một chút về cái phương pháp của Adrian.

“Chắc là nít không dễ chịu gì cho mấy viên cảnh sát khốn khổ đó nhỉ. Những việc họ phải làm ấy. Thế nó có vấn đề gì với tụi con gái không?”

Một phần trong tôi muốn nói: Tất nhiên - cậu ấy đang hẹn hò với Veronica mà. Thay vào đó, tôi chỉ đáp, “Alex nói trông cậu ấy hạnh phúc vào lần cuối cùng hai thằng gặp nhau.”

“Thế vì sao nó làm vậy?”

Tôi kể cho bà phiên bản ngắn của phiên bản ngắn của câu chuyện, bỏ qua những cái tên các triết gia liên quan. Tôi cố giải thích về việc chối từ một món quà không đòi hỏi, về hành động chống lại sự thụ động. Mẹ tôi gật lấy gật để như hiểu hết tất cả.

“Con thấy chưa, mẹ đúng rồi nhé.”

“Sao cơ ạ, mẹ?”

“Cậu ấy bị quá thông minh. Nếu thông minh như thế con có thể biện luận cho mình trong mọi chuyện. Con sẽ bỏ qua cảm thức chung. Chính não nó làm nó mất cân bằng, vì thế mà nó làm vậy đấy.”

“Vâng, thưa mẹ.”

“Con chỉ biết nói có thể thôi à? Ý con là đồng ý?”

Không đáp lại là cách duy nhất giúp tôi bình tĩnh.

Tôi bỏ ra vài ngày sau đó để cố suy nghĩ hết mọi góc ngách góc cạnh quanh cái chết của Adrian. Mặc dù không mấy trông mong một bức thư vĩnh biệt cho mình, tôi cũng thất vọng thay cho Colin và Alex. Và tôi phải nghĩ về Veronica thế nào bây giờ đây? Adrian yêu nàng, mà vẫn tự tử: chuyện này làm sao có thể giải thích được? Với đa số chúng ta, trải nghiệm đầu đời về tình yêu, cho dù nó có không ra gì - có lẽ đặc biệt là khi nó

không ra gì - thường hứa hẹn đây là thứ làm nên giá trị, và chứng minh cuộc sống có thật. Và dù những năm tháng tiếp theo có thể biến đổi cách nhìn này, cho đến khi ai đó trong chúng ta từ bỏ nó hoàn toàn, thì khi tình yêu tắt công lần đầu, chẳng có gì giống như thế hết, không phải sao? Đồng ý phải không?

Nhưng Adrian không đồng ý. Có lẽ nếu là một người phụ nữ khác... hoặc có lẽ không - Alex đã làm chứng cho tâm trạng phấn khởi của Adrian lần cuối họ gặp nhau, có điều gì kinh khủng diễn ra trong những tháng tiếp sau? Nhưng nếu như vậy, Adrian hẳn phải nhắc tới. Cậu ấy là người-đi-tìm-sự-thật và là triết gia trong chúng tôi: nếu đó là những lý do cậu ấy nói ra, thì ắt phải là những lý do thực sự của cậu ấy.

Với Veronica, tôi chuyển từ trách cứ nàng đã không cứu được Adrian sang thương hại nàng: nàng ở đó, lên đời trong chiến thắng huy hoàng, và hãy nhìn xem điều gì xảy ra. Tôi có nên tỏ lòng thương tiếc? Nhưng nàng sẽ nghĩ rằng tôi đạo đức giả. Nếu tôi có liên lạc với nàng, thì hoặc nàng chẳng buồn hồi đáp, hoặc bằng cách nào đó sẽ lèo lái mọi chuyện chệch đi và cuối cùng tôi sẽ chẳng thể nào suy nghĩ được rõ ràng.

Rốt cuộc, tôi cũng thấy mình suy nghĩ được rõ ràng. Như thế để nói là, thấu hiểu các lý do của Adrian, tôn trọng chúng, và ngưỡng mộ cậu ấy. Cậu ấy có đầu óc khá hơn và một bản tính nghiêm túc hơn tôi; cậu ấy suy nghĩ rất logic, và rồi hành xử theo kết luận của lối suy nghĩ logic ấy. Trong khi phần lớn chúng ta, tôi nghĩ là vậy, làm điều ngược lại: chúng ta đưa ra một quyết định rất bản năng, rồi xây dựng một cơ sở hạ tầng lý luận để biện hộ cho nó. Và gọi kết quả là cảm thức chung. Liệu tôi có nghĩ hành động của Adrian là ngấm ngấm chỉ trích những người còn lại trong chúng tôi? Không. Hoặc ít nhất, tôi chắc cậu ấy không có ý như vậy. Adrian có thể hấp dẫn mọi người, nhưng cậu ấy không bao giờ cư xử như thể cậu ấy muốn có môn đệ; cậu ấy tin chúng tôi biết tự nghĩ cho bản thân mình. Không biết cậu ấy có “hưởng thụ cuộc sống”, như phần lớn chúng tôi đã hoặc cố làm,

liệu cậu ấy đã thực sự sống? Có lẽ có; nếu không cậu ấy đã phải chịu đựng nỗi niềm hối tiếc và ân hận vì thất bại trong việc so khớp các hành động với các biện luận của mình.

Và chẳng có điều nào trên đây bù đắp được sự thật rằng đó vẫn là, như cách Alex nói, mọi sự phí hoài khủng khiếp đểch chịu nỗi.

\*

\* \*

Một năm sau, Colin và Alex đề nghị họp mặt. Vào dịp kỷ niệm một năm ngày mất của Adrian, ba chúng tôi gặp nhau để uống ở khách sạn Charing Cross, rồi đi ăn đồ ăn Ấn Độ. Chúng tôi thử gọi hồn và tôn vinh bạn của chúng tôi. Chúng tôi nhớ cậu ấy bảo thầy Joe Hunt Già rằng thầy hết việc, và giảng cho Phil Dixon về Eros và Thanatos. Chúng tôi đã biến quá khứ của mình thành giai thoại. Chúng tôi nhớ lại vụ hôn hờ mừng tin Adrian được học bổng Cambridge. Chúng tôi nhận ra rằng cậu ấy đã đến nhà từng thẳng trong chúng tôi, nhưng chưa thẳng nào đến nhà cậu ấy; và rằng chúng tôi chẳng hay biết - đã bao giờ chúng tôi hỏi? - bố cậu ấy làm gì. Vì cậu ấy chúng tôi cụng ly rượu vang ở quán bar khách sạn và cụng bia vào cuối bữa tối. Bên ngoài, chúng tôi vỗ vai nhau và thề sẽ lặp lại vụ tưởng nhớ này hằng năm. Nhưng đời chúng tôi đã kịp rẽ các hướng khác nhau mất rồi, và ký ức chung về Adrian không đủ để níu giữ chúng tôi bên nhau. Có lẽ việc thiếu đi tính huyền bí trong cái chết của cậu ấy cũng có nghĩa hồ sơ của cậu ấy càng dễ đóng lại hơn. Chúng tôi sẽ nhớ về cậu ấy cả cuộc đời, tất nhiên. Nhưng cái chết của cậu ấy là một tấm gương cảnh tỉnh hơn là một “thảm kịch” - như tờ báo Cambridge đã nhấn mạnh theo thói quen - và rồi cậu ấy rút lui khỏi chúng tôi khá nhanh, sau khi cửa một nhát vào thời gian và lịch sử.

\*

\* \*

Giờ đây tôi đã ra khỏi nhà, và bắt đầu làm thực tập sinh trong ngành quản lý nghệ thuật. Rồi tôi gặp Margaret; chúng tôi cưới nhau, và ba năm sau Susie ra đời. Chúng tôi mua một ngôi nhà nhỏ bằng một khoản nợ thế chấp lớn; tôi đều đặn lên London hằng ngày. Vụ thực tập của tôi biến thành một sự nghiệp lâu dài. Đời trôi đi. Một tay người Anh nào đó có lần đã nói rằng hôn nhân là một bữa ăn dài nhạt hoét với món pudding được phục vụ đầu tiên. Tôi nghĩ cái đó thật quá hoài nghi chủ nghĩa. Tôi thích cuộc sống hôn nhân của mình, nhưng có lẽ tôi quá trầm lặng - quá hiếu hòa - vì lợi ích của bản thân mình. Sau hơn chục năm Margaret bắt đầu dan díu với một tay chủ quán ăn. Tôi không thích tay này lắm - hay là đồ ăn của hắn cũng chẳng khá hơn, - nhưng mà tôi cũng chẳng nên thế, phải không nào? Việc chăm sóc Susie được chia ra. May mắn thay, con bé không bị ảnh hưởng mấy bởi chuyện chia tay này; và, đến giờ tôi nhận ra, tôi đã chẳng áp dụng lý thuyết về thương tổn với con bé bao giờ.

Sau khi ly dị tôi có một vài phi vụ tình ái, nhưng chẳng cái nào nghiêm túc. Tôi luôn kể với Margaret về bạn gái mới của tôi. Hồi ấy, chuyện đó có vẻ rất tự nhiên. Bây giờ, đôi khi tôi tự hỏi có phải đó là cách thử làm cô ấy ghen không; hay là, có lẽ, một hành vi tự bảo vệ mình, một cách tránh cho mối quan hệ mới trở nên quá nghiêm túc. Ngoài ra, trong phần đời trống trải hơn của tôi, tôi nghĩ ra khá nhiều ý tưởng mà tôi gọi là “dự án”, có lẽ là để làm chúng nghe có vẻ khả thi thôi, chẳng có cái nào thành được cái gì cả. Ở thì, cũng chẳng làm sao; cũng như bất cứ phần nào trong câu chuyện của tôi vậy.

Susie lớn lên, và mọi người bắt đầu gọi nó là Susan. Khi nó được hai mươi tư tuổi, tôi đưa nó đi lên giữa các hàng ghế trong một phòng đăng ký kết hôn. Ken là bác sĩ; chúng nó bây giờ đã có hai con, một trai và một gái. Ảnh chúng nó tôi mang theo trong ví lúc nào cũng cho thấy chúng nó trẻ hơn tuổi thật. Cũng bình thường, tôi cho là vậy, thôi không nói “Điều đó là



hiển nhiên tự thân một cách triết học”. Nhưng ta nhận thấy chính mình lặp đi lặp lại, “Chúng nó lớn nhanh quá cơ, phải không?” thì điều ta thực sự muốn nói chính là: giờ đây với mình thời gian trôi nhanh hơn.

Chồng thứ hai của Margaret hóa ra lại có vẻ không đủ hiểu hòa: gã đi với một người đúng ra là trông giống cô ấy, nhưng quan trọng là trẻ hơn mười tuổi. Cô ấy và tôi giữ quan hệ tốt; chúng tôi gặp nhau trong những sự kiện gia đình và đôi khi còn ăn trưa cùng nhau. Một lần, sau một hay hai ly rượu, cô ấy thành ra úy mị và gợi ý chúng tôi quay lại với nhau. Những điều còn lạ lùng hơn từng xảy ra rồi, cô ấy nói theo cách ấy. Không nghi ngờ gì chuyện ấy, nhưng giờ đây tôi đã quen với những thói quen thường lệ của riêng tôi, và tôi yêu quý nỗi cô đơn của mình. Hoặc có thể tôi chẳng đủ lạ lùng để làm chuyện gì như thế. Một hoặc hai lần chúng tôi nói đến chuyện đi nghỉ chung, nhưng tôi nghĩ mỗi chúng tôi đều mong người kia lên kế hoạch và đặt vé với lại khách sạn. Thế nên chuyện ấy chẳng bao giờ xảy ra cả.

Giờ tôi đã nghỉ hưu rồi. Tôi có căn hộ với tài sản của tôi. Tôi duy trì quan hệ với vài bạn uống cũ, và có vài bà bạn gái - suông kiểu Platon, tất nhiên. (Và họ cũng không thuộc về câu chuyện này.) Tôi là thành viên của hội lịch sử địa phương, tuy có ít phần kích hơn là cái hội về những thứ mà mấy cái máy dò kim loại mò ra được. Cách đây chưa lâu, tôi tình nguyện điều hành thư viện trong bệnh viện địa phương; tôi đi quanh các phòng giao sách, thu sách, giới thiệu sách. Việc này khiến tôi phải ra ngoài, và làm một việc gì có ích thì cũng tốt; hơn nữa, tôi gặp được vài người mới. Người ốm, tất nhiên; cả người sắp chết nữa. Nhưng ít nhất tôi cũng sẽ biết rõ đường đi lối lại ở bệnh viện khi đến lượt mình.

Và một cuộc đời là như thế, chẳng phải sao? Một vài thành tựu và một vài thất vọng, với tôi nó từng thú vị, mặc dù tôi sẽ chẳng ca thán hay ngạc nhiên nếu người khác thấy nó không được như vậy. Có thể, theo cách nào

đó, Adrian biết điều mình làm. Thế không có nghĩa là tôi sẽ nhớ tiếc cuộc đời mình vì bất cứ điều gì đâu, bạn hiểu mà.

Tôi sống sót. “Anh ta sống sót để kể lại câu chuyện” - người ta vẫn nói vậy, chẳng phải sao? Lịch sử không phải là những dối trá của kẻ chiến thắng, như tôi từng liên thoảng bảo đảm với thầy Joe Hunt Già; giờ thì tôi đã biết điều đó rồi. Đúng hơn thì nó là ký ức của những kẻ sống sót, mà phần lớn chẳng chiến thắng mà cũng không chiến bại.

## HAI

Sau này trong đời, bạn trông chờ được nghỉ ngơi một chút, phải không? Bạn nghĩ bạn xứng đáng được vậy. Dù sao, tôi cũng nghĩ thế. Nhưng rồi bạn bắt đầu hiểu ra rằng phiếu bé ngoan không phải là chuyện cả đời.

Hơn nữa, khi còn trẻ, bạn nghĩ bạn có thể đoán trước được ít nhiều những đau đớn và trống vắng tuổi tác sẽ mang lại. Bạn tưởng tượng mình cô đơn, ly dị, hay góa bụa; con cái lớn lên và rời xa bạn, bạn bè chết dần. Bạn tưởng tượng ra mất mát của vị thế, mất mát của khát khao - và của việc được khát khao. Có thể bạn còn đi xa hơn, nghĩ về việc mình đang tiến dần tới cái chết, thứ mà bạn chỉ có thể một mình đương đầu cho dù tập trung được cả một đại đội thể nào đi nữa. Nhưng tất tật những cái ấy đều là nhìn về phía trước. Điều bạn không làm nổi ấy chính là nhìn về phía trước, rồi thì tưởng tượng mình đang nhìn lại đằng sau từ cái điểm tương lai đó. Học những cảm xúc mới mà thời gian đem lại. Khám phá ra rằng, ví dụ nhỏ, những nhân chứng cuộc đời bạn giảm dần có ít thực chứng hơn và thế là bớt đi tính chắc chắn, về việc bạn là ai hay đã từng là ai. Dù có cần mẫn lưu trữ - từ ngữ, âm thanh, tranh ảnh - bạn có thể nhận ra mình đã chú tâm vào một kiểu lưu trữ sai rồi. Cái cậu Adrian từng nói là gì ấy nhỉ? “Lịch sử là tính chắc chắn được sản sinh vào thời điểm những khiếm khuyết của trí nhớ gặp những thiếu sót của tư liệu.”

\*

\* \*

Tôi vẫn đọc lịch sử rất nhiều, và tất nhiên tôi theo dõi toàn bộ phần lịch sử chính thống đã xảy ra trong quãng đời tôi đã sống - chủ nghĩa Cộng sản sụp đổ, bà Thatcher, 11 tháng Chín, địa cầu nóng lên - cùng với thứ hỗn hợp bình thường giữa sợ hãi, lo lắng và thứ lạc quan cần trọng. Nhưng tôi

chưa bao giờ có cùng cảm giác về nó - tôi chưa bao giờ tin nó lắm - như cách tôi tin những sự kiện thời Hy Lạp và La Mã, hay Đế chế Anh, hay Cách mạng Nga. Có lẽ tôi chỉ cảm thấy yên ổn hơn khi lịch sử dù ít dù nhiều đã được mọi người đồng tình. Hoặc có lẽ đó vẫn là cùng một nghịch lý mà thôi: lịch sử diễn ra ngay dưới mũi ta nhất định phải là thứ lịch sử rõ ràng nhất, nhưng lại cũng là thứ dễ tan chảy hơn cả. Ta sống trong dòng thời gian, nó trói buộc ta và định nghĩa ta, và thời gian cũng là thước đo lịch sử, chẳng phải vậy sao? Nhưng nếu như ta chẳng thể hiểu thời gian, chẳng thể nắm bắt được những điều huyền bí của nhịp độ và tiến bộ của nó, vậy thì cơ hội nào cho ta trong dòng lịch sử - cho dù chỉ một mảnh nhỏ, cá nhân, chủ yếu không được lưu trữ lại của ta ở trong nó?

\*

\* \*

Khi ta trẻ, ai trên tuổi ba mươi trông cũng như trung niên cả, ai trên năm mươi thì càng cổ xưa. Và thời gian, cứ chảy trôi mãi, khẳng định rằng ta chẳng hề sai. Những khác biệt tuổi tác ấy, quá ư cốt yếu và thô bạo khi ta trẻ, sẽ xói mòn dần. Rốt cuộc rồi chúng ta cũng thuộc cả về một thể loại mà thôi, cái loại không-trẻ. Tôi chưa khi nào phiền lòng lắm về chuyện ấy.

Nhưng quy tắc này có các ngoại lệ. Với một số người, những khác biệt thời gian trong tuổi trẻ sẽ chẳng bao giờ thực sự mất đi: con trưởng vẫn là con trưởng, cho dù cả hai đều mọc râu bạc cả rồi. Với một số người, một khoảng cách, xem nào, năm tháng đi, đã có nghĩa là anh - hay chị - này sẽ ngoan cố cho rằng bản thân khôn ngoan hơn và hiểu biết hơn người kia, bất kể bằng chứng có cho thấy điều ngược lại thế nào chẳng nữa. Hoặc giả tôi phải nói bởi vì bằng chứng cho thấy điều ngược lại. Bởi vì hoàn toàn rõ ràng là với bất cứ quan sát viên khách quan nào thì cán cân cũng đã ngả về phía người trẻ hơn chút ít ấy, người kia chỉ còn duy trì cái vẻ ngạo mạn về sự vượt trội này theo cái cách càng khắc khổ hơn. Theo cái cách càng bản loạn hơn.

\*

\* \*

Nhân tiện, tôi vẫn hay bật nhạc của Dvorák. Không nhiều giao hưởng nữa; giờ thì tôi thích các bản cho tứ tấu đàn dây hơn. Nhưng Tchaikovsky đã đi theo đường của những thiên tài lỗi cuốn tuổi trẻ, còn lại dư âm quyền lực ở tuổi trung niên, nhưng sau đó thì có vẻ như, nếu không gây ngỡ ngàng thì cách nào đó cũng đã bớt thích hợp. Tôi không định nói là nàng đã đúng. Chẳng có gì sai khi một thiên tài có thể lỗi cuốn tuổi trẻ. Đúng hơn thì, có cái gì đó sai ở người trẻ nào không bị lỗi cuốn bởi một thiên tài. Nhân đây, tôi không nghĩ là bản nhạc phim *Un homme et une femme* là một tác phẩm thiên tài. Thậm chí hồi đó tôi cũng không hề nghĩ thế. Mặt khác, tôi thỉnh thoảng vẫn nhớ Ted Hughes và mỉm cười vì sự thật rằng, thực ra, ông ấy chưa bị cạn vốn muông thú bao giờ.

\*

\* \*

Tôi khá hợp với Susie. Dù thế nào thì cũng là hợp vừa đủ. Nhưng thế hệ trẻ hơn không còn cảm thấy có nhu cầu, hoặc thậm chí nghĩa vụ, giữ liên lạc nữa. Ít nhất thì, không “giữ liên lạc” bằng cách “gặp”. Một cái email cho bố cũng được rồi - thật tiếc là ông già chưa học cách nhắn tin. Đúng, ông già bây giờ đã về hưu, vẫn còn mò mẫm loanh quanh với những “dự án” bí hiểm của mình, nghi là ông già sẽ chẳng bao giờ xong được cái nào, nhưng ít nhất thì cũng giữ cho não hoạt động, tốt hơn là chơi gôn, và vâng, chúng mình đã lên kế hoạch rẽ vào đó hồi tuần trước nhưng lại có việc đột xuất. Mình mong là ông già không bị Alzheimer, đấy là lo lắng lớn nhất của mình thật đấy, bởi vì, ờ thì, mẹ sẽ khó lòng mà về lại với bố, phải không? Không: tôi phóng đại, tôi bóp méo đi đấy. Susie không cảm thấy như thế, tôi chắc vậy. Sống một mình thì cũng có những lúc tủi thân với lại hoang tưởng. Susie và tôi hợp nhau mà.

\*

\* \*

Một người bạn của chúng tôi - tôi vẫn nói theo bản năng thế đấy, mặc dù Margaret và tôi đã ly dị còn lâu hơn cả thời gian kết hôn - có một cậu con trai trong một ban nhạc punk rock. Tôi hỏi xem cô ấy đã nghe bài nào của chúng nó chưa. Cô ấy nhắc đến một bài tên là “Ngày nào cũng là Chủ nhật”. Tôi nhớ mình đã cười lớn, lòng nhẹ nhõm thấy vẫn cái buồn chán thiếu niên cũ kỹ ấy đang tiếp nối từ thế hệ này sang thế hệ khác. Hơn nữa là cũng cái vẻ sắc sảo khinh mạn đó vẫn được dùng để thoát ra khỏi nó. “Ngày nào cũng là Chủ nhật [25]” – mấy từ này đưa tôi trở lại những năm tháng tù đọa, và đợi chờ khủng khiếp lúc cuộc đời bắt đầu. Tôi hỏi bạn của chúng tôi những bài hát khác của ban nhạc thì sao. Không, cô ấy nói, đây là bài hát của chúng nó, bài hát duy nhất. Thế nó tiếp thế nào? tôi hỏi. Ý anh là gì? Ờ thì, thế câu tiếp theo là gì? Anh chẳng hiểu gì, phải không? Cô ấy nói. *Đấy là bài hát đấy.* Chúng nó chỉ nhắc lại cái câu ấy thôi, lặp đi lặp lại, cho đến khi nào quyết định kết thúc bài hát. Tôi nhớ là mình đã mỉm cười. “Ngày nào cũng là chủ nhật” - đó sẽ chẳng phải một câu tồi để khắc trên bia mộ, phải không?

\*

\* \*

Nó là một trong những cái phong bì trắng dài với tên và địa chỉ của tôi viết trong một cái ô trống. Tôi không biết bạn thế nào, chứ tôi chẳng bao giờ vội vã mở chúng làm gì. Đã từng có lần, những bức thư như thế có nghĩa là thêm một giai đoạn đau đớn trong quá trình ly dị của tôi - có thể đó là lý do khiến tôi cảnh giác với chúng. Giờ thì, chúng có thể đựng biên lai thuế nào đó của vài cổ phần sinh lời thấp đến thảm hại tôi mua khi về hưu, hoặc một yêu cầu thêm nào đó từ hội từ thiện tôi đã ủng hộ bằng lệnh trả tiền. Thế là tôi quên mất nó cho tới cuối ngày, khi tôi đang thu nhật giấy tờ vương vãi

trong căn hộ - thậm chí cho đến tận cái phong bì cuối cùng - để thành rác tái chế. Hóa ra nó lại đựng một bức thư từ một công ty luật tôi chưa nghe tới bao giờ, Các ông Coyle, Innes & Black. Một Eleanor Marriott nào đó viết "Về vấn đề tài sản của bà Sarah Ford (đã qua đời)". Phải mất một lúc tôi mới định thần được.

\*

\* \*

Chúng ta sống với các giả định thật dễ dãi, chẳng phải sao? Chẳng hạn như ký ức bằng các sự kiện cộng với thời gian. Nhưng thật ra nó kỳ cục hơn thế nhiều. Ai đã nói rằng ký ức là thứ ta cứ tưởng mình đã quên ấy nhỉ? Và ta hẳn phải thấy rõ ràng rằng thời gian không hoạt động như một thứ thuốc hãm, mà như dung môi hòa tan thì đúng hơn. Nhưng tin vào điều này cũng chẳng tiện - chẳng ích lợi gì; nó chẳng giúp ta sống tiếp cuộc đời ta; thế là ta bèn lờ đi vậy.

\*

\* \*

Tôi được yêu cầu xác nhận địa chỉ và cung cấp bản sao hộ chiếu. Tôi được thông báo rằng tôi được để lại cho 500 bảng và hai "tài liệu". Tôi thấy thật là bối rối quá. Trước hết là cái việc được hưởng di chúc từ một người mà tên thánh tôi chưa bao giờ biết hay là quên mất rồi. Và 500 bảng có vẻ như một khoản rất cụ thể. Nhiều hơn là không có gì, và không đủ nhiều để thành tấm thành món gì cả. Có lẽ sẽ dễ hiểu hơn nếu tôi biết bà Ford làm di chúc vào thời điểm nào. Tuy rằng nếu việc đó đã rất lâu rồi thì khoản tiền tương đương bây giờ có lẽ sẽ nhiều hơn nhiều, và như thế thì còn khó hiểu hơn nữa.

Tôi xác nhận sự tồn tại, tính xác thực và địa chỉ của mình, gửi kèm cả bản sao làm chứng. Tôi còn hỏi liệu tôi có thể biết được ngày lập di chúc

hay không. Rồi, một tối, tôi ngồi xuống cố hồi sinh lại dịp cuối tuần nhục nhã ấy ở Chislehurst khoảng bốn mươi năm về trước. Tôi kiếm tìm bất cứ thời khắc, tình tiết hay lời bình luận nào có vẻ xứng đáng được tỏ lòng biết ơn hoặc tưởng thưởng. Nhưng ký ức của tôi đã ngày càng như một cơ chế chỉ biết lặp lại các dữ liệu có vẻ chính xác cùng với rất ít biến thể. Tôi trân trân dõi nhìn quá khứ, tôi đợi, tôi cố lừa ký ức vào một chiều hướng khác. Nhưng chẳng làm được gì. Tôi là ai đó đã hẹn hò với con gái của bà Sarah Ford (đã chết) trong thời gian khoảng một năm, bà bị ông chồng điều khiển, bị con trai soi mói trịch thượng, và bị con gái thao túng. Đau đớn cho tôi khi ấy thật đấy, nhưng khó mà đòi hỏi một lời xin lỗi mẫu tử, gồm 500 bảng về sau này.

\*

\* \*

Mà dù sao thì, nỗi đau ấy chẳng dai dẳng mãi. Như tôi đã nói, tôi có một bản năng tự vệ nào đó. Tôi đã thành công trong việc bỏ Veronica ra khỏi đầu, ra khỏi lịch sử của tôi. Vậy nên khi thời gian đưa tôi quá nhanh vào tuổi trung niên, và tôi bắt đầu nhìn lại cuộc đời mình đã mở ra như thế nào, và xem xét những con đường không được chọn, những cái nếu-như ru ngủ và ngấm ngấm gây suy yếu ấy, chẳng bao giờ tôi thấy mình tưởng tượng - theo chiều tệ hơn cũng không, thôi khỏi nói đến chiều tốt hơn - rằng đời mình sẽ thế nào nếu cùng với Veronica. Annie thì có, Veronica thì không. Và tôi không bao giờ tiếc đã có những năm tháng cùng Margaret, ngay cả khi chúng tôi đã ly dị rồi. Có cố hết sức - việc này cũng chẳng phải quá khó - tôi cũng hiếm khi mộng tưởng một cuộc đời khác biệt rõ rệt với cuộc đời từng là của tôi. Tôi không nghĩ đây là tự thỏa mãn: mà nó giống như thiếu trí tưởng tượng, hoặc tham vọng, hoặc cái gì đó hơn. Tôi cho rằng sự thật là, vâng, tôi không đủ kỳ quặc để không làm những việc: rất cuộc tôi đã làm với đời mình.

\*



\* \*

Tôi không đọc thư của luật sư ngay. Tôi nhìn vào thứ gửi kèm, một phong bì màu kem, dài, có tên tôi trên đó. Chữ viết tôi đã từng nhìn thấy chỉ một lần duy nhất trong đời, nhưng dù vậy vẫn quen thuộc. Anthony Webster Esq. - cái kiểu các nét vòng lên và các nét vòng xuống kết thúc bằng một vòng xoắn nhỏ đưa tôi trở lại với ai đó tôi biết chỉ trong một dịp cuối tuần. Ai đó sở hữu kiểu chữ viết mà, trong vẻ tự tin hơn là hình dáng chữ, gợi ra một người phụ nữ có lẽ "đủ kỳ quặc" để làm những việc tôi đã không làm. Nhưng việc gì, tôi chẳng thể biết hay đoán được. Có một mẫu băng dính ở mặt trước phong bì, chính giữa phía trên. Tôi tưởng nó vòng xuống phía sau và bồi thêm một lớp niêm phong phụ, nhưng hóa ra nó bị cắt ngang ngay chỗ cạnh trên phong bì. Đoán chừng bức thư đã từng có lần được dán vào một thứ gì khác.

Cuối cùng, tôi mở ra đọc. "Tony thân niên, tôi nghĩ là ngay lúc này đây cháu hẳn đã nhận được đồ gửi kèm. Adrian luôn luôn nói về cháu

với rất nhiều thiện chí, và có lẽ cháu sẽ thấy đó là một kỷ vật thú vị, cho dù có đau đớn, về khi xưa ấy. Tôi cũng để lại cho cháu một chút tiền. Cháu có thể thấy lạ lùng, và cũng phải nói thật là tôi cũng không chắc lắm về các động cơ của mình đâu. Cho dù thế nào đi nữa, tôi cũng xin lỗi cháu về cung cách gia đình tôi đã cư xử với cháu nhiều năm về trước, và chúc cháu tốt lành, lời chúc từ dưới mộ. Thân ái, Sarah Ford. Tái bút: Nghe có vẻ kỳ quặc, nhưng tôi nghĩ những tháng cuối đời cậu ấy hạnh phúc."

Luật sư yêu cầu các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng của tôi để khoản thừa kế có thể được chuyển trực tiếp. Cô luật sư thêm rằng đã gửi kèm món thứ nhất trong "hai tài liệu" được để lại cho tôi. Món thứ hai vẫn trong tay con gái bà Ford. Điều đó, tôi nhận ra, có thể giải thích cho mẫu băng dính bị cắt. Cô Marriott vẫn đang cố lấy món đồ thứ hai này. Và di chúc của bà Ford, theo câu trả lời cho câu hỏi của tôi, đã được soạn thảo năm năm trước đây.

\*

\* \*

Margaret hay nói rằng có hai loại đàn bà: một loại rõ ràng, một loại bí ẩn. Và đây là điều đầu tiên một người đàn ông cảm nhận được, cũng là điều đầu tiên hấp dẫn anh ta, hoặc không. Có những người đàn ông bị hút hồn vào loại này, có những người vào loại kia. Margaret - bạn chẳng cần tôi phải kể cũng biết - là loại rõ ràng, nhưng đôi khi cô ấy cũng ghen tị với loại sẵn có hoặc tạo ra được một dáng vẻ bí ẩn.

“Anh thích em đúng như con người em,” có lần tôi nói với cô ấy.

“Nhưng bây giờ anh biết em quá rõ rồi còn gì,” cô ấy đáp. Chúng tôi đã cưới nhau sáu bảy năm rồi. “Chẳng phải anh vẫn thích hơn nếu em... khó đoán biết hơn một chút sao?”

“Anh không muốn em là một người đàn bà bí ẩn. Anh nghĩ anh sẽ ghét chuyện đó. Dù cho đấy chỉ là bề ngoài, một trò chơi, một kỹ thuật để bẫy đàn ông, hay người phụ nữ bí ẩn ấy là một bí ẩn thậm chí đối với chính cô ta đi nữa, mà cái đó là tệ nhất đấy.”

“Tony, anh nói nghe như một người đàn ông đích thực trên đời vậy.”

“Ờ thì, anh không phải như thế,” tôi nói - mặc dù ý thức được, tất nhiên, rằng cô ấy đang trêu mình. “Anh chưa được biết nhiều phụ nữ đến thế trong đời đâu.”

“Anh không biết mấy về phụ nữ, nhưng anh biết anh thích gì?”

“Anh có nói thế đâu, mà cũng không có ý đó. Nhưng anh nghĩ đấy là vì anh biết tương đối ít nên anh biết anh nghĩ về họ thế nào. Và anh thích gì ở họ. Nếu biết nhiều hơn, anh sẽ bị bối rối hơn.”

Margaret nói, “Bây giờ em chẳng biết là phải vui hay không nữa.”

Chuyện này xảy ra trước khi cuộc hôn nhân của chúng tôi sa lầy, tất nhiên. Nhưng chắc nó sẽ chẳng bền lâu hơn nếu Margaret bí ẩn hơn, tôi có thể chắc chắn với bạn - và với cô ấy - về chuyện đó.

\*

\* \*

Và cái gì đó ở cô ấy chuyển sang tôi dần dần qua những năm tháng ấy. Ví dụ, nếu không biết cô ấy, tôi có thể đã dính líu vào một vụ trao đổi thư từ kiên nhẫn với luật sư rồi. Nhưng tôi không muốn thăm lạng đợi chờ một phong bì có trở ô khác nữa. Thay vào đó, tôi gọi điện cho cô Eleanor Marriott hỏi về tài liệu tiếp theo tôi được để lại cho.

“Di chúc tả nó như một cuốn nhật ký.”

“Một cuốn nhật ký? Của bà Ford?”

“Không. Để tôi kiểm tra tên.” Ngừng một chút. “Adrian Finn.”

Adrian! Làm sao bà Ford rốt cuộc lại có nhật ký của cậu ấy? Đấy không phải là một câu hỏi dành cho luật sư. “Đó là một người bạn của tôi,” tôi chỉ nói vậy. Rồi, “Có vẻ như nó được đính kèm với bức thư cô đã gửi.”

“Tôi không chắc về chuyện đó.”

“Thế cô thực đã nhìn thấy nó chưa?”

“Chưa, tôi chưa thấy.” Thái độ của cô ta thật đáng nghi hơn là ngại giúp đỡ.

“Veronica Ford có đưa ra lý do nào cho việc giữ nó lại không?”

“Bà ấy nói chưa sẵn sàng xa nó.”

Hần rồi. “Nhưng nó là của tôi mà?”

“Nó chắc chắn được để lại cho ông theo di chúc.”

Hừm. Tôi băn khoăn không biết có cách nào tế nhị mà hợp pháp tách hai vấn đề đó ra được không. “Cô có biết bà ấy làm thế nào lại... lấy được nó?”

“Bà ấy sống không xa nhà bà mẹ lắm trong những năm cuối, theo như tôi hiểu. Bà ấy nói đã lấy vài món đem về cất nơi an toàn chỗ bà ấy. Đề phòng trường hợp ngôi nhà bị trộm. Trang sức, tiền, tài liệu.”

“Việc đó có đúng luật không?”

“Vâng thì, nó không sai luật. Có thể là rất cẩn thận thôi ạ.”

Chúng tôi không có vẻ tiến đến đâu cả. “Để tôi nói thẳng chuyện này nhé. Bà ấy phải đưa tài liệu này, cuốn nhật ký, cho cô. Cô đã đòi nó, và bà ấy đang từ chối rời bỏ nó.”

“Cho đến giờ, vâng, tình hình đúng là như thế.”

“Cô cho tôi địa chỉ bà ấy được chứ?”

“Tôi phải được bà ấy cho phép thì mới làm vậy được ạ.”

“Thế cô có làm ơn đi kiểm cái sự cho phép ấy được không?”

Đã lần nào bạn nhận ra làm thế nào mà, khi bạn nói với ai đó như là luật sư chẳng hạn, một hồi sau bạn không còn nói năng như chính bạn nữa mà rốt cuộc lại nghe như là họ đang nói chưa?

\*

\* \*

Càng ít thời gian còn lại trong đời, bạn càng không muốn lãng phí nó. Thật logic, phải không? Dù bạn có sử dụng những giờ dự trữ như thế nào... ờ thì, đây lại là một chuyện nữa chắc bạn chẳng thể nói trước được khi còn trẻ. Ví dụ, tôi mất rất nhiều thời gian dọn dẹp các thứ - mà tôi còn chẳng phải là người bừa bộn. Nhưng đây lại là một trong những điều đem lại niềm vui nhỏ nhoi lúc tuổi già. Tôi hướng tới sự sạch sẽ; tôi gom giấy cũ làm rác tái chế; tôi dọn dẹp và trang trí căn hộ để giữ gìn giá trị của nó. Tôi vừa lập di chúc xong; và quan hệ của tôi với con gái, với con rể, các cháu và vợ cũ, nếu không hoàn hảo thì ít nhất cũng ổn. Hoặc là tôi tự thuyết phục tôi thế đấy. Tôi đã đạt được trạng thái hiếu hòa, thậm chí là thanh thản. Bởi vì tôi hợp với mọi thứ. Tôi không thích lộn xộn, và tôi không thích bỏ lại một đống lộn xộn. Tôi vừa chọn hình thức hỏa táng, nếu bạn muốn biết.

Thế là tôi bèn gọi lại cho cô Marriot lần nữa, hỏi thông tin liên lạc của người con khác của bà Ford, có tên là Jack. Tôi gọi Margaret hẹn một cuộc ăn trưa. Và tôi đặt hẹn với luật sư riêng của tôi. Không, gọi thế thì hơi bị oách quá. Tôi tin chắc ông anh Jack sẽ có ai đó mà anh ta viện đến như là “luật sư riêng của tôi”. Trong trường hợp của tôi đây chỉ là một tay địa phương soạn thảo di chúc cho tôi thôi; tay này có một văn phòng nhỏ phía trên một cửa hàng hoa và có vẻ như hoàn toàn có năng lực. Tôi cũng thích anh ta bởi anh ta chẳng cố gọi tên thánh <sup>[26]</sup> của tôi hay gợi ý cho tôi gọi tên thánh của anh ta. Thế nên tôi chỉ nhớ anh ta là T. J. Gunnel, và còn chẳng thiết đoán xem các chữ đầu có thể viết tắt cho tên gì. Bạn có biết một chuyện tôi sợ phát khiếp không? Là thành một người già trong bệnh viện và bị các cô y tá tôi chưa gặp bao giờ gọi tôi là Anthony hoặc tệ hơn nữa là Tony. Hãy để tôi chích cái này vào tay ông nhé, Tony. Uống thêm tí thức ăn lỏng này nhé, Tony. Ông đã tập động tác nào chưa, Tony? Tất nhiên, khi việc này xảy đến, kiểu thân quen quá đáng của đội ngũ y tá có thể sẽ chỉ nằm tí phía dưới danh sách các nỗi lo của tôi thôi; nhưng cho dù là vậy.

\*

\* \*

Tôi làm một việc hơi kỳ quặc khi mới gặp Margaret. Tôi viết Veronica ra ngoài câu chuyện đời tôi. Tôi vờ vịt rằng Annie mới là bạn gái đầu thật sự. Tôi biết phần lớn đàn ông thường thổi phồng số lượng các cô nàng và vụ tình dục họ từng trải qua; tôi làm điều ngược lại. Tôi vạch một đường kẻ và bắt đầu như mới. Margaret hơi bị bối rối vì tôi sao lại chậm chân đến thế không phải trong chuyện tôi mất trinh, mà trong chuyện có quan hệ nghiêm túc; nhưng bù lại, tôi nghĩ hồi ấy cô ấy có bị hút hồn một chút. Cô ấy đã nói gì đó về chuyện nhút nhát cũng là nét quyến rũ ở đàn ông.

Phần kỳ quặc hơn nằm ở chỗ thật dễ dàng có được phiên bản này của câu chuyện của tôi bởi dù sao đây vẫn là điều tôi tự kể cho mình. Tôi coi thời gian mình bên Veronica như một thất bại – kiêu ngạo của cô ấy, nhục nhã của tôi – và đã xóa sổ nó rồi. Tôi chẳng giữ thư từ gì, chỉ còn có một tấm ảnh, mà lâu lắm rồi tôi chẳng xem.

Nhưng sau một hay hai năm hôn nhân, khi đã thoải mái hơn về bản thân, và hoàn toàn tin tưởng vào mối quan hệ của chúng tôi, tôi kể cho Margaret sự thật. Cô ấy lắng nghe, đặt những câu hỏi liên quan, và cô ấy hiểu. Cô ấy hỏi xem bức ảnh – bức chụp ở quảng trường Trafalgar – nghiêm cứu nó, gật đầu, và không bình luận gì. Thế là tốt. Tôi chẳng có quyền trông mong bất cứ điều gì hết, nói gì đến những lời ca ngợi bạn gái cũ. Điều mà, dù thế nào, tôi cũng chẳng muốn. Tôi chỉ muốn xóa đi quá khứ, và được Margaret tha thứ cho lời nói dối lạ lùng về nó. Cô ấy đã làm vậy.

\*

\* \*

Ông Gunnell trầm tĩnh, gầy guộc, một người chẳng ngại gì im lặng cả. Đẳng nào thì, nó cũng bắt khách hàng anh ta trả tiền bằng với nói nàng.

“Ông Webster.”

“Ông Gunnell.”

Và thế là chúng tôi gọi nhau là ông suốt bốn mươi lăm phút sau đó, trong khi anh ta cho tôi lời khuyên chuyên nghiệp mà tôi phải trả tiền. Anh ta bảo tôi rằng, theo cách nhìn của anh ta, đến gặp cảnh sát và cố thuyết phục họ buộc tội ăn trộm một phụ nữ lớn tuổi có bà mẹ vừa qua đời là thật điên rồ. Tôi thích cái đó. Không phải lời khuyên mà cách diễn đạt. “Điên rồ”: hay hơn nhiều “không nên” hoặc “không thỏa đáng”. Anh ta cũng khuyên tôi đừng quấy quả bà Marriott.

“Không phải là các vị luật sư thích bị quấy hay sao, ông Gunnell?”

“Có thể nói nếu người quấy rầy là khách hàng thì khác. Nhưng trong trường hợp hiện tại này thì gia đình Ford đang trả mọi chi phí. Và ông hẳn sẽ ngạc nhiên làm thế nào mà các bức thư lại trượt xuống tận đáy tập hồ sơ được.”

Tôi nhìn quanh văn phòng sơn màu kem có những chậu cây cảnh, hàng giá đựng cứ liệu luật, bản in phong cảnh nước Anh hiền hòa và, vâng, có cả các tủ đựng hồ sơ nữa. Tôi quay lại nhìn ông Gunnell.

“Nói theo cách khác, đừng để cô ấy nghĩ tôi là loại loạn óc.”

“Ôi, bà ấy không bao giờ nghĩ vậy đâu, ông Webster. Mà ‘loạn óc’ không hẳn là thuật ngữ ngành luật.”

“Thế ông sẽ gọi là gì?”

“Chúng tôi sẽ chấp nhận ‘gây phiền hà’. Thế cũng khá mạnh rồi.”

“Được. Giờ sang một điểm khác nhé. Phải mất bao lâu mới thanh lý xong tài sản?”

“Nếu nó tương đối minh bạch... tám tháng, hai năm.”

Hai năm! Tôi không đợi quyền nhật ký lâu thế đâu.

“Thế này, ông giải quyết chuyện chính trước, nhưng luôn luôn có những chuyện lôi thôi đi kèm. Các giấy chứng nhận cổ phần bị mất. Thỏa thuận các con số với bên sở thuế. Và thư từ đôi khi bị thất lạc.”

“Hoặc trượt xuống đáy một tập hồ sơ.”

“Cả thế nữa, ông Webster.”

“Ông có lời khuyên nào khác không?”

“Tôi sẽ cẩn thận hơn với từ ‘ăn cắp’. Nó có thể phân cực các vấn đề một cách không cần thiết.”

“Nhưng chẳng phải cô ta đã làm chuyện đó sao? Nhắc tôi nhớ đến cái câu gì trong ngành luật khi mà chuyện đã rõ như ban ngày đi.”

“Res ipsa loquitur <sup>[27]</sup> ?”

“Chính là nó đấy.”

Ông Gunnell ngừng nói. “Thế này, việc liên quan đến tội phạm không mấy khi đi qua bàn của tôi, nhưng cụm từ khóa khi có vụ ăn trộm nào, như tôi nhớ, là ‘ý định tước đoạt vĩnh viễn’ khỏi chủ của vật bị ăn cắp. Ông có manh mối nào về ý định của quý cô Ford hoặc trạng thái tinh thần chung hơn của bà ấy không?”

Tôi cười lớn. Manh mối về đầu óc Veronica từng là một trong những vấn đề của tôi bốn mươi năm về trước. Thế nên hẳn là tôi cười khá vô duyên; mà Gunnell thì không phải là một người không nhạy cảm.



“Tôi không muốn tọc mạch, ông Webster, nhưng có điều gì trong quá khứ, có lẽ, giữa ông và quý cô Ford, có thể thành ra liên quan, cuối cùng biến thành một vụ án dân sự, hoặc thậm chí là hình sự không?”

Chuyện gì giữa tôi và quý cô Ford ư? Một hình ảnh cụ thể hiện ra trong đầu giữa khi tôi chăm chăm nhìn vào mặt sau một thứ tôi cho là những bức ảnh gia đình.

“Ông vừa làm mọi chuyện rõ ràng hơn rất nhiều, ông Gunnell. Tôi sẽ dán một cái tem hạng nhất lên phong bì khi tôi thanh toán cho ông.”

Anh ta cười. “Thực ra, chuyện đó chúng tôi cũng có để ý đấy. Trong một số trường hợp.”

\*

\* \*

Cô Marriott, sau hai tuần, đã có thể cung cấp cho tôi địa chỉ email của ông John Ford. Quý cô Veronica Ford đã từ chối cho chuyển tiếp các thông tin liên hệ của mình. Và bản thân ông John Ford rõ ràng là người rất cẩn thận: không số điện thoại, không địa chỉ thư tín.

Tôi nhớ ông anh Jack ngồi dựa vào ghế xô pha, bất cần và tự tin. Veronica vừa nghịch rối tóc tôi vừa hỏi, “Cậu ấy được mà, phải không?” Và Jack nháy mắt với tôi. Tôi không nháy mắt lại.

Trong email tôi rất trình trọng. Tôi ngỏ lời chia buồn. Tôi vờ vịt rằng những kỷ niệm ở Chislehurst hạnh phúc hơn là hoàn cảnh hồi ấy. Tôi giải thích tình huống và nhờ Jack dùng ảnh hưởng của anh ta để thuyết phục em gái chuyển lại cho tôi “tài liệu” thứ hai, thứ tôi hiểu là cuốn nhật ký của người bạn học cũ Adrian Finn của tôi.

Khoảng mười ngày sau ông anh Jack ló dạng trong hộp thư của tôi. Một lời chào đầu dài dòng về du lịch, và bán-hưu trí, và cái ẩm ướt của Singapore, và wifi và các quán cà phê-Internet. Và rồi: “Dù sao thì, buồn chuyện thế đủ rồi. Tiếc là tôi không phải người trông nom em gái tôi - chưa từng khi nào, mọi chuyện chỉ hai chúng tôi biết. Đã thôi không cố thay đổi đầu óc cô ấy từ nhiều năm trước rồi. Và, nói thành thật, việc tôi nói tốt cho cậu có thể dễ dàng phản tác dụng. Không phải là tôi không chúc cậu tốt lành trong cái thế bất lợi này đâu nhé. À - xe kéo của tôi đến đây rồi - phải lướt thôi. Thân, John Ford.”

Tại sao tôi lại cảm thấy có gì đó không thuyết phục trong toàn bộ chuyện này? Tại sao tôi lại lập tức hình dung anh ta ngồi lặng lẽ ở nhà - trong một biệt thự xa hoa quay lưng ra một sân gôn ở Surrey - cười vào mặt tôi? Server của anh ta là aol.com, chẳng nói lên điều gì cả. Tôi nhìn vào giờ gửi email, hợp cho cả Singapore lẫn Surrey. Tại sao tôi lại tưởng tượng ông anh Jack thấy tôi tiếp cận nên đùa vui một chút?

Có lẽ bởi ở đất nước này các khác biệt giai cấp cường lại thời gian lâu hơn những khác biệt tuổi tác. Nhà Ford từng sang hơn nhà Webster vào hồi đó, và họ hẳn là vẫn giữ nguyên cách ấy. Hay có khi đó chỉ là hoang tưởng về phần tôi thôi?

Chẳng được việc gì, tất nhiên, nhưng vẫn gửi email đáp một cách lịch thiệp và hỏi liệu anh ta có thể cho tôi thông tin liên lạc của Veronica không.

\*

\* \*

Khi nói, “Cô ấy là một phụ nữ ưa nhìn,” người ta thường có ý, “Cô ấy từng là một người phụ nữ ưa nhìn.” Nhưng khi nói như vậy về Margaret, tôi có ý đó thật. Cô ấy nghĩ - cô ấy biết - rằng mình đã thay đổi, và cô ấy có thay đổi thật; nhưng với tôi thì cô ấy thay đổi ít hơn với bất cứ ai khác. Tự

nhiên thôi, tôi chẳng thể nói thay cho tay chủ quán ăn được. Nhưng tôi sẽ nói thế này: cô ấy chỉ nhìn thấy những gì đã mất, còn tôi chỉ nhìn thấy những gì vẫn còn như trước. Tóc cô ấy không còn ngang lưng hay cuốn cao lên thành búi kiểu Pháp nữa; giờ đây nó ngắn sát đầu và tóc bạc lộ ra. Những cái váy thụng quê mùa cô ấy vẫn mặc đã nhường chỗ cho áo thun len và quần cắt rất khéo. Mấy cái tàn nhang tôi vẫn yêu giờ đã gần với đôi môi Nhưng đó vẫn là đôi mắt ta soi vào, chẳng phải sao? Ta đã nhận ra nửa kia của mình trong đó, và giờ vẫn thấy, vẫn đôi mắt ấy trên khuôn mặt ấy lần đầu chúng tôi gặp nhau, khi ngủ với nhau, khi cưới, khi đi trăng mật, khi chung khoản vay thế chấp mua nhà, khi đi chợ, khi nấu ăn và đi nghỉ, yêu nhau và có con với nhau. Và cũng vẫn thế cả khi đã chia tay.

Nhưng không chỉ có đôi mắt. Cấu trúc xương vẫn vậy, cũng như những cử chỉ bản năng, rất nhiều cách khác nhau để cô ấy vẫn là chính mình. Và cái kiểu cô ở bên tôi kia nữa, dù sau bao lâu và bao xa cách.

“Thế tất cả chuyện này là thế nào, Tony?”

Tôi cười to. Chúng tôi chỉ vừa xem thực đơn xong, nhưng tôi không thấy câu hỏi ấy hấp tấp. Margaret là như thế. Khi anh nói anh không chắc về chuyện có thêm con thứ hai, có phải ý anh là không chắc về chuyện có con nữa với em không? Sao anh lại nghĩ ly dị chẳng qua chỉ là sự đổ lỗi? Anh định làm gì với phần đời còn lại của anh bây giờ? Nếu anh thực sự muốn đi nghỉ với em thì anh đã đi đặt mấy cái vé ấy rồi chứ? Và thế tất cả chuyện này là thế nào, Tony?

Có những người thấy bất an về những người tình cũ của nửa kia của mình, như thế họ vẫn còn đe dọa vậy. Margaret và tôi được miễn chuyện đó. Thế không có nghĩa là trong trường hợp của tôi có một đoàn lũ lượt bạn gái cũ xếp hàng. Và giả như cô ấy có tự cho phép đặt tên nhạo cho họ, thì cũng là quyền của cô ấy, chẳng phải sao?

“Thực ra, chẳng phải ai, ngoài Veronica Ford.”

“Bánh hoa quả á?” Tôi biết ngay cô ấy sẽ nói vậy, nên cũng chẳng cau mày. “Có phải cô ta trở lại, sau chừng ấy năm? Anh không còn dính dáng gì tới chuyện đó nữa rồi, Tony.”

“Anh biết,” tôi đáp. Có khả năng là khi- rốt cuộc đã tìm cách kể được cho Margaret về Veronica rồi, tôi đã lợi dụng chuyện đó một chút, làm mình nghe có vẻ còn hơn cả một kẻ bị lừa, và Veronica có vẻ mất cân bằng hơn hồi đó. Nhưng chính vì tôi mà đâm ra có cái tên nhạo này, nên tôi chẳng thể dễ dàng phản đối nó được. Tất cả những gì tôi có thể làm là không tự mình dùng nó thôi.

Tôi kể cho cô ấy đầu đuôi câu chuyện, tôi đã làm gì rồi, tôi đã tiếp cận mọi thứ thế nào. Như tôi nói, có cái gì đó ở Margaret đã lây sang tôi dần qua năm tháng, có lẽ vì thế mà cô ấy gật đầu đồng tình hoặc động viên đôi chỗ.

“Anh nghĩ vì sao mẹ Bánh hoa quả lại để cho anh 500 bảng?”

“Anh chẳng mấy may nghĩ ra cái gì.”

“Thế anh nghĩ ông anh trai chỉ dặt mũi anh thôi?”

“Ừ. Hoặc ít nhất thì cũng chẳng tự nhiên gì với anh.”

“Nhưng anh có quen anh ta tí nào đâu, phải không?”

“Anh chỉ gặp anh ta có một lần, đúng thế. Anh đoán hẳn là anh nghi vấn cả cái gia đình ấy.”

“Thế anh nghĩ tại sao bà mẹ rốt cuộc lại có cuốn nhật ký?”

“Anh không nghĩ ra.”

“Có lẽ Adrian để lại cho bà ấy bởi cậu ấy không tin Bánh hoa quả?”

“Cái đó vô lý.”

Có một khoảng lặng. Chúng tôi ăn. Rồi Margaret gõ dao của cô ấy lên đĩa của tôi.

“Và nếu quý cô giả-sử-vẫn-chưa-chồng Veronica Ford thế nào mà lại đi vào quán cà phê này và ngồi xuống bàn ta, thì quý ông ly-dị-đã-lâu Anthony Webster sẽ phản ứng ra sao?”

Cô ấy vẫn luôn biết đích xác chuyện này, chẳng phải sao?

“Anh không nghĩ là anh sẽ đặc biệt sung sướng nếu gặp cô ta.”

Có gì đó trong cái giọng nghi thức của tôi khiến Margaret mỉm cười. “Rối trí rồi hả? Bắt đầu xắn tay áo và tháo đồng hồ ra?”

Tôi đỏ mặt. Bạn chưa thấy một ông hói độ trên sáu mươi đỏ mặt sao? Ôi, chuyện đó có đấy, cũng như với một cậu mặt tàn nhang rậm tóc tuổi mười lăm thôi. Và bởi vì nó hiếm hoi hơn, nó đưa người đỏ mặt lộn nhào lại cái thời mà cuộc đời cứ như là chẳng hơn gì một chuỗi những ngượng nghịu xấu hổ.

“Anh ước gì anh chưa kể với em.”

Cô ấy xiên một đĩa dĩa đầy xa lát cải và cà chua.

“Anh chắc là không còn... ngọn lửa nào chưa được dội nước trong ngực anh đấy chứ, ông Webster?”

“Anh khá là chắc chắn.”

“Thế thì, trừ phi cô ta vẫn giữ liên lạc với anh, em sẽ bỏ qua. Rút tiền đi, đưa em đi nghỉ một kỳ vừa túi tiền, và quên đi. Hai trăm năm mươi mỗi người là chúng mình có thể đến tốt tận đảo Channel ấy.”

“Khi nào em trêu anh là anh đều thích đấy,” tôi nói. “Dù là sau ngần ấy năm.”

Cô ấy nghiêng người qua vỗ nhẹ vào tay tôi. “Thật hay khi chúng mình vẫn còn yêu quý nhau. Và thật hay khi em biết là anh sẽ chẳng bao giờ làm được cái việc đặt chỗ trước cho cái kỳ nghỉ ấy cả.”

“Chỉ bởi vì anh biết em không có ý vậy đâu.”

Cô ấy mỉm cười. Và trong một thời khắc, cô ấy trông gần như khó hiểu. Nhưng Margaret không thể tỏ ra khó hiểu được, đó là bước đầu để trở thành loại Phụ nữ Bí ẩn. Nếu cô ấy muốn tôi trả tiền kỳ nghỉ cho cả hai, cô ấy sẽ nói. Vâng, tôi nhận ra đó chính xác là điều cô ấy đã nói, nhưng...

Nhưng đâu có vậy. “Cô ta lấy cặp đồ của anh,” tôi nói, có lẽ là hơi cao giọng than thở.

“Làm sao anh biết anh muốn thứ đó?”

“Đấy là nhật ký của Adrian. Cậu ấy là bạn anh. Cậu ấy từng là bạn anh. Nó là của anh.”

“Nếu bạn anh muốn anh có nhật ký của cậu ấy, cậu ấy hẳn phải để lại cho anh bốn mươi năm trước rồi, và bỏ qua ông trung gian. Hoặc bà trung gian.”

“Đúng.”

“Anh nghĩ trong đó có gì?”

“Anh không biết. Nó vẫn là của anh.” Lúc đó tôi nhận ra một lý do khác khiến tôi quả quyết như vậy. Cuốn nhật ký là bằng chứng; đó là - có thể lắm - là chứng thực. Nó có thể phá tan cái lập đi lập lại tầm thường của ký ức. Nó có thể khởi động điều gì đó - dù tôi không rõ là gì.

“Ờ thì, anh luôn có thể tìm ra nơi Bánh hoa quả ở mà. Họp mặt Bạn cũ, danh bạ điện thoại, thám tử tư. Đến, bấm chuông cửa, đòi cái thứ của anh.”

“Không.”

“Vì thế mà có một vụ đột nhập,” cô ấy hào hứng gợi ý.

“Em đùa à.”

“Thế thì bỏ qua đi. Trừ phi anh có, như người ta nói, các vấn đề từ quá khứ mà anh cần phải đối diện để còn có thể sống tiếp được. Nhưng như thế không giống anh mấy, phải không Tony?”

“Không, anh không nghĩ thế,” tôi trả lời, khá thận trọng. Bởi một phần trong tôi tự vấn rằng bỏ qua chuyện huyền thuyên về tâm thần học, liệu có chút sự thật nào trong đó hay không. Một khoảng lặng. Đĩa của chúng tôi đều hết. Margaret đọc vị tôi chẳng khó khăn gì.

“Thật cảm động khi anh cứng đầu đến thế. Em cho đấy là một cách thức nhằm theo kịp thời cuộc khi ta đã đến tuổi này rồi.”

“Anh không nghĩ hồi cách đây hai mươi năm anh sẽ phản ứng khác.”

“Hẳn là không.” Cô ấy vẫy tay gọi thanh toán. “Nhưng để em kể anh nghe một chuyện về Caroline. Không, anh không biết cô bạn này. Đây là bạn em sau khi ta đã chia tay. Cô ấy có một ông chồng, hai đứa con nhỏ và một cô giúp việc mà cô ấy thấy không yên tâm lắm. Cô ấy chẳng có nghi ngờ gì kinh khủng cả. Cô bé chủ yếu rất lịch sự, bọn trẻ con không kêu ca gì. Chỉ có điều Caroline cảm thấy cô ấy không thực sự rõ mình đang giao bọn trẻ con vào tay ai. Thế là cô ấy hỏi một người bạn - bạn gái - không, không phải em đâu - xem cô ta có lời khuyên gì không. ‘Xem qua đồ đạc của nó,’ cô ta nói. ‘Gì cơ?’ ‘Ờ thì, cậu rõ ràng là đang bị quay cuồng vì chuyện này mà. Đợi đến tối con bé được nghỉ, ngó qua phòng nó, đọc thư

từ của nó xem. Mình thì mình sẽ làm vậy.’ Thế là lần sau lúc cô giúp việc được nghỉ, Caroline xem qua đồ đạc của con bé. Và tìm thấy nhật ký của nó. Và cô ấy đọc. Và có đây những câu lằng mọ, như là ‘Mình đang làm việc cho một mục sư thực sự’ và ‘Tay chồng cũng khá - đã bắt gặp hẳn đang nhìn mông mình rồi - nhưng mục sư thì đúng là đồ ngu ngốc.’ Và ‘Liệu mục sư ta có biết mục sư đang làm gì bọn trẻ tội nghiệp không nhỉ?’ Có những thứ thực sự, *thực sự* khó nuốt trong đó.”

“Thế rồi chuyện gì xảy ra?” tôi hỏi. “Bạn em có đuổi con bé giúp việc không?”

“Tony,” vợ cũ của tôi đáp, “đấy không phải là ý nghĩa của câu chuyện đâu.”

Tôi gật đầu. Margaret xem hóa đơn, rà góc thẻ tín dụng xuống qua từng món.

Có hai điều khác cô ấy từng nói trong những năm tháng ấy: rằng có những phụ nữ chẳng bí ẩn một tí tẹo nào, mà chỉ trở thành như thế do đàn ông bất lực trong việc hiểu được họ. Và như thế, theo cách nhìn của cô ấy, những miếng bánh hoa quả nên bị đóng kín trong những hộp sắt có hình khuôn mặt Nữ hoàng trên nắp. Đáng lẽ tôi cũng nên kể cho cô ấy chi tiết này trong phần đời Bristol của tôi nữa mới phải.

\*

\* \*

Chừng một tuần trôi qua, rồi thì tên của ông anh Jack lại ở trong hộp thư của tôi. “Đây là địa chỉ email của Veronica, nhưng đừng nói là tôi đưa nó cho cậu đấy. Sẽ phức tạp lằng nhằng lắm. Hãy nhớ ba con khi thông thái nhé - không nhìn thấy cái ác, không nghe thấy cái ác, không nói đến cái ác. Dù sao, đấy cũng là phương châm sống của tôi. Trời xanh biếc, nhìn ra cầu Cảng Sydney, gần như vậy. À, xe kéo của tôi đến đây rồi. Thân, John F.”



Tôi ngạc nhiên. Tôi nghĩ anh ta sẽ chẳng giúp ích gì được. Nhưng tôi thì biết gì về anh ta hay cuộc đời anh ta nào? Nhi có những gì tôi ngoại suy từ ký ức về một dịp cuối tuần tệ hại đã lâu lắm rồi. Tôi vẫn luôn cho rằng xuất thân và giáo dục đã cho anh ta lợi thế hơn tôi, những gì anh ta đã duy trì được không cần cố sức gì cho tới tận hôm nay. Tôi nhớ Adrian có nói rằng cậu ấy đã đọc về Jack trên một tạp chí đại học nào đó nhưng không nghĩ là sẽ gặp anh ta (mà cũng không nghĩ là sẽ hẹn hò với Veronica). Và rồi cậu ấy nói thêm, bằng một giọng khác, gay gắt hơn, “Tớ *ghét* cái cách người Anh chẳng nghiêm túc gì cả về chuyện sống nghiêm túc.” Tôi chẳng bao giờ biết - bởi vì tôi ngu ngốc chưa bao giờ hỏi - điều đó dựa trên cơ sở nào.

Người ta nói rằng thời gian sẽ tìm ra bạn, chẳng phải sao? Có thể thời gian đã tìm ra ông anh Jack và trừng phạt anh ta vì thiếu nghiêm túc. Và giờ đây tôi bắt đầu thêm thắt một cuộc đời khác cho anh trai của Veronica, một đời có những năm sinh viên tỏa sáng trong ký ức anh ta với đầy ắp hạnh phúc và hy vọng - kỳ thực lại chính là thời kỳ duy nhất đời anh ta đạt tới được một cách ngăn ngừa ý nghĩa của sự hài hòa mà chúng ta đều hướng tới. Tôi tưởng tượng rằng Jack, sau khi tốt nghiệp, nhờ là con ông cháu cha nên được sắp xếp vào một trong những công ty đa quốc gia đó. Tôi tưởng tượng anh ta khởi đầu tương đối tốt đẹp, rồi sau đó, gần như là khó mà nhận ra, không còn tốt nữa. Một tay dễ giao du, biết xử sự tử tế, nhưng thiếu sự sắc sảo cần thiết trong một thế giới đổi thay từng ngày. Những câu kết vui vẻ, trong thư từ và đối thoại, sau một thời gian thành ra không còn sành điệu nữa mà dần lạc lõng. Và mặc dù anh ta chẳng thực sự bị cho thôi việc, lời gợi ý về hưu sớm cộng với những công việc thăng hoặc chỉ mang tính tình thế là cũng đủ rõ. Anh ta có thể là một kiểu lãnh sự danh dự lưu động, một phương án thay thế cho đại diện địa phương ở các thành phố lớn, một người giải quyết các vấn đề vướng mắc ở các thành phố nhỏ hơn. Thế là anh ta làm lại cuộc đời, và tìm ra một cách hợp lý nào đó để thể hiện bản thân như một người thành công. “Nhìn ra cầu Cảng Sydney, gần như vậy.” Tôi tưởng tượng anh ta mang máy tính xách tay lên một quán cà phê ngoài

hiên nào có wifi, bởi chân thành mà nói như thế bớt căng thẳng hơn là ngồi làm việc trong phòng khách sạn có ít sao hơn so với anh ta từng quen được hưởng trước kia.

Tôi chẳng rõ đây có phải là cách các công ty lớn làm việc hay không, nhưng tôi đã tìm ra một cách nghĩ về ông anh Jack mà không gây khó chịu. Thậm chí tôi còn thu xếp đuổi được anh ta ra khỏi biệt thự nhìn ra sân gôn cơ mà. Không phải vì tôi đi xa đến độ thương hại anh ta. Và - đây mới là cốt lõi vấn đề - chẳng phải vì tôi nợ nần anh ta điều gì cả.

“Veronica thân mến,’ tôi bắt đầu. “Anh trai cô đã rất tử tế cho tôi địa chỉ email của cô...”

\*

\* \*

Tôi sửng sốt nhận ra đây có thể là một trong những khác biệt giữa tuổi trẻ và tuổi già: khi còn trẻ, ta bịa ra các tương lai khác nhau cho chính ta; khi đã già, ta bịa ra những quá khứ khác nhau cho người khác.

\*

\* \*

Bố nàng lái cái xe Humber Super Snipe. Ô tô chẳng còn những cái tên kiểu thế nữa, phải không? Tôi lái một chiếc Volkswagen Polo. Nhưng mà Humber Super Snipe thì – mấy từ ấy tuột khỏi lưỡi trơn tru như “Cha, Con và Thánh thần” vậy. Humber Super Snipe. Armstrong Siddeley Sapphire. Jowett Javelin. Jensen Interceptor. Thậm chí cả Wolseley Farina và Hillman Minx.

Đừng hiểu nhầm tôi. Tôi không quan tâm tới xe cộ, dù mới hay cũ. Tôi chỉ loáng thoáng tò mò vì sao các vị đặt tên cái xe có khoang to đùng

ấy theo một loài chim được săn bắt hợp pháp bé tí như là con chim dẽ giun, và vì sao xe Minx lại có bản chất nữ tính dào dạt cảm xúc đến thế. Dù thế nào, tôi cũng không đủ tò mò để tìm cho ra. Đến tuổi này rồi tôi thà không biết còn hơn.

Nhưng tôi vẫn lật đi lật lại trong đầu câu hỏi về hoài niệm dĩ vãng, và liệu tôi có đau đớn vì nó không. Tất nhiên tôi chẳng bị mù mẫn vì ký ức về một món đồ lật vạt nào thời thơ ấu; tôi cũng chẳng muốn lừa dối tình cảm bản thân về điều gì đó thậm chí chẳng đúng từ hồi ấy - lòng yêu dấu ngôi trường cũ, đại loại thế. Nhưng nếu hoài niệm dĩ vãng có nghĩa là sự hồi tưởng có tác động lớn về những rung động mạnh - và nỗi luyến tiếc rằng những xúc cảm ấy không còn hiện hữu trong đời ta nữa - thì tôi thấy mình tội lỗi. Tôi hoài niệm cái thời kỳ đầu với Margaret, khi Susie ra đời và những năm đầu, cả chuyến đi lang thang với Annie nữa. Và nếu ta đang nói về cảm xúc mạnh không bao giờ còn trở lại nữa, tôi cho rằng hoàn toàn có thể hoài niệm về cả nỗi đau nhớ đời cũng như là sung sướng nhớ đời.

Và cái đó mở rộng phạm vi hơn nữa, chẳng phải sao? Cái đó cũng dẫn thẳng đến vấn đề về quý cô Veronica Ford.

\*

\* \*

“Tiền vấy-máu?”

Tôi nhìn vào mấy từ này mà không thể luận ra nghĩa nổi. Nàng đã xóa thư của tôi và tên thư, không thấy ký tên vào thư hồi đáp, mà chỉ trả lời bằng một cụm từ. Tôi phải mở lại email mình đã gửi đi, đọc lại một lần nữa và tìm ra rằng về mặt ngữ pháp mấy từ của nàng chỉ có thể dùng để trả lời cho câu hỏi của tôi vì sao mẹ nàng để lại cho tôi 500 bảng. Nhưng nó chẳng có nghĩa gì trong chuyện này. Chẳng có máu nào đã đổ. Lòng kiêu hãnh của tôi có bị tổn thương, cái đó thì đúng. Nhưng Veronica khó mà gợi ý rằng

mẹ nàng tặng tiền để đổi lại nỗi đau con gái bà gây cho tôi, đúng không? Hay là đúng thế?

Đồng thời, cũng dễ hiểu khi Veronica chẳng cho tôi một câu trả lời đơn giản, chẳng làm hay nói cái điều tôi hy vọng hay trông đợi. Trong việc này ít ra nàng vẫn thống nhất với ký ức của tôi về nàng. Tất nhiên, đôi khi tôi từng muốn xếp nàng vào loại phụ nữ bí ẩn, ngược lại với người phụ nữ dễ hiểu trong Margaret mà tôi đã lấy làm vợ. Đúng, với nàng tôi chẳng bao giờ biết mình ở đâu, không thể đọc trái tim hay ý nghĩ hay động cơ của nàng. Nhưng một điều huyền bí là một trò xếp hình bạn muốn giải mã được. Tôi không muốn giải mã Veronica, chắc chắn là ngày tháng muộn màng này thì không. Nàng từng là một cô gái trẻ khó dò đến phát khiếp bốn mươi năm về trước, và - theo bằng chứng gồm hai-từ [28] , câu đáp trả hai-ngón-tay đặc thẳng này - vẫn chẳng có vẻ gì là chín chắn hơn theo tuổi tác cả. Tôi đành ninh tự nhủ như vậy đấy.

Dù thế thì vì sao ta lại phải trông chờ tuổi tác làm ta chín chắn? Nếu tưởng thưởng công trạng chẳng phải là công việc đời phải lo, thì vì sao đời phải lo cho ta cảm giác ấm áp, dễ chịu khi nó tới hồi kết? Hoài niệm liệu có thể phục vụ mục đích tiến hóa khả dĩ nào đây?

\*

\* \*

Tôi có một người bạn được đào tạo thành luật sư, sau lại bị vỡ mộng và chẳng bao giờ hành nghề ấy cả. Cậu ta bảo tôi rằng lợi ích duy nhất của những năm tháng phí hoài đó là cậu ta không hao giờ còn sợ cả luật pháp lẫn luật sư nữa. Và chuyện như vậy xảy ra khá thường, chẳng phải sao? Càng học được nhiều, bạn càng bớt sợ. “Học” không theo nghĩa học hành hàn lâm, mà theo nghĩa thông hiểu thực tế về cuộc sống.

Có lẽ tất cả những gì tôi muốn nói là, từng hẹn hò với Veronica chừng ấy năm về trước, lúc này tôi chẳng còn sợ gì nàng. Và thế là tôi bắt đầu chiến dịch email của mình. Tôi xác định sẽ lịch sự, không đả kích, bèn bỉ, nhạt nhẽo, thân thiện: nói theo cách khác, là nói dối. Tất nhiên, chỉ mất phần triệu giây để xóa một email thôi, nhưng cũng chẳng lâu hơn nhiều để thay thế cái đã bị xóa. Tôi sẽ làm nàng mềm lòng bằng chiêu dễ thương, và tôi sẽ lấy được nhật ký của Adrian. Chẳng có “ngọn lửa chưa được dội nước nào trong ngực anh đâu” - tôi đã quả quyết với Margaret về chuyện này. Và về lời khuyên chung chung hơn của cô ấy, ta có thể nói rằng một lợi thế của chuyện là chồng-cũ, ấy là bạn không còn cần phải biện minh cho cách cư xử của mình. Hay phải làm theo các lời gợi ý.

\*

\* \*

Tôi có thể nói Veronica bị bối rối vì chuyện tôi tiếp cận. Đôi khi nàng trả lời ngắn và gắt gỏng, và thường xuyên là không trả lời. Có lẽ nàng cũng sẽ chẳng lấy làm thích thú gì nếu biết được tiền lệ cho kế hoạch của tôi. về quãng cuối cuộc hôn nhân, ngôi biệt thự ngoại ô vững chắc nơi Margaret và tôi sống bị lún một chút. Các vết nứt xuất hiện chỗ này chỗ kia, vài chỗ trên vòm hiên và tường trước bắt đầu bở ra. (Mà không, tôi không nghĩ về những thứ ấy như là có tính biểu tượng gì đâu.) Công ty bảo hiểm lờ đi chuyện rằng đó là một mùa hè khô hạn nổi tiếng, và quyết định đổ tội cho cây chanh ở vườn trước. Nó chẳng phải là cái cây đẹp đặc biệt gì, cũng chẳng phải tôi yêu quý gì nó, vì nhiều lý do khác nhau: nó che cho căn phòng phía trước được khuất nắng, làm rụng thứ gì dính dính trên hè, và nhô ra trên phố theo cái cách khuyến khích bọn bò câu đậu ở trên và ị lên xe ô tô đỗ phía dưới. Đặc biệt là xe của chúng tôi.

Tôi phản đối đốn nó là vì nguyên tắc: không phải nguyên tắc giữ gìn vốn cây cối của đất nước, mà là nguyên tắc không lạm dụng quan chức chẳng bao giờ thấy mặt, bọn chuyên gia trồng cây mặt búng ra sữa, và mớ

lý thuyết đồ tội gần đỡ hiện thời do các công ty bảo hiểm viện ra. Hơn nữa, Margaret khá thích cái cây ấy. Thế là tôi chuẩn bị một chiến dịch chống đối dài hơi. Tôi thắc mắc các kết luận của bọn chuyên gia trồng cây và yêu cầu đào thêm các hố kiểm tra nữa để khẳng định hoặc bác bỏ chuyện có các rễ con gần phần móng nhà; tôi lý luận về dạng thời tiết, về dải đất sét lớn bao quanh London, về sự quá đáng của trò cấm dùng ống dẫn nước trong toàn vùng, và nhiều nữa. Tôi lịch thiệp một cách cứng rắn; tôi nhại lại thứ ngôn ngữ quan liêu của đối thủ; tôi đính kèm để gây khó chịu những bản sao của các thư từ trước vào mỗi bức thư mới; tôi mời họ đến kiểm tra thêm và gợi ý họ dùng thêm nhân lực. Với mỗi bức thư, tôi lo làm sao để có thêm thắc mắc mới mà họ sẽ phải mất thời gian cân nhắc; nếu họ không trả lời nổi thì thư sau, thay vì nhắc lại thắc mắc đó, tôi sẽ nhắc họ về đoạn thứ ba hay thứ tư trong trao đổi ngày 17 tháng này, thế là họ phải nhìn lại bộ hồ sơ đang ngày một phình ra mãi. Tôi cẩn thận để không tình cờ thành một thằng điên, mà đúng hơn là một kẻ mô phạm rớm, nổi chán ghét không lơ đi được. Tôi thích tưởng tượng ra màn rên rỉ với lại gầm gừ khi một trong những bức thư nữa của tôi lại đến; và tôi biết rằng tới một lúc nào đó sẽ là kinh tế hơn cả nếu họ đóng vụ này lại. Rốt cuộc, giận điên lên họ đề nghị cắt ba mươi phần trăm vòm cây chanh, một giải pháp tôi chấp nhận với những bày tỏ tiếc nuối sâu sắc và niềm phấn khởi lớn trong lòng.

\*

\* \*

Veronica, như tôi đã lường trước, chẳng thích thú khi bị đối xử như một công ty bảo hiểm chút nào. Tôi sẽ tha cho bạn cái khoản trao đổi chán ngắt mà kể thẳng luôn về kết quả thực tế đầu tiên của nó. Tôi nhận được một bức thư từ cô Marriott gửi kèm cái mà cô ta tả là “một mảnh của tài liệu đang bị tranh chấp”. Cô ta bày tỏ hy vọng rằng trong những tháng tới sẽ hoàn trả đầy đủ lại sản thừa kế của tôi. Tôi nghĩ điều này cho thấy rất nhiều lạc quan.

Cái “mảnh” đó hóa ra là bản photocopy của một mảnh. Nhưng - cho dù đã bốn mươi năm - tôi biết cái đó là thật. Adrian viết tay một kiểu nghiêng đặc biệt với một chữ “g” lập dị. Chẳng cần phải nói, Veronica không gửi cho tôi trang đầu tiên, hoặc trang cuối cùng, hoặc chỉ ra cái mảnh này ở đâu trong nhật ký. Nếu “nhật ký” vẫn là từ đúng cho một văn bản được chia thành các đoạn có đánh số. Đây là những gì tôi đọc được:

5.4 Vấn đề tích lũy. Nếu cuộc đời là một cuộc cá cược, thì việc đặt cược sẽ theo hình thức nào? Ở đường đua, đặt cược tích lũy là một lần đặt cược dùng tất cả tiền thắng từ thành công của một con ngựa dồn cả vào khoản đặt cược trong lượt tiếp theo.

5.5 Vậy, a) Đâu là phạm vi các mối quan hệ con người có thể được thể hiện trong một công thức toán hoặc logic? Và b) Nếu như vậy, những dấu nào có thể đặt giữa các số nguyên? Cộng và trừ, hiển nhiên-tự thân; đôi khi nhân, và vâng, cả chia nữa. Nhưng những dấu này chỉ có hạn. Thế thì một mối quan hệ hoàn toàn thất bại có thể được thể hiện dưới dạng mất mát/trứ và chia/rút gọn, cho một kết quả bằng không; trong khi một mối quan hệ hoàn toàn thành công có thể được diễn đạt bằng cả cộng và nhân. Nhưng còn về phần lớn các mối quan hệ? Hay là chúng không muốn được trình bày bằng các hệ thống ký hiệu về mặt logic thì không đáng tin, về mặt toán học thì không lời giải?

5.6 Vậy ta có thể trình bày một hàm tích lũy bao gồm các số nguyên  $b$ ,  $a^1$ ,  $a^2$ ,  $s$ ,  $v$  theo cách nào?

$$b = s - v + a^1$$

$$\text{hay là } a^2 + v + a^1 \times s = b?$$

5.7 Hay đặt ra vấn đề này và thể hiện hàm tích lũy theo cách ấy là sai? Liệu việc áp dụng logic vào điều kiện con người trong và của chính nó có

phải là bất khả thi? Có được gì từ một chuỗi suy luận khi các mối nối được làm từ các loại kim loại khác nhau, mà mỗi loại có độ giòn riêng?

5.8 Hay “mối nối” là một ẩn dụ sai?

5.9 Nhưng cứ cho rằng nó không sai, nếu một mối nối đứt gãy, thì trách nhiệm đòi với việc đứt gãy đó nằm ở nơi đâu? Trên ngay những đầu mối nối nhau, hay là ở toàn chuỗi? Nhưng ý ta là gì khi nói “toàn chuỗi”? Các giới hạn của trách nhiệm có thể mở rộng tới đâu?

6.0 Hay là ta có thể thử giới hạn trách nhiệm hẹp hơn và chia phần trách nhiệm chính xác hơn. Và không dùng các dấu bằng và các số nguyên mà đổi lại thể hiện các vấn đề bằng hệ thống thuật ngữ trần thuật truyền thông. Thế thì, ví dụ, nếu Tony

Và đến đó thì bản sao - phiên bản này của một phiên bản – dừng lại. “Thế thì, ví dụ, nếu Tony”: hết một dòng, cuối một trang. Nếu không ngay lập tức nhận ra chữ viết tay của Adrian, tôi có thể nghĩ cái mồi nhử này là một phần của trò lừa đảo công phu do Veronica tạo ra.

Nhưng tôi không muốn nghĩ về nàng - không muốn cho tới chừng nào còn có thể tránh được chuyện đó. Ngược lại tôi tập trung vào Adrian và việc cậu ấy làm khi đó. Tôi không biết cách nào tốt nhất để diễn đạt chuyện này, nhưng khi nhìn vào trang copy tôi không cảm thấy đang nghiên cứu một tài liệu lịch sử - một thứ, hơn thế nữa, đòi hỏi công việc diễn giải đáng kể. Không, tôi cảm thấy như Adrian đang có mặt trong căn phòng lần nữa, bên cạnh tôi, hít thở, nghĩ ngợi.

Và cậu ấy vẫn đáng ngưỡng mộ làm sao. Tôi từng thỉnh thoảng cố tưởng tượng ra nỗi tuyệt vọng dẫn tới tự tử, cố gắng gọi lên bùn lầy và nước đọng của bóng tối nơi chỉ có cái chết hiện hữu như ánh sáng lọt qua một lỗ đinh: nói cách khác, những gì chính xác là ngược lại với điều kiện sống thông thường. Nhưng trong tài liệu này - tôi coi nó như vậy - trên cơ



sở một trang giấy này, cho hợp với suy luận lý trí của Adrian về việc tự tử của chính cậu - người viết đã dùng ánh sáng trong một nỗ lực vươn tới ánh sáng vĩ đại hơn nữa. Cái đó có nghĩa chứ?

\*

\* \*

Tôi chắc chắn là các nhà tâm thần học ở đâu đó đã làm cái bảng đồ thị về độ thông minh dựa trên tuổi tác. Không phải đồ thị của khôn ngoan, tính thực dụng, kỹ năng tổ chức, óc mưu lược - những cái đó, qua thời gian, làm mờ hiểu biết của ta về vấn đề. Mà là đồ thị về trí thông minh thuần chất. Và tôi đoán là nó sẽ cho thấy ta tới đỉnh cao trong khoảng từ tuổi mười sáu đến hai mươi lăm. Cái mảnh của Adrian đưa tôi về với cậu ấy ở tuổi đó. Khi chúng tôi nói chuyện và tranh luận, cứ như thể cậu ấy được cấu tạo để sắp đặt các ý nghĩ thành trật tự, như thể việc sử dụng não của cậu ấy cũng tự nhiên như một vận động viên sử dụng cơ bắp của anh ta. Và hoàn toàn giống các vận động viên phản ứng trước chiến thắng với một hỗn hợp lạ lùng của kiêu hãnh, hoài nghi và khiêm tốn - Tôi đã làm được, nhưng tôi đã làm được như thế nào? Tự mình tôi? Nhờ những người khác? Hay là Chúa đã giúp tôi? - Adrian cũng đưa bạn đi suốt hành trình suy nghĩ của cậu ấy như thể chính cậu ấy chẳng tin mấy vào sự dễ dàng mà cậu ấy có trong suốt chuyến đi vậy. Cậu ấy đã bước vào một trạng thái được hưởng hồng ân nào đó nhưng là một nơi không cấm vào. Cậu ấy làm bạn cảm tưởng như bạn là người cùng-suy-nghĩ của cậu ấy, dù bạn chẳng nói câu nào. Và tôi thấy lạ kỳ vì lại cảm thấy điều này lần nữa, chuyển đồng hành với một kẻ giờ đã chết nhưng còn thông minh hơn, so với tất cả những thập kỷ nhiều hơn của đời tôi cộng lại.

Trí thông minh này thuần khiết, mà còn được áp dụng. Tôi thấy tôi đem so sánh đời mình với đời Adrian. Cái năng lực nhìn thấu và nghiên cứu bản thân của cậu ấy; cái năng lực đưa ra những quyết định đạo đức và hành động theo đó; sự can đảm tinh thần và thân thể trong việc tự tử. “Cậu

ấy tự tước đi đời mình” là cách nói đúng; nhưng Adrian cũng tự gánh lấy trách nhiệm đời mình, cậu ấy tự làm chủ lấy nó, cậu ấy nắm lấy nó - và rồi phui tay khỏi nó. Liệu có mấy người trong chúng tôi - những kẻ còn lại - có thể nói rằng mình đã làm được như vậy? Ta cứ lúng túng suốt, ta để đời xảy đến với mình, ta dần dần xây đắp cả một nhà kho ký ức. Đó là vấn đề tích lũy, nhưng không theo nghĩa Adrian muốn nói, chỉ đơn giản là cộng thêm vào và cộng nữa lên cuộc đời. Và như nhà thơ ấy đã chỉ ra, có một khác biệt giữa cộng vào và tăng thêm.

Đời tôi có tăng thêm không, hay chỉ cộng vào chính nó thôi? Đây là câu hỏi mà cái mảnh của Adrian đặt ra trong tôi. Đã có phép cộng - và phép trừ - trong đời tôi, nhưng bao nhiêu phép nhân? Và điều này gây cho tôi dự cảm bất ổn, không yên.

“Thế thì, ví dụ, nếu Tony...” Những lời này có một ý nghĩa cục bộ, văn bản, cụ thể hồi bốn mươi năm trước: và vào lúc nào đó tôi có thể phát hiện ra rằng nó chứa đựng, hoặc dẫn tới, một lời trách móc, một điều chỉ trích của người bạn cũ thấu-suốt, tự-thấu-suốt của tôi. Nhưng vào lúc này tôi đã nghe được chúng với một tham chiếu rộng hơn - tới cả cuộc đời tôi. “Thế thì, ví dụ, nếu Tony...” Và theo cách này những từ ngữ ấy thực tế đã hoàn chỉnh trong bản thân chúng và chẳng cần đến mệnh đề chính giải thích tiếp theo. Vâng, thực vậy, nếu Tony từng nhìn ra rõ hơn, hành động quả quyết hơn, bám chắc vào các giá trị đạo đức đúng đắn hơn, chấp nhận bớt dễ dãi hơn tính hiếu hòa thụ động mà cậu ta lúc đầu gọi là hạnh phúc và sau đó là mãn nguyện. Nếu Tony không sợ, không dựa vào sự tán thành của người khác mà chính mình tự tán thành với mình... và còn nữa, qua một loạt giả định dẫn tới điều cuối cùng: thế thì, ví dụ, nếu Tony không phải là Tony.

\*

\* \*

Nhưng Tony đã và đang là Tony, một kẻ thấy thoải mái trong tính gan lì của riêng hẳn. Những bức thư gửi các công ty bảo hiểm, những email gửi Veronica. Nếu các người xử tệ với tôi, thì tôi sẽ xử tệ lại với các người. Tôi tiếp tục gửi email cho nàng ít nhiều mỗi ngày, và giờ thì với đa dạng các loại giọng, từ hô trào đùa cợt tới “Làm điều đúng đắn đi, cô nàng!” rồi những tra vấn về cái câu đứt đoạn của Adrian, tới những hỏi han nửa-thành thật về cuộc sống của nàng. Tôi muốn nàng cảm thấy tôi luôn đợi ở đó bất cứ lúc nào nàng nhấn vào hòm thư đến; và tôi muốn nàng biết rằng cho dù nàng có xóa ngay thư của tôi, tôi có thể biết được nàng đang làm trò ấy, và còn chẳng lấy làm ngạc nhiên, nữa là bị tổn thương. Và tôi ở đó, đợi chờ. “*Thờiiiiii Giaaaaaaan* đang ở phe tôi đúng thế đấy...” Tôi không cảm thấy mình đang quấy rối nàng; tôi chỉ đang theo đuổi cái thứ là của tôi thôi. Và rồi, một sáng, tôi có kết quả.

“Tôi sẽ lên thành phố ngày mai, tôi sẽ gặp anh lúc ba giờ ở giữa cầu Lắc Lư <sup>[29]</sup> .”

Tôi chưa bao giờ mong đợi chuyện này. Tôi nghĩ mọi thứ hẳn phải thông qua người khác mới được, phương thức của nàng là luật sư và im lặng. Có lẽ nàng đã đổi ý rồi. Hoặc có thể tôi đã chọc giận được nàng. Dù sao thì, tôi cũng đã cố gắng.

Cầu Lắc Lư là cầu đi bộ mới bắc qua sông Thames, nối nhà thờ Saint-Paul với nhà Tate Modern <sup>[30]</sup> . Khi mới khai trương, nó hơi lắc một chút - do gió hoặc do lượng lớn người rầm rập đi qua, hoặc cả hai - và giới truyền thông chế giễu nặng nề các nhà thiết kế kiến trúc và kỹ sư, bảo rằng họ không biết việc họ đang làm. Tôi nghĩ là nó đẹp. Tôi cũng thích cái cách nó lắc lư nữa. Tôi thấy là đôi khi ta cần được nhắc nhở về sự bất ổn dưới chân mình. Và rồi họ sửa chữa nó và nó chẳng lắc lư nữa, nhưng cái tên kẹt lại đó - ít nhất là đến giờ. Tôi bản khoản về lựa chọn địa điểm của Veronica. Hơn nữa, nếu nàng để tôi chờ thì không biết nàng sẽ đến từ bờ nào.

Nhưng nàng đã ở đó rồi. Tôi nhận ra nàng từ xa, chiều cao và thể đứng trông quen ngay. Lạ lùng làm sao hình ảnh tư thế một người luôn ở lại trong ta. Và ở trường hợp nàng - tôi biết phải nói thế nào? Bạn có thể đứng một cách nôn nóng không? Tôi không có ý là nàng nhấp nhồm hai chân; nhưng vẻ căng thẳng rõ rệt gợi ra rằng nàng chẳng hề muốn ở đó.

Tôi kiểm tra đồng hồ. Tôi đến đúng giờ. Chúng tôi nhìn nhau.

“Tóc anh rụng nhiều,” nàng nói.

“Nó thế đấy. Ít nhất nó cho thấy tôi không nghiện rượu.”

“Tôi không nói anh nghiện rượu. Ta ra ngồi ở cái ghế băng đằng kia đi ”

Nàng bước đi mà chẳng thèm đợi tôi trả lời. Nàng bước nhanh, và tôi sẽ phải chạy mấy bước mới đi ngang được cùng nàng. Tôi không muốn cho nàng niềm sung sướng đó, thế nên tôi đi sau nàng vài bước tới một cái ghế băng trống quay mặt ra dòng Thames. Tôi không nói được con nước đang chảy theo chiều nào, vì có một cơn gió xéo bất định đang khuấy động mặt nước. Trên kia, bầu trời xám xịt. Có vài khách du lịch; một tay trượt pa tanh lạch xạch chạy qua sau lưng chúng tôi.

“Vì sao mọi người nghĩ anh nghiện rượu?”

“Không ai nghĩ thế cả.”

“Thế sao anh lôi chuyện đó ra làm gì?”

“Tôi không lôi ra. Cô nói tôi bị rụng tóc. Và tình cờ có một sự thật là nếu cô là người nghiện rượu nặng, có cái gì đó trong rượu làm ngưng việc rụng tóc của cô.”

“Thật thế à?”

“Ừ thì, cô có nghĩ ra một tay nghiện rượu nào hói không?”

“Tôi có nhiều việc hay hơn để làm với thời gian của tôi.”

Tôi liếc nhìn nàng và nghĩ: cô chẳng thay đổi gì, nhưng tôi thì có. Thế nhưng mà, kỳ quặc thay, những chiến thuật đấu khẩu này làm tôi gần như bồi hồi hoài niệm. Gần như thôi. Đồng thời, tôi nghĩ: cô trông hơi có ria. Nàng mặc một cái váy vải tuyết tiện lợi và một cái áo khoác mưa xanh khá xoàng xĩnh; tóc nàng, mặc dù bay theo hướng cơn gió thổi từ sông, có vẻ bù xù. Nó vẫn có cùng độ dài với bốn mươi năm về trước, nhưng đã xen với rất nhiều tóc bạc. Hoặc đúng hơn là, màu tóc bạc xen với màu nâu ban đầu. Margaret có nói rằng phụ nữ thường mắc sai lầm là cố giữ tóc họ theo phong cách có từ thời họ hấp dẫn nhất. Họ níu giữ rất lâu sau cả khi nó đã không còn hợp nữa, tất cả chỉ vì họ sợ một lần cắt thay đổi quá nhiều. Điều này có vẻ đúng với Veronica. Hoặc cũng có thể chỉ vì nàng chẳng quan tâm.

“Thế nào?” nàng nói.

“Thế nào?” tôi nhắc lại.

“Anh xin gặp mà.”

“Tôi xin?”

“Ý anh là anh không xin gặp?”

“Nếu cô nói là tôi xin, thì chắc là tôi phải xin rồi.”

“Ờ, thế là có hay là không?” nàng hỏi, dậm bước đứng lên, đúng, nôn nóng.

Tôi chẳng hề phản ứng, một cách đầy chủ ý. Tôi không gợi ý nàng ngồi xuống, cũng không tự mình đứng dậy. Nàng có thể đi nếu muốn - và

nàng hẳn sẽ làm vậy, thế nên cố giữ lại cũng chẳng để làm gì. Nàng nhìn chăm chăm xuống nước. Nàng có ngấn ở bên cổ - tôi có nhớ ra chúng hay không? Mỗi ngấn, bây giờ, có một lớp lông măng mọc dài ra, và ánh sáng làm nổi các sợi lông tơ lên.

Rất được đấy nhỉ, không có tâm sự, không có lịch sử, không có hoài niệm. Vào luôn việc.

“Cô sẽ cho tôi giữ nhật ký của Adrian chứ?”

“Tôi không thể,” nàng đáp, không nhìn tôi.

“Sao lại không?”

“Tôi đột rồi.”

Đầu tiên là ăn trộm, rồi lại còn thiêu hủy, tôi nghĩ, trong cơn giận trào lên. Nhưng tôi tự bảo tôi hãy cứ đối xử với nàng như với một công ty bảo hiểm. Thế là, theo lối trung tính tối đa, tôi chỉ hỏi:

“Vì lý do gì?”

Má nàng giật giật, nhưng tôi không thể nói được đó là cười hay là nhăn nhó.

“Không ai nên đọc nhật ký của người khác hết.”

“Mẹ cô hẳn là đã đọc rồi. Và cả cô nữa, để quyết định nên gửi cho tôi trang nào.” Không trả lời. Thử một cách khác vậy. “Nhân tiện, cái câu đó tiếp tục thế nào? Cô biết cái câu: ‘Thế thì, ví dụ, nếu Tony...’ chứ?”

Một cái nhún vai và một nét cau mày. “Không ai nên đọc nhật ký của người khác hết,” nàng nhắc lại. “Nhưng anh có thể đọc cái này nếu anh muốn.”

Nàng lấy từ túi áo mưa ra một bao thư, đưa cho tôi, quay người bước đi.

Khi về đến nhà, tôi kiểm tra các email đã gửi đi và, tất nhiên, tôi chưa bao giờ xin gặp cả. Ở thì, dù sao cũng không phải trong bấy nhiêu lời ấy.

Tôi vẫn nhớ phản ứng ban đầu của tôi khi nhìn thấy câu “tiền vấy máu” trên màn hình. Tôi tự nhủ: Nhưng làm gì có ai bị chết. Tôi đã nghĩ tới Veronica và tôi. Tôi chưa tính tới Adrian.

Còn một điều khác tôi nhận ra: có một lỗi, hoặc một điểm bất thường về thống kê, trong lý thuyết của Margaret về những phụ nữ rõ ràng và bí ẩn; hoặc đúng hơn là, trong phần thứ hai của lý thuyết, về đàn ông chỉ bị hoặc loại này hoặc loại kia hút hồn. Tôi đã bị hút hồn bởi cả Veronica lẫn Margaret.

\*

\* \*

Tôi nhớ một thời cuối tuổi niên thiếu khi đầu óc tôi tự chuốc cho say bằng những hình ảnh của lòng ham phiêu lưu. Sẽ như thế đấy khi mình lớn. Mình sẽ đến nơi ấy, sẽ làm việc này, sẽ khám phá cái kia, sẽ yêu cô ấy, và rồi cô ấy, và cô ấy và cả cô ấy. Tôi sẽ sống như người ta đang và đã sống trong tiểu thuyết. Cuốn nào thì tôi không chắc, chỉ có say mê và nguy hiểm, ngây ngất và tuyệt vọng (và rồi lại ngây ngất thêm) là sẽ đồng hành. Tuy nhiên... ai đã nói cái điều về “sự nhỏ nhoi của cuộc sống mà nghệ thuật đã phóng đại lên” ấy nhỉ? Đã có một lúc vào cuối độ tuổi đôi mươi tôi từng công nhận rằng lòng ham phiêu lưu của tôi cạn từ lâu rồi. Tôi sẽ chẳng bao giờ làm những trò mà tuổi thiếu niên từng mơ. Bù lại, tôi cắt cỏ vườn tôi, tôi đi nghỉ, tôi sống đời tôi.

Nhưng thời gian... làm thế nào mà thời gian lại lôi ta từ trên mây xuống đất để rồi làm ta choáng váng. Ta nghĩ ta chín chắn trong khi ta chỉ

an toàn mà thôi. Ta tưởng tượng ta sống trách nhiệm nhưng ta chỉ hèn nhát mà thôi. Cái ta gọi là duy thực hóa ra chỉ là một cách tránh né mọi chuyện chứ không phải là đối diện chúng. Thời gian... hãy cho ta đủ thời gian và rồi đến những quyết định vững chắc nhất của ta cũng sẽ có vẻ lắc lư, những niềm xác tín của ta rồi sẽ có vẻ như thoảng qua bất chợt.



\*

\* \*

Tôi không mở cái phong bì Veronica đưa trong suốt một ngày rười. Tôi chần chừ bởi tôi biết nàng mong tôi không đợi, mà lấy ngón tay cái mở nắp phong bì trước cả khi nàng kịp đi khuất. Nhưng tôi biết cái phong bì khó mà đựng thứ tôi muốn: ví dụ như, chìa khóa tủ gửi hành lý ngoài ga nơi tôi có thể tìm thấy nhật ký của Adrian chẳng hạn. Đồng thời, tôi chẳng bị thuyết phục tí nào bởi cái câu nghiêm nghị của nàng về chuyện không đọc nhật ký của người khác. Tôi nghĩ nàng có khả năng đốt đi để trừng phạt tôi vì những sai lầm và thất bại xưa cũ, nhưng không phải để bảo vệ một nguyên tắc được dựng lên vội vàng nào đó về chuyện cư xử phải phép.

Tôi bị bối rối về chuyện nàng gợi ý gặp mặt. Tại sao không dùng Bưu điện Hoàng gia và tránh một cuộc đụng độ rõ ràng là nàng thấy khó chịu? Vì sao có vụ mặt đối mặt này? Có phải bởi nàng tò mò muốn nhìn tôi tận mặt lần nữa sau chừng ấy năm, cho dù nó có làm nàng rùng mình? Tôi không tin chuyện đó mấy. Tôi rà lại mười phút chúng tôi ở bên nhau - địa điểm hẹn gặp, chuyển sang chỗ ngồi, ước ao của cả hai được đi phất cho rồi, những gì được nói ra và những gì không được nói ra. Rốt cuộc, tôi có được một lý thuyết. Nếu nàng không cần gặp để làm việc đã làm - nghĩa là đưa tôi cái phong bì - thì nàng cần gặp vì điều nàng đã nói. Nghĩa là nàng đã đốt nhật ký của Adrian. Mà vì sao nàng phải nói ra thành lời bên dòng Thames xám xịt? Bởi vì nó có thể bị chối bỏ. Nàng không muốn chứng cứ từ email được in ra. Nếu như nàng có thể khẳng định điều bịa đặt rằng tôi mới chính là người xin được gặp, thì nàng cũng sẽ chẳng phải cố gắng gì để chối mình từng thú nhận vụ thiêu hủy.

Đến được tới cách giải thích tạm thời này rồi, tôi đợi tới buổi tối, ăn bữa cuối ngày, rót thêm một ly vang nữa, và ngồi xuống với cái phong bì. Chẳng có tên tôi trên đó: có lẽ càng chứng tỏ khả năng chối bỏ? Tất nhiên

tôi đâu có đưa nó cho anh ta. Thậm chí tôi cũng chẳng gặp anh ta. Anh ta chỉ là một kẻ gây phiền bằng email, một lão hoang tưởng, một gã quấy rối trên mạng.

Tôi có thể nói, từ dải xám ngả dần sang đen xung quanh trang đầu tiên, đây lại là một bản photocopy nữa. Nàng sao thế nhỉ? Nàng không bao giờ xử lý các tài liệu gốc sao? Rồi tôi nhận thấy ngày tháng ở trên đầu, và chữ viết tay: của tôi, như nó vẫn thế, chừng ấy năm về trước. “Adrian thân mến,” bức thư bắt đầu. Tôi đọc qua một lượt, đứng lên, cầm lấy ly vang, rót tung tóe trở lại chai, và làm một ly whisky lớn.

Ta kể về đời mình thường xuyên tới mức nào? Ta điều chỉnh, thêm mắm thêm muối, hay lấu cá bớt xén thường xuyên tới mức nào? Và đời ta càng dài, càng ít người còn lại quanh ta mà thách thức bản tường thuật của ta, để nhắc ta rằng đời ta ấy chẳng phải đời ta đâu, chỉ là câu chuyện ta kể về đời ta mà thôi. Kể cho người khác, nhưng - chủ yếu là cho chính mình.

Adrian thân mến - hay đúng hơn là, Adrian và Veronica thân mến (xin chào, con đĩ, và chào mừng cô đến với bức thư này),

Thôi thì các người tất nhiên là xứng đáng với nhau rồi và tôi chúc các người nhiều niềm vui. Tôi hy vọng các người dính líu sâu sắc tới mức thương tổn song phương sẽ là vĩnh viễn. Tôi hy vọng các người lấy làm tiếc cái ngày tôi giới thiệu hai người với nhau. Và tôi hy vọng rằng khi chia tay, như các người sẽ không tránh khỏi - tôi cho hai người sáu tháng, mà niềm kiêu hãnh chung của các người sẽ kéo dài ra thành một năm, sẽ chỉ càng hủy hoại các người hơn mà thôi, tôi nói vậy đấy - các người sẽ bị bỏ lại với một cuộc đời cay đắng nó sẽ đầu độc các mối quan hệ sau này. Phần nào trong tôi mong các người sẽ có con, bởi tôi là tín đồ trung thành với cuộc báo thù của thời gian, hẳn cho tới tận thế hệ sau và sau nữa. Trông vào Nghệ thuật Vĩ đại mà xem. Nhưng báo thù phải vào đúng người, ví dụ như hai vị (mà các người chẳng phải nghệ thuật vĩ đại gì, chỉ là nét nguệch ngoạc của tay vẽ biếm họa thôi). Thế nên tôi chẳng chúc các người như vậy

làm gì. Chẳng đúng đắn lắm khi áp đặt lên cái bào thai vô tội nào đó viễn cảnh khám phá ra rằng nó là hoa trái của các người, cho tôi được xin lỗi cái lỗi nói vắn vè này. Thế nên chỉ tiếp tục đeo Durex vào dương vật khăng khiu của cậu ta đi, Veronica. Hay là cô vẫn chưa cho cậu ta đi xa đến thế?

Dù sao, nhả nhận thế cũng đủ rồi. Tôi có vài điều cụ thể muốn nói với từng người.

Adrian: cậu đã biết cô ta là loại hay chọc ghẹo dương vật, tất nhiên - dù là tôi cho rằng cậu đã tự nhủ cô ta cam kết với một thứ gọi là Đấu Tranh Với Những Nguyên Tắc Của Cô Ta, mà cậu với tư cách triết gia có thể dùng chất xám của mình để giúp cô ta vượt qua. Nếu cô ta chưa để cậu Đi Đến Tận Cùng, tôi gợi ý là cậu nên chia tay với cô ta, và cô ta sẽ qua chỗ cậu với quần lót ướt đẫm và một gói ba cái, tha thiết được cho đi. Nhưng chọc ghẹo dương vật lại cũng là một ẩn dụ: cô ta là kẻ sẽ thao túng bản thể bên trong cậu trong khi giữ không cho cậu lại gần bản thể bên trong cô ta. Tôi để lại một chẩn đoán cụ thể cho các bác sĩ tâm thần - có thể thay đổi tùy theo ngày trong tuần - và chỉ lưu ý rằng cô ta không có khả năng hình dung ra cảm giác hoặc đời sống cảm xúc của bất cứ ai khác. Thậm chí chính mẹ cô ta còn cảnh báo tôi về cô ta nữa kia. Nếu tôi là cậu, tôi sẽ kiểm tra lại mọi chuyện với Mẹ - hỏi bà cả về thương tổn từ xa xưa nữa. Tất nhiên, cậu sẽ phải làm chuyện này sau lưng Veronica, bởi vì rằng cậu bé ơi đứa con gái ấy bị bệnh thích kiểm soát. Ô, mà cô ta còn là một đứa hợm hĩnh, hẳn như cậu đã thấy, chỉ kết giao với cậu bởi cậu sẽ sớm có Cử Nhân Cambridge đằng sau tên cậu. Còn nhớ cậu đã khinh khi ông anh Jack và lũ bạn bảnh bao của anh ta đến mức nào chứ? Chẳng lẽ giờ đó lại là người cậu muốn chạy cùng? Nhưng đừng quên: cứ để cô ta có thời gian đi, rồi cô ta sẽ coi thường cậu như đã coi thường tôi thôi.

Veronica: thú vị đấy, cái bức thư chung đó ấy mà. Ác tâm của cô trộn với trò làm bộ làm tịch của cậu ta. Một cuộc hôn phối của các tài năng khá khảm đấy nhỉ. Như ý thức về tính siêu việt đẳng cấp xã hội của cô đẳng đối

với ý thức về tính siêu việt đẳng cấp trí thức của cậu ta nhỉ. Nhưng tôi không nghĩ cô sẽ có thể qua mặt Adrian như cô (đã có lúc) qua mặt tôi đâu. Tôi có thể thấy được các chiến thuật của cô rồi - cô lập cậu ta, chia cắt cậu ta với các bạn cũ, làm cậu ta phụ thuộc vào cô, vân vân và vân vân. Cách đó có thể hiệu quả trong thời gian ngắn. Nhưng lâu dài thì sao? Đây chỉ là vấn đề liệu cô có thể có chữa trước khi cậu ta phát hiện ra cô là đồ chán ngắt hay không mà thôi. Mà thậm chí cô có găm được cậu ta luôn, thì cô cứ việc háo hức cả đời mà đợi cái thứ logic của cô được chinh đốn, rồi cả cái trò khoe mẽ thông thái bên bàn ăn sáng và những cái ngáp ngộp thở trước cái bộ tịch làm dáng của cô nữa đi. Tôi chẳng thể làm gì cô bây giờ đâu, nhưng thời gian thì có thể. Thời gian sẽ minh chứng tất cả. Nó vẫn luôn làm vậy.

Chúc mừng năm mới các người, và chúc cho cơn mưa a xít đổ lên hai mái đầu xức dầu thánh bên nhau của các người.

Tony

Whisky giúp cho ý nghĩ được mạch lạc, tôi thấy thế. Và giảm đau. Nó có thêm ưu điểm là làm bạn say hoặc nếu dùng đủ liều thì sẽ rất say. Tôi đọc lại bức thư vài lượt nữa. Tôi chẳng thể nào chối bỏ ai là người viết ra nó hay vẻ xấu xa của nó. Tôi chỉ có thể biện hộ rằng tôi từng là tác giả của nó hồi ấy, nhưng không phải là tác giả của nó bây giờ. Thực tình, tôi chẳng nhận ra nổi cái phần bản thể tôi mà từ đó bức thư được viết ra. Nhưng có lẽ đây chỉ đơn giản là mảnh tự lừa dối mình tinh vi hơn mà thôi.

Lúc đầu, tôi chủ yếu nghĩ về mình, và tôi đã trở thành như thế nào - thành cái gì: gắt gỏng, ghen tuông và ác độc. Còn cả về cố gắng ngầm phá hoại quan hệ của người ta nữa. Ít ra thì tôi cũng thất bại vụ này, khi mà mẹ Veronica cam đoan với tôi rằng những tháng cuối cùng của đời Adrian là những tháng hạnh phúc. Không có nghĩa là chuyện này cứu nổi tôi. Bản thể trẻ hơn của tôi vừa trở lại gây sốc cho bản thể già hơn của tôi bởi cái mà nó từng là, hoặc đang là, hoặc đôi khi có khả năng là. Và mãi gần đây tôi mới

nghĩ tới chuyện các nhân chứng cho cuộc đời ta mất dần ra sao, và cùng với họ là cả việc chứng thực cốt yếu nữa. Giờ đây tôi lại có một chứng thực quá sức mong đợi về cái tôi là, hoặc từng là. Giá mà đây mới là tài liệu Veronica đã đốt.

Sau đó tôi nghĩ về nàng. Không phải về chuyện nàng đã cảm thấy thế nào lần đầu đọc bức thư này - tôi sẽ trở lại chuyện này sau - mà vì sao nàng trả nó lại. Tất nhiên, nàng muốn chỉ ra tôi là thứ cút đá đến thế nào. Nhưng còn hơn thế nữa, tôi quyết định: căn cứ vào khoảng cách hiện tại đang có giữa chúng tôi, đó cũng là một nước chiến lược, một lời cảnh báo. Nếu tôi cố làm bất cứ trò nào to chuyện bằng luật về quyền nhật ký, đây sẽ là một phần trong chiêu tự vệ của nàng. Tôi sẽ là nhân chứng của chính nhân cách tôi.

Rồi tôi nghĩ về Adrian. Cậu bạn cũ của tôi đã tự sát. Và đây lại là trao đổi cuối cùng cậu ấy nhận được từ tôi. Một phi báng vào nhân cách cậu ấy và một cố gắng hủy hoại mối tình đầu tiên và cuối cùng trong đời cậu ấy. Và khi viết rằng thời gian sẽ cho biết tất cả, tôi đã đánh giá thấp, hoặc đúng hơn là tính toán sai: thời gian không chống lại họ, nó chống lại tôi.

Và rồi cuộc tôi cũng nhớ ra bức bưu thiếp tôi gửi cho Adrian chỉ để câu giờ cho bức thư hồi đáp thư của cậu ấy. Cái trò giả-lãnh-đạm rằng mọi thứ ổn cả, tri kỷ. Tấm bưu thiếp có hình cầu treo Clifton. Từ nơi này hằng năm đều có một số người nhảy vào cái chết.

\*

\* \*

Ngày hôm sau, khi đã tỉnh táo, tôi nghĩ lại về ba chúng tôi, và về rất nhiều nghịch lý của thời gian. Ví dụ như: khi ta trẻ và nhạy cảm, cũng là lúc ta hay đi gieo đau đớn nhất; trong khi đó, lúc máu bắt đầu chảy chậm lại, khi ta cảm thấy bớt sắc cạnh, khi ta đã được bọc thép và học chịu đựng

nổi đau, ta giẫm bước cẩn thận hơn. Giờ đây tôi có thể cố làm Veronica khó chịu đến nổi cả da gà, nhưng tôi sẽ chẳng bao giờ thử lột da nàng từng chút từng chút một.

Trong hồi tưởng về quá khứ, hai người họ không ác độc gì khi cảnh báo tôi rằng họ là một cặp. Mà chính là thời điểm chuyện ấy xảy ra, và sự thực là Veronica có vẻ như ở phía sau toàn bộ ý tưởng đó. Vì sao tôi phản ứng như nổ hạt nhân vậy? Lòng kiêu hãnh bị tổn thương, áp lực trước kỳ thi, bị cô lập? Tất cả chỉ là những lời bao biện. Mà không, không phải tôi cảm thấy xấu hổ hay tội lỗi, mà là cái gì đó hiếm hoi hơn trong đời tôi và mạnh mẽ hơn cả hai thứ đó: hối hận. Một thứ cảm xúc phức tạp, đông đặc, và nguyên thủy hơn. Đặc tính cơ bản của nó là không thể làm gì được hết: chuyện đã lâu quá rồi, đã có quá nhiều thương tổn, để mà thay đổi được điều gì. Dù vậy, sau bốn mươi năm, tôi vẫn gửi cho Veronica một email xin lỗi về bức thư đó.

Rồi tôi nghĩ nhiều hơn về Adrian. Ngay từ đầu, cậu ấy đã luôn luôn nhìn rõ hơn tất cả chúng tôi. Khi chúng tôi đắm mình tận hưởng những buồn chán tuổi niên thiếu, tưởng tượng rằng nỗi bất mãn thường nhật của chúng tôi đã là một lời đáp trả độc đáo cho điều kiện nhân sinh, Adrian đã nhìn xa hơn về tương lai và rộng hơn ra xung quanh. Cậu ấy cũng cảm nhận về cuộc sống rõ ràng hơn - thậm chí, có lẽ đặc biệt như vậy, khi cậu ấy đến với quyết định rằng nó chẳng đáng một đồng cân. So với cậu ấy, xưa nay tôi chỉ là thằng chuyên làm hỏng chuyện, không đủ khả năng học được bao lắm từ vài bài học cuộc sống dạy cho. Theo cách nói của tôi, tôi xuôi theo hiện thực cuộc sống, và quy thuận những cần thiết của nó: nếu thế này, thì thế kia, và rồi năm tháng cứ thế trôi qua. Theo cách nói của Adrian, tôi đầu hàng cuộc sống, đầu hàng không nghiên cứu nó, mà chấp nhận khi nó đến. Và vậy là, lần đầu tiên, tôi cảm thấy một nỗi hối hận chung - một cảm giác đau đó giữa túi thân và căm ghét bản thân – đối với cả cái đời tôi Trọn vẹn. Tôi đã đánh mất những người bạn tuổi thanh xuân. Tôi đã đánh mất tình yêu của vợ tôi. Tôi đã bỏ rơi những tham vọng từng ấp ủ. Tôi đã muốn

đời không phiền tôi nhiều quá, và đã thành công - và cái đó sao mà tội nghiệp.

Trung bình, tôi là như thế đấy, kể từ khi rời ghế nhà trường. Trung bình ở trường đại học và trong công việc; trung bình trong tình bạn, trung tín, tình yêu; trung bình, không nghi ngờ gì, trong cả tình dục. Có một bản khảo sát về các tay lái ô tô vài năm trước đã chỉ ra rằng chín mươi lăm phần trăm được hỏi nghĩ họ là tay lái loại “hơn trung bình”. Nhưng theo định luật về tính trung bình, hầu hết chúng ta nhất định là loại trung bình. Chẳng phải nói thế để thấy dễ chịu gì hơn. Cái từ tự nó vang lên thôi. Trung bình trong cuộc sống: trung bình trong sự thật; trung bình về phẩm hạnh. Phản ứng đầu tiên của Veronica khi gặp lại tôi là chỉ ra tôi bị rụng tóc. Đây là ít nhất có thể rồi đấy.

Email nàng gửi đáp lời xin lỗi của tôi viết: “Anh đúng là chẳng hiểu gì cả, phải không? Thế thì anh sẽ chẳng bao giờ hiểu được đâu.” Tôi chẳng thể than phiền được về chuyện này. Thậm chí tôi còn thấy mình mong mọi thảm họa rằng nàng sẽ gọi tên tôi trong một trong hai câu ấy của nàng.

\*

\* \*

Tôi băn khoăn mãi chuyện làm thế nào Veronica lại tiếp tục sở hữu bức thư của tôi. Có phải là Adrian để lại cho nàng mọi thứ của cậu ấy trong chúc thư? Thậm chí tôi còn chẳng biết cậu ấy có lập di chúc hay không. Có lẽ cậu ấy kẹp nó trong quyển nhật ký, và nàng tìm thấy nó trong đó. Không, tôi chưa suy nghĩ được cho rõ ràng. Nếu sự thế là như vậy, cô Ford hẳn đã thấy nó - và thế thì cô cũng sẽ chẳng để lại cho tôi 500 bảng đâu.

Tôi băn khoăn không rõ vì sao Veronica vẫn chịu khó trả lời email của tôi, trong khi nàng vẫn làm ra vẻ khinh miệt tôi hoàn toàn. Ờ thì, có thể nàng không khinh miệt.

Tôi băn khoăn không rõ liệu Veronica có trừng phạt ông anh Jack vì đã đưa địa chỉ email của nàng cho tôi không.

Tôi băn khoăn liệu không rõ bao nhiêu là năm trước ấy, lời của nàng “Có cảm giác không ổn thế nào ấy” chỉ đơn giản là cách từ chối lịch sự hay không. Có lẽ nàng không muốn ngủ với tôi bởi những tiếp xúc thể xác chúng tôi có trong khoảng thời gian nàng đang quyết định là không đủ hưng phấn. Tôi băn khoăn không rõ liệu mình có vụng về, thúc ép, ích kỷ quá không. Không phải liệu có hay không, mà là như thế nào.

Margaret ngồi lắng nghe bên món bánh nhân trứng thịt nướng và đĩa rau trộn, rồi là thạch rau câu và sinh tố hoa quả, khi tôi tả việc liên lạc với Jack, trang nhật ký của Adrian, cuộc gặp trên cầu, nội dung trong bức thư của tôi và cảm xúc hối hận của tôi. Nàng đặt tách cà phê xuống chiếc đĩa con làm một tiếng “cách” nhẹ.

“Anh không còn yêu Bánh hoa quả.”

“Không, anh không nghĩ anh như thế.”

“Tony, đấy không phải là câu hỏi. Đấy là câu khẳng định.”

Tôi nhìn sang cô trườ mển. Cô ấy biết tôi rõ hơn bất cứ ai trên thế giới này. Và vẫn còn muốn ăn trưa cùng tôi. Và để tôi nói mãi nói mãi về bản thân tôi. Tôi cười với cô ấy, lối cười mà chắc chắn cô ấy đã biết quá rõ.

“Một ngày nào đó anh sẽ làm em ngạc nhiên,” tôi nói.

“Anh vẫn làm đấy thôi. Vừa hôm nay.”

“Đúng, nhưng anh muốn làm em ngạc nhiên theo cách sẽ làm em nghĩ về anh tốt lên chứ không phải xấu đi.”



“Em không nghĩ về anh xấu đi đâu. Em thậm chí còn chẳng nghĩ xấu hơn về Bánh hoa quả, dù công nhận là đánh giá của em về cô ta vẫn luôn dưới mực nước biển.”

Margaret không tự đắc về chiến thắng; cô ấy cũng biết là chẳng cần phải chỉ ra tôi đã lờ đi lời khuyên của cô ấy. Tôi nghĩ cô ấy khá thích được là một người ưa lắng nghe dễ mến, và cũng khá thích được nhắc nhở vì sao cô ấy vui vì không còn trong cuộc hôn nhân với tôi nữa. Tôi không định có ác ý gì đâu. Tôi chỉ nghĩ trường hợp này là như vậy.

“Anh có thể hỏi em một chuyện được không?”

“Anh lúc nào cũng có thể,” cô ấy đáp.

“Có phải em bỏ anh vì bản thân anh không?”

“Không,” cô ấy nói. “Em bỏ anh vì chúng ta.”

\*

\* \*

Susie và tôi vẫn hợp nhau, như tôi có xu hướng nhắc đi nhắc lại vậy. Và đó sẽ là điều tuyên bố tôi sẵn sàng sung sướng đem ra mà thề trong một phiên tòa. Con bé ba mươi ba tuổi, có thể là ba mươi tư. Đúng, ba mươi tư. Giữa chúng tôi chưa có lần nào xảy ra chuyện gì như là cãi cọ kể từ khi tôi ngồi hàng đầu trong một căn phòng ộp gỗ sồi ở tòa thị chính và rồi làm nhiệm vụ của một nhân chứng đám cưới. Tôi nhớ hồi ấy mình nghĩ mình đang tỏ ý bằng lòng với nó - hoặc, chính xác hơn là, bằng lòng với chính tôi. Nhiệm vụ đã hoàn thành, ta đã thấy đứa con duy nhất an toàn cập bến hôn nhân tạm thời. Giờ đây ta chỉ còn mỗi việc là đừng có mà mắc chứng Alzheimer và nhớ để lại cho con bé số tiền mình có. Và ta có thể cố làm tốt hơn cha mẹ ta, ấy là chết vào đúng lúc tiền sẽ thực sự có ích cho con bé. Đó sẽ là khởi đầu.

Nếu Margaret và tôi còn ở bên nhau, tôi dám nói rằng chắc tôi sẽ được làm ông ngoại yêu chiều các cháu hơn. Việc Margaret vẫn có ích hơn trong chuyện này là chẳng có gì lạ. Susie không muốn để bọn trẻ con sống với tôi bởi nó không nghĩ là tôi có khả năng, mặc cho tôi đã từng thay bao nhiêu là tã bỉm vân vân. “Ba có thể đưa Lucas đi xem đá bóng khi nào cháu lớn hơn.” con bé có lần bảo tôi thế. À, ông ngoại mắt nhòe nhoẹt ngồi trên bậc thang giúp thằng cu làm quen với những bí ẩn của bóng đá: làm thế nào để ghét bọn mặc màu áo khác, làm thế nào để vờ bị thương, làm thế nào để xì mũi ra sân cỏ - thấy chưa, con trai, ấn mạnh vào một bên cánh mũi để bịt nó lại, và nỗ cái thứ xanh xanh kia ra khỏi bên kia. Làm thế nào để dương dương tự đắc và được trả lương vượt mức và bỏ những năm tháng tốt đẹp nhất lại đằng sau thậm chí trước khi kịp hiểu gì về đời. Ô đúng rồi, tôi mong đến ngày được đưa Lucas đi xem đá bóng.

Nhưng Susie không nhận thấy là tôi không thích trò chơi ấy - hay là ghét cái mà trò chơi ấy đã trở thành. Con bé vẫn thực tế về chuyện tình cảm, Susie là thế. Hưởng cái đó từ mẹ nó. Thế nên những tình cảm của tôi đúng như bản chất của chúng chẳng bận gì tới con bé cả. Con bé muốn giả định rằng tôi có những cảm xúc nhất định và chúng hoạt động dựa trên giả định đó. Ở mức nào đó, con bé trách tôi về chuyện ly dị. Như thế này: Bởi vì mọi thứ đều là hành động của mẹ nó, nên hiển nhiên tất cả đều là lỗi tại bố nó rồi.

\*

\* \*

Cá tính có thay đổi qua thời gian không? Trong tiểu thuyết, tất nhiên là có: Nếu không thì câu chuyện hẳn là rất dở. Nhưng còn trong đời? đôi khi tôi tự hỏi. Thái độ và ý kiến của ta thay đổi, ta phát triển thêm thói quen mới và những tính lập dị mới; nhưng đấy là chuyện khác, giống như trang trí hơn. Có lẽ cá tính giống như trí thông minh, trừ việc cá tính lên tới đỉnh cao hơi muộn hơn một chút: Giữa hai mươi và ba mươi tuổi, cứ cho là thế

đi. Và sau đó, ta chỉ còn bị mắc kẹt vào những gì ta có. Ta đành phải tự lo lấy thôi. Nếu vậy, điều đó có thể giải thích rất nhiều cuộc đời, không phải sao? Và hơn nữa - nếu không nói quá lời - cả bi kịch của chính ta nữa.

\*

\* \*

“Vấn đề tích lũy,” Adrian đã viết. Bạn đặt tiền vào một con ngựa, nó thắng, và chiến thắng của bạn sẽ tiếp tục với con ngựa tiếp theo trong lượt đua tiếp theo, và cứ như vậy. Chiến thắng của bạn tích tụ lại. Nhưng còn những lần thua thì có vậy không? Không phải trên đường đua - ở đó, bạn chỉ thua mỗi tiền đặt cược ban đầu thôi. Nhưng trong cuộc sống? Có lẽ ở đây áp dụng những nguyên tắc khác. Bạn đặt cược vào một mối quan hệ, nó thất bại; bạn tiếp tục với một mối quan hệ khác, nó lại cũng thất bại: và có thể cái bạn mất không phải là hai phép trừ đơn giản mà là phép nhân của thứ bạn lấy ra để đặt cược. Dù sao thì, đó cũng là cảm giác nó đem lại. Đời không chỉ là những phép cộng và trừ. Còn có cả tích lũy, cả nhân lên, của mất mát, của thất bại.

Cái mảnh của Adrien cũng đề cập tới vấn đề trách nhiệm: liệu có một chuỗi nào như thế thật, hay là ta chọn khái niệm hẹp hơn. Tôi ủng hộ ý chọn nó hẹp hơn. Xin lỗi, không, bạn không thể đổ lỗi cho hai vị phụ mẫu đã mất, hoặc việc có anh chị em, hoặc việc không có họ, hoặc cho gene của bạn, hoặc cho xã hội, hoặc bất cứ cái gì - trong các hoàn cảnh thông thường thì không thể được. Hãy bắt đầu với ý niệm rằng trách nhiệm của bạn là duy nhất của bạn mà thôi trừ phi có một chứng cứ mạnh mẽ nào cho điều ngược lại. Adrian thông minh hơn tôi nhiều - cậu ấy dùng logic nơi tôi dùng cảm thức chung - nhưng chúng tôi, tôi nghĩ vậy, đều ít nhiều đi tới cùng một kết luận.

Không phải là tôi có thể hiểu mọi thứ cậu ấy viết. Tôi chăm chăm nhìn vào mấy dấu bằng trong nhật ký của cậu ấy mà chẳng có mấy ánh sáng soi

tỏ đường cho tôi. Nhưng tôi đã bao giờ giỏi môn toán đâu chứ.

\*

\* \*

Tôi không ganh tị với Adrian về cái chết của cậu ấy, nhưng tôi ganh tị về cái sáng rõ của cuộc đời cậu ấy. Không phải chỉ bởi cậu ấy nhìn thấy, nghĩ, cảm nhận và hành động rõ ràng hơn bọn còn lại chúng tôi; mà còn bởi ngay cả thời điểm cậu ấy chết nữa. Tôi không có ý nói tới bất cứ thứ rác kiểu Thế chiến thứ nhất nào: “Lìa cành khi đương độ tuổi hoa” - một câu vẫn còn bị thầy hiệu trưởng dùng vô tư cái hồi có vụ tự tử của Robson - và “Họ sẽ không già đi như chúng ta, những kẻ bị bỏ lại đang già đi. [31]” Phần lớn trong số còn lại chúng ta chẳng phiền lòng chuyện già đi. Như thế vẫn luôn tốt hơn là khả năng kia, tôi cho là vậy. Không, ý tôi là thế này này.

Khi đang ở độ tuổi hai mươi, dù có bối rối và không chắc chắn về các mục tiêu và ý định của mình, bạn vẫn có một cảm nhận mạnh mẽ về ý nghĩa của bản thân cuộc đời và việc bạn là gì, có thể thành gì trong cuộc đời. Về sau... về sau sẽ có nhiều thêm tính không chắc chắn, nhiều thêm chông chéo, nhiều thêm chuyện tìm ngược về quá khứ, nhiều thêm những ký ức lẫn nhảm. Hồi trước, bạn có thể nhớ được cuộc đời ngắn ngủi của mình trong sự trọn vẹn của nó. Về sau, trí nhớ trở thành một thứ nhỏ vụn và chấp vá. Nó hơi giống cái hộp đen trên máy bay để ghi lại những gì xảy ra khi có tai nạn. Nếu không có chuyện gì, cuộn băng tự xóa. Nếu máy bay của bạn bị rơi, lý do rơi sẽ rõ ràng; nếu bạn không bị, nhật ký hành trình của bạn sẽ kém rõ hơn nhiều.

Hoặc là, nói theo cách khác thế này. Ai đó có lần nói rằng những thời điểm trong lịch sử anh ta thích thú nhất là khi mọi thứ đều đổ vỡ, bởi điều đó có nghĩa là có cái gì đó mới mẻ được sinh ra. Cái đó có nói lên điều gì không khi ta áp dụng cho những cuộc đời cá nhân chúng ta? Chết đi khi cái gì đó mới đang được ra đời - cho dù cái gì đó mới ấy chính là bản thể của

chính chúng ta? Bởi cũng như mọi thay đổi chính trị và lịch sử không sớm thì muộn đều gây thất vọng, tuổi trưởng thành cũng thế mà thôi. Đời cũng thế mà thôi. Đôi khi tôi nghĩ mục đích cuộc đời là buộc ta phải chấp nhận mất mát chung cục của nó bằng cách vắt kiệt sức ta, bằng cách chứng minh, dù cho có mất bao lâu, rằng đời chẳng phải chỉ toàn là màu hồng.

\*

\* \*

Tưởng tượng xem ai đó, đêm muộn, hơi say, viết thư cho một cô bạn gái cũ. Anh ta viết địa chỉ lên phong thư, dán một con tem, tìm cái áo khoác, đi bộ ra hòm thư bưu điện, nhét thư vào trong đó, đi bộ về nhà và lên giường đi ngủ. Có nhiều khả năng anh ta không làm cái đoạn cuối đó, phải không? Anh ta có thể để bức thư đó lại để gửi vào sáng hôm sau. Và rồi, cũng có thể, suy nghĩ lại. Thế thì lại có rất nhiều để mà nói về thư điện tử, về sự bông bột, sự tức thời, thật với cảm xúc, thậm chí cả những vụ hớ của nó nữa. Suy nghĩ của tôi - nếu nói thế không quá lời - là như thế này: tại sao phải để ý tới lời Margaret trong chuyện này? - cô ấy thậm chí còn chẳng có ở đó, và chỉ có thể có các định kiến mà thôi. Thế nên tôi gửi một email cho Veronica. Tôi đặt tiêu đề “Câu hỏi”, và hỏi cô ấy thế này: “Em có nghĩ hồi đó tôi yêu em không?” Tôi ký tắt bằng các chữ cái đầu và nhấn nút Gửi trước khi kịp đổi ý.

Tôi tuyệt không hề mong sẽ có thư phúc đáp vào sáng hôm sau. Lần này nàng không xóa tiêu đề thư của tôi. Lời đáp của nàng viết: “Nếu anh cần phải hỏi câu này thì câu trả lời là không. V.”

Chuyện này có lẽ nói lên điều gì đó về trạng thái đầu óc tôi bởi tôi thấy lời đáp này bình thường, đúng ra là động viên rất nhiều.

Chuyện này có lẽ nói lên điều gì khác bởi phản ứng của tôi là gọi điện cho Margaret kể cho cô ấy về trao đổi này. Có một khoảng lặng, rồi vợ cũ

của tôi lặng lẽ nói, “Tony, giờ anh phải tự lo lấy thôi.”

\*

\* \*

Bạn có thể nói theo cách khác, tất nhiên: bạn luôn luôn có thể. Thế thì, ví dụ, có một vấn đề về việc khinh miệt, và lời đáp trả của ta. Ông anh Jack nháy mắt kiêu ngạo với tôi, và bốn mươi năm sau, tôi dùng cái hấp dẫn mình có - không, hãy thôi phóng đại đi: tôi dùng một thứ lịch thiệp giả tạo - để moi thông tin từ anh ta. Và rồi, ngay lập tức, phản bội anh ta. Trò khinh miệt của ta đổi lại trò khinh miệt của người. Cả khi, giờ đây tôi thừa nhận, điều anh ta cảm thấy về tôi hồi đó có thể chỉ là sự thiếu quan tâm đến khôi hài mà thôi. Đây là gã mới nhất của em gái tôi đây - ờ thì có một thằng khác trước nó, và chẳng nghi ngờ gì là sẽ có một thằng khác sau nó sớm thôi. Chẳng cần phải nghiên cứu mẫu vật thoáng qua này kỹ quá làm gì. Nhưng tôi - tôi - cảm thấy vào lúc ấy sự khinh miệt, nhớ về nó như vậy, và gửi ngược trở lại cái cảm giác ấy.

Và có thể với Veronica tôi đang cố làm nhiều hơn thế: không đáp trả lại sự khinh miệt của nàng, mà vượt qua nó. Bạn có thể thấy hấp lực trong chuyện đó. Bởi vì việc đọc lại bức thư đó của mình, việc cảm thấy vị gay gắt và gây hấn của nó, đã tạo một cú sốc sâu sắc tận trong tâm khảm. Nếu chưa từng khinh miệt tôi trước đó, nàng nhất định phải khinh miệt tôi sau khi Adrian cho nàng xem những lời lẽ này của tôi. Và cũng nhất định mang theo nỗi oán hận chừng ấy năm, và dùng nó để biện minh cho việc chiếm giữ, thậm chí còn phá hủy, nhật ký của Adrian.

Tôi đang nói, rất tự tin, về chuyện làm thế nào đặc tính chủ đạo của hối hận là ta chẳng thể làm gì với nó được: thời gian để xin lỗi hay sửa chữa đã qua mất rồi. Nhưng nếu như tôi sai thì sao? Nếu như bằng cách nào đó hối hận có thể được làm cho chảy ngược lại, có thể chuyển hóa thành đơn giản là áy náy, rồi được xin lỗi, và được tha thứ? Nếu như mi có thể

chứng minh mi không phải một thằng tồi như nàng vẫn nghĩ, và nàng sẵn lòng, chấp nhận những gì mi chứng tỏ thì sao?

Hoặc có lẽ động cơ của tôi nảy sinh từ hướng hoàn toàn ngược lại, và chẳng phải về quá khứ mà có khi là tương lai. Như phần lớn mọi người, tôi có những điều mê tín gắn vào với việc lên đường đi một chuyến xa. Ta có thể biết rằng theo thống kê đi máy bay thì còn an toàn hơn cả đi bộ tới cửa hàng ngay đầu phố. Dù vậy, trước khi đi đâu tôi vẫn làm những việc như là trả hóa đơn, giải quyết thư từ, điện thoại cho ai đó thân thiết.

“Susie, mai ba đi vắng.”

“Vâng, con biết, ba. Ba bảo con rồi mà.”

“Ba bảo rồi à?”

“Vâng.”

“Ừ thì, chỉ để tạm biệt thôi mà.”

“Con xin lỗi, ba, bọn trẻ con đang làm ồn quá. Ba vừa nói gì cơ?”

“Ờ, không có gì đâu, nói lại là ba yêu chúng nó.”

Bạn làm cái đó là vì chính bản thân mình, tất nhiên. Bạn muốn để lại ký ức cuối cùng đó, và làm sao cho nó dễ chịu. Bạn muốn được người khác nghĩ tốt - trong trường hợp máy bay của bạn hóa ra chính là thứ ít an toàn hơn so với đi bộ ra cửa hàng đầu phố.

Và nếu đây là cách ta cư xử trước một kỳ nghỉ đông năm đêm ở Mallorca, thì vì sao lại không nên có một thứ thủ tục vẫn hay được thực hiện vào quãng cuối đời, khi chuyển đi cuối cùng ấy - cái bánh xe lăn tự động qua tấm rèm phòng hỏa táng kia - đang lại gần? Đừng trách móc tôi, hãy nhớ đến tôi nhiều. Hãy kể với mọi người rằng bạn quý mến tôi, rằng

bạn yêu tôi, rằng tôi không phải là một thằng tồi. Dẫu rằng, có lẽ, chẳng có điều nào trong số đó là đúng hết.

\*

\* \*

Tôi mở một tập album ảnh cũ và nhìn tấm ảnh nàng nhờ tôi chụp ở Quảng trường Trafalgar. “Một kiểu với các bạn cậu.” Alex và Colin làm mặt hơi cường điệu kiểu đây-là-ghi-nhận- mang-tính-lịch-sử, Adrian trông nghiêm túc như thường, trong khi Veronica - trước kia tôi chưa từng nhận ra - hơi quay một chút về phía cậu ấy. Không nhìn lên cậu ấy, nhưng cũng không nhìn vào máy ảnh. Nói cách khác, không nhìn vào tôi. Tôi đã ghen hôm ấy. Tôi muốn giới thiệu nàng với đám bạn tôi, muốn nàng quý chúng nó. Và chúng nó quý nàng, dù tất nhiên là không được nhiều hơn quý tôi. Cái này có thể là mong đợi trẻ con, cũng như là phi thực tế. Thế nên khi nàng cứ liên tục đặt câu hỏi cho Adrian, tôi hờn dỗi; và sau đó, khi trong quán bar khách sạn Adrian nói xấu ông anh Jack và lũ thân cận, tôi lập tức cảm thấy dễ chịu hơn.

Tôi thoáng nghĩ tới việc lần tìm dấu vết Alex và Colin. Tôi hình dung sẽ hỏi các cậu ấy về những ký ức và chứng thực. Nhưng các cậu ấy chẳng phải trung tâm câu chuyện; tôi không trông chờ trí nhớ các cậu ấy tốt hơn trí nhớ của tôi. Và nếu như chứng thực của các cậu ấy lại chứng minh điều gì không có lợi? Thực ra là, Tony, tớ cho rằng chẳng hại gì nếu nói lên sự thật sau chừng ấy năm, nhưng Adrian vẫn luôn luôn cay độc sau lưng về cậu. Ô, thật là thú vị. Đúng, chúng tớ đều nhận ra điều đó. Cậu ấy nói là cậu chẳng tốt đẹp gì mà cũng chẳng thông minh như cậu nghĩ. Tớ hiểu; còn gì nữa không? Đúng, cậu ấy nói cái lời cậu tỏ ra quá rõ rằng cậu luôn coi chính cậu mới là bạn thân nhất của cậu ấy - dù gì thì cũng thân hơn cả hai chúng tớ - là phi lý và không thể hiểu nổi. Thế hả, thế thôi à? Không hẳn: ai cũng có thể thấy là cái cô nàng-tên-gì-ấy-nhỉ chỉ dặt mũi cậu cho tới khi có ai khác khá hơn lộ diện thôi. Cậu không nhận thấy cái cách cô ta tán tỉnh



Adrian hôm chúng ta gặp nhau sao? Hai chúng tớ khá sốc vì chuyện ấy. Cô ta thực tế là nói ngọt đã lọt đến xương cậu ấy rồi.

Không, các cậu ấy sẽ chẳng giúp được gì đâu. Mà cô Ford thì đã chết. Và ông anh Jack thì đã biến rồi. Chỉ còn một nhân chứng khả dĩ duy nhất, người chứng thực duy nhất, Veronica.

\*

\* \*

Tôi nói tôi muốn làm nàg khó chịu nổi da gà, không phải sao? Lỗi nói ấy thật kỳ quặc, và luôn làm tôi nghĩ về cách Margaret nướng gà. Cô nhẹ nhàng lột lớp da ở ngực và đùi, rồi luồn bơ và các cây lá thơm vào dưới da. Cây ngải giấm, chắc thế. Có lẽ cả một chút tỏi nữa, tôi không rõ lắm. Tôi chưa bao giờ thử tự làm cả, từ hồi đó đến giờ; mấy ngón tay tôi quá vụng về, rồi tôi hình dung chúng lóc lớp da ra.

Margaret kể cho tôi cách làm kiểu Pháp cái món này thậm chí còn điệu nghệ hơn nữa. Người ta cho những lát nấm cục thái mỏng vào dưới da - và bạn biết họ gọi cái đó là gì không? Gà Nửa-tang-kỳ. Tôi cho là công thức làm món này có từ thời mọi người thường không mặc gì khác ngoài màu đen trong vài tháng, màu ghi trong vài tháng nữa, và chỉ từ từ trở lại với màu cuộc sống. Toàn-, Nửa-, Phần tư-tang-kỳ. Tôi không biết có phải là các thuật ngữ ấy không, nhưng tôi biết các mức độ của tang phục được quy định đầy đủ. Ngày nay, người ta mặc đồ tang bao lâu? Phần lớn trường hợp là nửa ngày - chỉ đủ dài cho lễ đưa ma hoặc hỏa táng và bữa uống sau đó mà thôi.

Xin lỗi, cái này hơi ngoài lề. Tôi muốn làm nàg khó chịu nổi da gà, tôi đã nói thế, chẳng phải sao? Tôi có thực sự muốn nói điều tôi nghĩ là tôi muốn nói bằng câu ấy không, hay là điều gì khác? ‘I’ve Got You Under My Skin’ <sup>[32]</sup> - đấy là một bản tình ca, phải không nhỉ?

\*

\* \*

Tôi không muốn trách Margaret gì hết. Không một chút xiu nào. Nhưng, để nói đơn giản, nếu phải tự lo lấy, thì tôi liệu có ai nào? Tôi lưỡng lự vài ngày trước khi gửi cho Veronica một email mới. Trong đó, tôi hỏi về bố mẹ nàng. Bố nàng còn sống không? Mẹ nàng ra đi có nhẹ nhàng không? Tôi thêm rằng, mặc dù gặp họ có một lần thôi, tôi cũng đã có những ký ức đẹp. Ờ thì, cái đó có năm mươi phần trăm sự thật. Tôi chưa thực sự hiểu vì sao tôi hỏi những câu này. Tôi cho là mình muốn làm gì đó bình thường thôi, hoặc ít nhất là vờ như có những điều vẫn bình thường cho dù nó không hề như vậy. Khi bạn còn trẻ - khi tôi còn trẻ - bạn muốn tình cảm của mình giống như thứ bạn đọc trong sách ấy. Bạn muốn chúng lật nhào cuộc đời bạn, gây dựng và xác định một sự thật mới. Về sau, tôi nghĩ, bạn muốn chúng làm gì đó ôn hòa hơn, làm gì đó thực tế hơn: bạn muốn chúng ủng hộ đời mình như nó từng thế và vẫn thế. Bạn muốn chúng bảo bạn rằng mọi thứ đều ổn cả. Mà như thế thì có gì sai nào?

Thư hồi đáp của Veronica là một điều ngạc nhiên và nhẹ lòng. Nàng không coi mấy câu hỏi của tôi là khiếm nhã. Gần như thể nàng hài lòng vì được hỏi thăm. Bố nàng đã mất được khoảng ba lăm năm hay hơn. Ông ấy uống rượu ngày càng kinh khủng; kết quả là ung thư thực quản. Tôi ngừng ở đó, cảm thấy hối tiếc rằng mấy lời đầu với Veronica trên cầu Lắc Lư lại là những lời thô thiển về đám nghiện rượu hói đầu.

Sau cái chết của ông, mẹ nàng bán ngôi nhà ở Chilsehurst và chuyển tới London. Bà dạy các lớp nghệ thuật, bắt đầu hút thuốc, và cho người vào ở trọ, cho dù bà được chu cấp đầy đủ. Bà vẫn giữ được sức khỏe cho tới hơn một năm trước hay gì đó, khi trí nhớ bắt đầu suy giảm. Người ta ngờ là do một cơn đột quy nhẹ. Rồi bà bắt đầu cho trà vào tủ lạnh và trứng vào trong giỏ bánh mì, những thứ kiểu như thế. Có một lần bà suýt đốt cháy nhà vì để quên thuốc lá cháy dở. Bà vẫn giữ được tâm trạng vui vẻ suốt, cho tới

lúc đột nhiên xuống dốc. Những tháng cuối phải chịu đựng nhiều, không, bà ra đi không nhẹ nhàng, dù thế cũng đã là may rồi.

Tôi đọc đi đọc lại email vài lần. Tôi tìm kiếm những cái bẫy, những điều mơ hồ, những hàm ý si vớ. Chẳng có gì như thế cả - trừ phi sự thẳng thắn chính nó lại là một cái bẫy. Đây là một câu chuyện buồn thông thường - được kể đơn giản - và quá quen thuộc.

\*

\* \*

Khi bạn bắt đầu quên - tôi không có ý nói tới bệnh Alzheimer, chỉ là hậu quả đoán được của tuổi già thôi - có các cách phản ứng khác nhau. Bạn có thể ngồi lì đó cố ép trí nhớ nhả ra cái tên của một người quen sơ, của hoa, của ga tàu, của nhà phi hành gia ấy... Hoặc bạn thừa nhận thất bại và làm theo các bước thiết thực với sách tham khảo và Internet. Hoặc là bạn chỉ kệ nó thôi - quên chuyện nhớ đi - và rồi đôi khi bạn thấy một tiếng hoặc một ngày sau đó sự kiện bị bỏ nhầm chỗ ấy bỗng lại nổi lên, thường là giữa những đêm dài thao thức mà tuổi tác bắt bạn chịu. Ở thì, chúng ta ai cũng học được điều này cả, chúng ta, những kẻ hay quên.

Nhưng ta cũng học được một điều khác: rằng trí não không thích bị ép kiểu. Đúng vào lúc bạn nghĩ mọi thứ đều là chuyện sự suy giảm, chuyện phép trừ và phép chia, não của bạn, trí nhớ của bạn bỗng có thể sẽ làm bạn ngạc nhiên. Như thế nó nói rằng: Đừng tưởng mi có thể dựa dẫm vào quá trình tàn tạ chút một đầy động viên nào đó - đời phức tạp hơn thế *rất nhiều*. Và thế là trí não sẽ vứt cho bạn những mẩu đầu thừa đuôi thẹo lúc này hay lúc khác, thậm chí còn tháo rời những vòng lặp-ký ức quen thuộc. Cái đó tôi thấy, trong nỗi khiếp đảm, đang xảy ra với chính tôi lúc này. Tôi bắt đầu nhớ ra, không theo thứ tự cụ thể hoặc ý nghĩa đặc biệt nào, những chi tiết chôn chặt đã lâu từ cái dịp cuối tuần xa lắc ấy với gia đình nhà Ford. Căn phòng áp mái của tôi có hướng nhìn qua các mái nhà ra phía rừng; tôi có

thể nghe thấy tiếng đồng hồ từ phía dưới báo giờ chậm đúng năm phút. Bà thay quả trứng bị vỡ đã chín vào sọt rác với vẻ quan tâm - tới nó, không phải tôi. Chồng bà cô bắt tôi uống brandy sau bữa tối, và khi tôi từ chối, ông hỏi tôi là chuột hay là người. Ông anh Jack gọi cò Ford là “Người Mẹ”, như trong “Khi nào thì Người Mẹ nghĩ sẽ có cỏ khô cho đám quân đói ngấu?” và đêm thứ hai, Veronica đã làm nhiều hơn là chỉ đi cùng tôi lên gác. Nàng nói, “Con sẽ tiễn Tony về phòng cậu ấy,” và nắm tay tôi trước mặt cả gia đình. Ông anh Jack nói, “Thế Người Mẹ nghĩ gì về chuyện kia?” Nhưng Người Mẹ chỉ cười. Lời chúc ngủ ngon của tôi dành cho gia đình ấy tối hôm đó khá vội vàng vì tôi có thể cảm thấy nó đang cương cứng lên. Chúng tôi bước chậm rãi lên phòng tôi, nơi Veronica đè tôi áp lưng vào cửa, hôn lên môi tôi và nói vào tai tôi, “Ngủ giấc ngủ của cái bọn hư hỏng ấy nhé.” Và khoảng chừng bốn mươi giây sau, giờ tôi nhớ rồi, tôi phóng tinh vào trong cái bồn rửa bé tí và xả trôi tinh dịch xuống ống thoát nước dọc tòa nhà.

Nảy ra một ý, tôi tìm Chislehurst trên Google. Và khám phá ra rằng chưa bao giờ có một cái nhà thờ Thánh Michael nào trong thị trấn. Vậy thì cái chuyến đi tour có hướng dẫn của ông Ford khi ông ta chở chúng tôi hẳn phải là tưởng tượng - một trò đùa riêng tư nào đó, hoặc là một cách để xỏ mũi tôi. Tôi cũng nghi ngờ việc có cái quán Café Royal ở đó luôn. Rồi tôi sang Google Earth [\[33\]](#), nhào xuống và zoom quanh thị trấn. Nhưng ngôi nhà tôi tìm dường như không còn tồn tại nữa.

\*

\* \*

Một đêm khác, tôi cho phép mình uống một ly, mở máy tính lên, tìm Veronica duy nhất tôi có trong mục sổ địa chỉ. Tôi gợi ý gặp nhau lần nữa. Tôi xin lỗi về mọi thứ tôi đã làm gây ra những chuyện khó xử trong lần gặp trước. Tôi thề là tôi không muốn nói về di chúc của mẹ nàng. Cái này cũng là thật; mặc dù không phải đến tận khi viết cái câu đó thì tôi mới nhận ra là

tôi chẳng nghĩ gì về Adrian hay nhật ký của cậu ấy chút nào trong suốt mấy ngày vừa rồi.

“Cái này có phải là để khép cái vòng này lại không?” lời đáp của nàng tới.

“Tôi không biết,” tôi viết lại. “Nhưng nó cũng không hại gì, phải không nào?”

Nàng không trả lời câu hỏi ấy, nhưng lúc đó tôi không để ý hay phiền lòng gì.

Tôi không biết tại sao, nhưng một phần trong tôi nghĩ nàng sẽ gợi ý gặp trên cầu lần nữa. Hoặc là thế, hoặc đâu đó ấm cúng và hứa hẹn riêng tư: một quán bar bị lãng quên, một quán ăn trưa yên tĩnh, thậm chí là quán bar Khách sạn Charing Cross. Nàng chọn một quán ăn nhiều đồ uống trên tầng ba khu John Lewis ở phố Oxford.

Thực ra, cách này cũng có mặt thuận tiện của nó: Tôi cần vài mét dây để treo lại cái màn, đồ cạo gilet ấm đun nước, và một bộ các miếng vá dùng để là vào phía trong quần khi đầu gối bị toạc ra. Khó mà kiếm được mấy thứ này quanh nhà được nữa: nơi tôi sống, phần lớn các cửa hàng nho nhỏ hữu ích như thế đều đã từ lâu biến thành tiệm cà phê hoặc công ty môi giới bất động sản cả rồi.

Trên tàu đi lên phố, có một cô bé ngồi đối diện tôi, đeo tai nghe, mắt nhắm, chống cằm thấu từ thế giới bên ngoài, lắc đầu theo thứ nhạc chỉ có mình cô nghe được. Và bỗng nhiên, một ký ức trở về với tôi: Veronica nhảy. Đúng, nàng đã không nhảy - đấy là tôi nói thế - nhưng có một tối trong phòng tôi nàng lên cơn nghịch nhất và bắt đầu lôi bộ đĩa pop của tôi ra.

“Bật một đĩa đi rồi cho mình xem cậu nhảy nào,” nàng nói.

Tôi lắc đầu. “Có phúc cùng hưởng, có họa cùng chịu [34].”

“OK, cậu cho mình xem rồi mình sẽ nhảy cùng.”

Thế là tôi chỉnh cái trục quay thay tự động một đĩa 45s [35], nhích về phía nàg, nhún vai nới lỏng khung xương, nhắm hờ mắt, như thế tôn trọng khối riêng tư của nàg, và nhập cuộc. Hành vi biểu diễn cơ bản của phái nam hồi ấy, dứt khoát mang tính cá thể trong khi thực ra là phụ thuộc vào chuyện bắt chước nghiêm ngặt các quy phạm đang thịnh hành: đầu-thì-giật chân-thì-nhảy, vai-thì-vặn hông-thì-huých, với lại thêm thắt khoản hai cánh tay giơ lên ngậy ngất và thỉnh thoảng xen những tiếng gầm gừ. Sau một lúc, tôi mở mắt, tưởng là nàg vẫn đang ngồi trên sàn mà cười tôi. Nhưng nàg ở đó, nhảy theo cái lối làm tôi nghĩ là nàg từng học ba lê, tóc xõa xuống mặt và bắp chân căng lên đầy biểu cảm. Tôi ngắm nàg một lúc, không chắc có phải nàg đang bắt chước để trêu tôi hay thành thật trôi theo The Moody Blues. Thực ra, tôi không quan tâm - bản thân tôi cũng đang thụ hưởng và cảm nhận một chiến thắng bé nhỏ. Cứ tiếp như thế được một hồi; rồi tôi lại gần nàg khi bài “From a Jack to a King” của Ned Millers nhường lối cho Bob Lind hát “Elusive Butterfly”. Nhưng nàg không nhận thấy và, xoay người đắm cả vào tôi, suýt thì mất thăng bằng. Tôi đỡ được và ôm lấy nàg.

“Cậu thấy đấy, đâu có khó lắm đâu.”

“Ờ, mình chưa bao giờ nghĩ nó khó cả,” nàg đáp. “Hay. Được. Cảm ơn cậu,” nàg nói xã giao, rồi đi ra và ngồi xuống. “Cậu cứ tiếp tục đi nếu cậu muốn. Mình thế đủ rồi.”

Dẫu sao thì, nàg cũng đã nhảy.

\*

\* \*

Tôi mua đồ lật vặt trong khu bán đồ khâu vá, bếp núc và rèm cửa, rồi đi sang quán ăn. Tôi đến sớm mười phút nhưng tất nhiên Veronica đã ở đó rồi, đầu cúi, đang đọc sách, tự tin rằng tôi sẽ tìm thấy nàng. Khi tôi đặt mấy cái túi xuống, nàng ngẩng lên và nở như cười. Tôi nghĩ: em thực ra trông không đến nỗi hoang dại và rậm lông tơ lắm đâu.

“Tôi vẫn hói.”

Tôi nói. Nàng giữ lại còn phần-tư-nụ-cười.

“Cô đọc gì thế?”

Nàng lật mặt cuốn sách bìa mềm về phía tôi. Quyển gì đó của Stefan Zweig.

“Thế là cuối cùng cô cũng tới được cuối bảng chữ cái nhỉ. Chẳng còn ai sau ông này nữa cả.” Vì sao bỗng nhiên tôi lại bồn chồn thế này? Tôi lại đang nói chuyện như một thằng-hai-mười-tuổi ấy. Hơn nữa, tôi chưa đọc quyển nào của Stefan Zweig cả.

“Tôi sẽ ăn mì Ý,” nàng nói.

Ờ thì, ít nhất đây không phải là câu làm bẽ mặt gì.

Trong khi tôi dò xét thực đơn, nàng tiếp tục đọc. Cái bàn trông ra nơi các thang cuốn bắt chéo nhau. Người đi lên, người đi xuống; ai cũng mua cái gì đó.

“Trên tàu tới đây tôi nhớ về cái hôm cô nhảy. Trong phòng tôi. Ở Bristol.”

Tôi chờ nàng nói ngược lại điều tôi nói, hoặc tỏ ra mất lòng một cách khó hiểu. Nhưng nàng chỉ nói, “Tôi tự hỏi vì sao anh nhớ chuyện đó.” Và nhờ giây phút chứng thực này, tôi bắt đầu cảm thấy tự tin trở lại. Lần này

nàng diện hơn; tóc nàng gọn gàng và có vẻ bớt bạc. Bằng cách nào đó nàng đã xoay xử để trông như - trong mắt tôi - vừa có vẻ hai mươi và sáu mươi cùng lúc.

“Thế,” tôi nói, “bốn mươi năm qua đã đối xử với cô ra sao?”

Nàng nhìn tôi. “Anh kể trước đi.”

Tôi kể cho nàng câu chuyện đời tôi. Cái phiên bản tôi kể cho chính tôi nghe, cái bản tường thuật vẫn còn giá trị. Nàng hỏi về “hai người bạn của anh mà tôi đã có gặp một lần,” mà không thể gọi nổi tên các cậu ấy, có vẻ vậy. Tôi nói tôi mất liên lạc với Colin và Alex thế nào. Rồi tôi kể cho nàng về Margaret và Susie và chuyện làm ông, cố xưa đi tiếng thì thầm của Margaret trong đầu “Bánh hoa quả thế nào rồi?”. Tôi nói về đời sống, công việc, về nghỉ hưu, về chuyện cô làm mình bận rộn, về những kỳ nghỉ đông tôi có - năm nay tôi đã nghĩ tới Saint- Petersburg dưới màn tuyết để thay đổi không khí... Tôi cố làm ra vẻ hài lòng với đời mình mà không tự mãn. Tôi đang tả dở về các cháu tôi thì nàng nhìn lên, uống một ngụm hết chỗ cà phê còn lại, đặt tiền lên bàn rồi đứng dậy. Tôi bắt đầu với lấy đồ của tôi thì nàng nói:

“Không, anh cứ ở lại mà kể nốt phần của anh đi.”

Tôi xác định là sẽ không làm gì có thể gây mất lòng, thế nên tôi lại ngồi xuống.

“Ờ thì, đến lượt em mà,” tôi nói. Ý là: về cuộc đời nàng.

“Lượt làm gì?” nàng hỏi, nhưng đã kịp đi mất trước khi tôi đáp lời.

Vâng, tôi biết nàng đã làm gì. Nàng đã xoay xử để tiêu một giờ đồng hồ cùng với tôi mà không phải lộ ra một điều nào, chứ chẳng nói tới bí mật, về bản thân nàng. Nàng sống ở đâu và sống ra sao, nàng có sống với ai không, hay có con cái gì không. Trên ngón tay đeo nhẫn nàng đeo một



chiếc nhẫn thủy tinh đỏ, nó cũng bí ẩn như những thứ khác của nàng. Nhưng tôi không phiền lòng; đúng thế, tôi thấy tôi phản xạ như thể đang trong lần hẹn hò đầu tiên với ai đó và thoát ra được mà không làm chuyện gì tai họa. Nhưng tất nhiên chẳng phải như vậy tẹo nào. Sau cuộc hẹn hò đầu tiên, bạn không ngồi trên tàu và thấy đầu mình ngập lụt trong sự thật bị lãng quên về đời sống tình dục của bạn và người ta bốn mươi năm về trước. Hai người chúng tôi từng hấp dẫn lẫn nhau đến chừng nào; nàng ngồi trên đùi tôi nhẹ bẫng ra sao; luôn luôn thấy hưng phấn đến mức nào; thậm chí chúng tôi chưa từng có “tình dục đủ các bước”, nhưng tất cả mọi yếu tố của nó - những thèm khát, những dịu dàng, những vô tư, những tin tưởng - dù thế nào vẫn luôn có thực. Và thế nào đó mà một phần trong tôi không hề phiền lòng khi chẳng được “đi tới tận cùng”, không phiền lòng với những cơn thủ dâm tận thế sau khi đã đưa nàng về tận nhà. không phiền lòng ngủ trên chiếc giường đơn, một mình ngoại trừ những, kỷ niệm và ngay lập tức lại cương cứng lên. Việc chấp nhận được: hưởng ít hơn những người khác này cũng còn là do nỗi sợ, dĩ nhiên: sợ có thai, sợ nói hoặc làm điều gì sai, sợ sự gần gũi lẫn lớt tôi không thể tự chủ được.

\*

\* \*

Tuần tiếp theo rất yên ả. Tôi treo lại tấm rèm. cọ gi cái ấm nước, vá chỗ xước của một cái quần bò cũ. Susie không gọi điện. Margaret, tôi biết, sẽ giữ im lặng trừ phi và cho đến khi tôi tự liên lạc với cô ấy. Mà rồi cô ấy mong đợi gì mới được chứ? Xin lỗi, phỉnh nịnh? Không, cô ấy không khắc nghiệt thế; cô ấy luôn luôn chấp nhận vẻ mặt rầu rĩ từ phần tôi như để công nhận rằng cô ấy thông thái hơn nhiều. Nhưng lần này có thể không phải là như vậy. Thực sự, tôi có lẽ sẽ không gặp Margaret trong một khoảng thời gian. Một phần trong tôi cảm thấy áy náy mơ hồ và âm thầm đối với cô ấy. Lúc đầu tôi không thể hiểu được điều này: cô ấy là người bảo tôi giờ đây phải chịu một mình thôi. Nhưng rồi tôi có một kỷ niệm từ lâu lắm rồi, từ

những năm đầu cuộc hôn nhân của chúng tôi. Cha nào đó ở chỗ làm tổ chức tiệc và mời tôi tới; Margaret không muốn đến. Tôi tán một cô nàng và cô ta tán lại. Ở thì hơn tán tình một chút - dù thế thì cũng còn lâu mới tới màn dưới mức-tình dục - nhưng tôi giữ nó dưới tầm kiểm soát ngay khi tôi tình rượu. Thế thôi cũng đã đủ khiến tôi cảm thấy kích thích nhiều ngang với áy náy rồi. Và giờ đây, tôi nhận ra, mình đang cảm thấy một điều tương tự. Phải mất một hồi tôi mới làm rõ được chuyện này. Rốt cuộc tôi tự nhủ: Đúng, thế là mi cảm thấy áy náy với vợ-cũ, người đã ly dị mi từ hai mươi năm trước rồi, và kích thích vì cô bạn gái cũ bốn mươi năm nay không gặp. Ai nói rằng chẳng còn gì đáng ngạc nhiên trên cuộc đời này?

Tôi không muốn ép Veronica. Tôi nghĩ lần này sẽ đợi tới khi nàng tự liên lạc. Tôi kiểm tra mục thư đến hơi quá mức cần mẫn. Tất nhiên, tôi chẳng mong đợi một nổi dào dạt tuôn trào khủng khiếp nào, nhưng đã hy vọng, có lẽ, vào một bức thông điệp lịch thiệp rằng thật dễ chịu được gặp tôi một cách hân hoan sau chừng ấy năm.

Ở thì, có lẽ chẳng phải như thế. Có lẽ nàng đã đi du lịch đâu rồi. Có lẽ máy chủ của nàng bị hỏng. Ai đã nói gì đó về hy vọng bất diệt của trái tim con người ấy nhỉ? Bạn biết là thỉnh thoảng bạn cũng có đọc những câu chuyện như thế về cái mà báo chí thích gọi là “tình nở muộn” phải không? Thường thường là về một cụ ông lẩm cẩm và một cụ bà lẩm cẩm trong một viện dưỡng lão? Cả hai cùng góa bụa, cười ngoác răng giả và hai bàn tay viêm khớp nắm chặt nhau? Thường xuyên, họ vẫn nói những gì bị coi là thứ ngôn ngữ không chuẩn của tình yêu tuổi trẻ. “Ngay khi tôi vừa nhìn anh/cô ấy, tôi đã biết anh/cô ấy là dành cho tôi rồi” - cái kiểu câu như thế. Một phần trong tôi luôn cảm động và muốn chúc mừng; nhưng phần khác thì thận trọng và ngăn cản. Vì sao phải trải qua cái trò đó lần nữa lại từ đầu? Mi chẳng biết luật sao: phải một bận, cạch đến già? Nhưng giờ đây, tôi thấy tôi nổi loạn chống lại chính tôi... gì cơ? Câu nệ tập tục, thiếu trí tưởng tượng, hay là sợ bị thất vọng? Hơn nữa, tôi nghĩ, mình vẫn còn răng.

Đêm hôm ấy một nhóm chúng tôi đi tới Minsterworth truy tìm con Sóng thủy triều cửa sông Severn. Veronica đi kề bên tôi. Nào tôi hẳn đã xóa nó khỏi hồ sơ lưu trữ, nhưng giờ tôi biết nó như một sự kiện. Nàng đã ở đó với tôi. Chúng tôi ngồi trên tấm chăn ấm trên bờ sông ấm, tay nắm trong tay; nàng mang theo một bình sô cô la nóng. Những ngày thơ ngây. Ánh trăng bắt được con sóng vỡ òa khi nó đến gần. Những người khác hò reo khi nó tới, và hò reo theo nó, săn đuổi nó vào trong đêm tối với loang loáng những ánh đèn pin giao nhau. Còn lại riêng chúng tôi, nàng và tôi nói về những chuyện bất khả đôi khi vẫn cứ xảy ra, những điều bạn chẳng thể tin trừ phi bạn tận mắt chứng kiến. Tâm trạng chúng tôi đầy nghĩ ngợi, thậm chí còn u ám, hơn là ngất ngây.

Ít nhất thì đó là điều giờ đây tôi nhớ ra. Dẫu rằng nếu bạn đưa tôi vào phòng xử án, tôi e rằng mình sẽ không đương đầu được với vòng thẩm vấn nhân chứng chéo. “Và ông vẫn khai là cái ký ức này bị nén lại suốt bốn mươi năm?” “Vâng.” “Và chỉ mới nổi lên gần đây thôi?” “Vâng.” “Ông có thể trình bày vì sao nó nổi lên?” “Không hẳn.” “Thế thì để tôi nói giúp ông, ông Webster, rằng cái vụ việc theo giả thiết này hoàn toàn là bịa đặt từ trí tưởng tượng của ông mà thôi, được dựng lên để biện hộ cho sự gán bó lãng mạn nào đó mà ông có vẻ đang nuôi dưỡng hướng về khách hàng của tôi, một giả định mà, tòa phải biết, khách hàng của tôi thấy cực kỳ đáng kính tởm.” “Vâng. Có lẽ thế. Nhưng...” “Nhưng gì vậy, ông Webster?” “Nhưng chúng ta chẳng yêu được mấy người trên cuộc đời này. Một, hai, ba? Rồi đôi khi chúng ta không nhận ra sự thật ấy cho tới khi đã quá muộn. Trừ phi nó không nhất thiết là quá muộn. Quý vị đã đọc câu chuyện về tình nở muộn trong nhà dưỡng lão ở Barnstaple chưa?” “Thôi cho tôi xin, ông Webster, tha cho chúng tôi những trầm tư mặc tưởng sến sẩm của ông đi. Đây là một phiên tòa, nơi chỉ làm việc với sự kiện thôi. Đâu mới đúng là những sự kiện trong vụ này?”

Tôi chỉ có thể đáp rằng tôi nghĩ - tôi lý thuyết hóa - rằng có gì đó - có gì đó khác - xảy ra với trí nhớ theo thời gian. Nhiều năm trời bạn sống với

cùng những vòng lặp, cùng những sự kiện và cùng những cảm xúc. Tôi nhấn vào nút đánh dấu Adrian hoặc Veronica, cái băng từ quay, cái thứ quen thuộc tuôn ra. Các sự kiện tái xác nhận những cảm xúc - oán giận, một cảm thức bất công, khuấy khoa - và ngược lại. Có vẻ như không có cách nào truy cập cái gì khác nữa; vụ việc khép lại. Đó là lý do vì sao bạn tìm tới thực chứng, cho dù nó có là điều trái ngược. Nhưng nếu như, thậm chí vào một đoạn đời đã muộn, các cảm xúc của bạn vẫn liên quan tới những sự kiện từ rất lâu trước đây mà con người thì đã đổi thay? Bức thư xấu xa đó của tôi làm dấy lên niềm hối hận trong tôi. Chuyện Veronica kể về việc bố mẹ nàng ra đi - vâng, cả bố nàng nữa - đã làm tôi động lòng hơn tôi tưởng. Tôi cảm thấy một niềm thương cảm mới đối với họ - và với nàng. Rồi, không lâu sau đó, tôi bắt đầu nhớ ra những điều đã bị lãng quên. Tôi không biết liệu có cách giải thích khoa học nào cho chuyện này - xoay sở với các trạng thái dễ xúc động mới khiến những lối đi bị chặn cho nở rộ được mở ra trở lại. Tôi chỉ có thể nói rằng nó đã xảy ra, và đã làm tôi sống sờ.

Thế thì, dù sao đi nữa - và bất chấp ông luật sư ngăn cản trong đầu tôi - tôi vẫn gửi email cho Veronica và gợi ý gặp lần nữa. Xin lỗi vì lần trước nói quá nhiều. Muốn nghe nhiều hơn về cuộc sống của nàng và gia đình nàng. Sẽ phải lên London lúc nào đó trong mấy tuần tới. Liệu nàng có thích cùng thời gian, cùng địa điểm không?

Ngày trước người ta chịu đựng thế nào khi thư từ phải thật lâu mới tới nơi? Tôi cho là ba tuần đợi người đưa thư hẳn phải ngang với ba ngày đợi email. Ba ngày trời thì cảm giác phải lâu tới mức nào? Đủ lâu để có đầy đủ cảm giác được tưởng thưởng. Veronica không xóa tiêu đề thư của tôi - “Xin chào lần nữa chứ?” - giờ nó nhằm vào tôi khá là tươi tỉnh. Nhưng nàng hẳn không thể nào thấy mất lòng được, bởi nàng cho tôi một cuộc hẹn, một tuần nữa, năm giờ chiều, ở một bến tàu điện ngầm lạ hoặc phía Bắc London.

Tôi cảm thấy chuyện này thật ly kỳ. Ai mà không thấy thế chứ? Đúng vậy, nó chẳng bảo, “Mang theo quần áo ngủ đêm và hộ chiếu,” nhưng bạn đã đến cái hồi mà những đa dạng của cuộc sống dường như bị giới hạn đến thảm hại. Lần nữa, bản năng đầu tiên của tôi là gọi điện cho Margaret; rồi tôi nghĩ kỹ hơn về chuyện này. Dù sao thì, Margaret không thích những bất ngờ. Cô ấy từng là - vẫn là - kiểu người thích lập kế hoạch cho mọi chuyện. Trước khi chúng tôi có Susie cô ấy từng giám sát chu kỳ sinh sản và gợi ý khi nào thì sẽ thuận lợi nhất để làm tình. Cái đó hoặc đặt tôi vào trạng thái nóng lòng mong mỏi, hoặc - ngược lại, quả thực là thường xuyên - có hiệu ứng trái ngược hẳn. Margaret sẽ chẳng bao giờ cho bạn một cuộc hẹn bí ẩn ở tận một ga tàu điện ngầm xa tít. Cô ấy sẽ gặp bạn dưới đồng hồ nhà ga ở Paddington vì một mục đích cụ thể hơn. Không phải là hồi ấy tôi không muốn sống cuộc sống của tôi theo kiểu này đâu, bạn phải hiểu cho tôi.

Tôi mất một tuần cố gắng giải phóng những ký ức mới về Veronica, nhưng không có gì xuất hiện cả. Có thể là tôi đã cố quá mức, gây áp lực cho não tôi. Thế là thay vào đó tôi bật lại những gì mình đang có, những hình ảnh quen thuộc từ lâu và mới đến gần đây. Tôi soi chúng ngược sáng, trở qua trở lại trên những ngón tay mình, cố nhìn xem giờ đây chúng có mang ý nghĩa nào khác hay không. Tôi bắt đầu kiểm tra lại cả cái bản thể trẻ hơn của tôi nữa, tới chừng nào còn có thể làm được. Tất nhiên tôi từng dốt nát và ngây thơ - chúng ta đều thế cả; nhưng tôi biết không nên phóng đại những đặc tính này, bởi đó chỉ là một cách tôn vinh bản thân bạn lên bởi con người mà bạn đã trở thành. Tôi cố gắng khách quan. Phiên bản mối quan hệ của tôi với Veronica, cái mà tôi mang theo suốt chừng ấy năm, là cái mà hồi ấy tôi cần tới. Trái tim trai trẻ bị phản bội, cơ thể trai trẻ bị đùa bỡn, con người xã hội trai trẻ bị coi rẻ. Thầy Joe Hunt Già đã trả lời gì khi tôi ra vẻ hiểu biết cho rằng lịch sử là những lời dối trá của kẻ thắng? “Chừng nào trò còn nhớ đó cũng là những hoang tưởng của kẻ chiến bại.” Liệu ta có nhớ điều đó đủ khi nó xảy đến với cuộc sống riêng của ta không?

\*

\* \*

Những kẻ-chối-từ-thời-gian nói: bốn mươi chẳng là gì, ở tuổi năm mươi mi đang lúc phong độ nhất, sáu mươi là tuổi bốn mươi lần nữa, và cứ thế. Tôi biết cái này rất rõ: rằng có thời gian khách quan, nhưng còn có cả thời gian chủ quan, cái loại bạn đeo ở mặt trong cổ tay, ngay cạnh mạch máu của bạn. Và thứ thời gian cá nhân này, còn là thời gian thật, được đo trong mỗi quan hệ của bạn với ký ức. Thế nên khi điều lạ lùng này xảy ra - khi những ký ức mới bỗng dừng đến với tôi - thì như thế, vào đúng lúc ấy, thời gian được đảo ngược dòng. Như thế, vào đúng lúc ấy, con sông chảy ngược về nguồn.

\*

\* \*

Tất nhiên, tôi đến hơi quá sớm, thế nên tôi xuống tàu trước một bến và ngồi trên ghế băng đọc một tờ báo miễn phí. Hoặc ít nhất là nhìn chăm chăm vào nó. Rồi tôi lên tàu đến bến kế tiếp, nơi cầu thang cuốn đưa tôi lên một sảnh bán vé thuộc về phần London lạ lẫm với tôi. Khi đi qua rào ngăn tôi thấy một dáng người và một cách đứng đặc biệt. Lập tức, nàng quay lại và bước đi. Tôi đi theo nàng qua bến xe buýt vào một phố nhỏ nơi nàng mở khóa một chiếc ô tô. Tôi ngồi vào ghế bên và nhìn sang. Nàng đã nổ máy rồi.

“Buồn cười nhỉ. Tôi cũng có một chiếc Polo.”

Nàng không đáp. Lẽ ra tôi chẳng nên ngạc nhiên. Dựa theo hiểu biết và ký ức của tôi về nàng, dù là nó có quá đát, nói chuyện-trong-xe là điều Veronica không bao giờ làm. Cả tôi cũng không - dù tôi chỉ biết chứ không giải thích rõ được chuyện đó.

Hôm ấy trời chiều vẫn nóng. Tôi mở cửa sổ xe phía bên mình. Nàng liếc về phía tôi, nhú mày. Tôi đóng cửa sổ lại. Ở thì thôi, tôi đành tự nhủ.

“Tôi nghĩ về cái hôm chúng mình xem Sóng thủy triều sông Severn.”

Nàng không đáp.

“Em nhớ chuyện đó chứ?” Nàng lắc đầu. “Thật là không ư? Có một lũ chúng mình, ở trên Minsterworth. Có trăng...”

“Đang lái xe,” nàng nói.

“Được thôi.” Nếu đây là điều nàng muốn. Rốt cuộc, đó là hành trình của nàng. Tôi đành nhìn ra cửa sổ. Những cửa hàng tạp hóa, các quán xá rẻ tiền, một quầy chơi cá cược, người xếp hàng trước một cái máy rút tiền, phụ nữ với phần thịt tràn ra giữa áo và quần. Một đống những rác rưởi, một thùng rỗng gào thét, một bà mẹ béo phì với ba đứa trẻ béo phì, những gương mặt của đủ mọi chủng người: một London bình thường, phố xá mua sắm đa năng.

Sau vài phút, chúng tôi tới phần sang trọng hơn: các ngôi nhà tách biệt, vườn phía trước, một ngọn đồi. Veronica rẽ vào và đỗ xe. Tôi nghĩ: OK, đây là trò chơi của cô - tôi sẽ đợi xem luật chơi, cho dù nó là gì đi nữa. Nhưng một phần trong tôi cũng nghĩ: Mặc xác, tôi sẽ không thôi là chính tôi chỉ vì cô quay trở lại cái trạng thái tinh thần trên cầu Lắc Lư đâu.

“Ông anh Jack thế nào?” Tôi vui vẻ hỏi. Nàng khó mà có thể trả lời “Đang lái xe” cho câu hỏi này được.

“Jack là Jack,” nàng đáp, không nhìn sang tôi.

Ờ thì, *điều đó* thật hiển nhiên một cách triết học, như chúng tôi từng nói, cái hồi còn Adrian.

“Cô có nhớ...”

“Đợi,” nàng ngắt lời.

Rất được, tôi nghĩ. Đầu tiên là gặp, rồi lái xe, giờ là đợi. Còn gì tiếp theo nữa? Mua sắm, nấu nướng, ăn và uống, hôn hít, thủ dâm và làm tình? Tôi rất ngờ chuyện này. Nhưng khi chúng tôi ngồi cạnh nhau, một ông hói và một bà rậm lông măng, tôi nhận ra điều đáng lẽ tôi phải thấy rồi mới phải. Trong hai chúng tôi, Veronica là người bồn chồn hơn rất nhiều. Và trong khi tôi bồn chồn vì nàng, rõ ràng nàng chẳng bồn chồn gì vì tôi hết. Tôi giống như một kẻ gây bứt rứt thứ yếu song cần thiết vậy. Nhưng vì sao tôi lại là thứ cần thiết?

Tôi ngồi và đợi. Tôi cũng thoáng ước ao giá mình giữ lại tờ báo miễn phí trên tàu kia. Tôi tự hỏi vì sao tôi không tự mình lái xe đến đây. Chắc hẳn là bởi tôi không biết ở đây có quy định hạn chế đỗ xe như thế nào. Tôi muốn uống nước. Tôi cũng muốn đi tiểu nữa. Tôi hạ thấp cửa sổ xuống. Lần này, Veronica không phản đối.

“Nhìn đi.”

Tôi nhìn. Một nhóm vài người đang đi dọc vỉa hè lại gần phía xe bên tôi ngồi. Tôi đếm được năm người. Đi đầu là một người đàn ông, mặc cho trời nóng vẫn mặc mấy lớp áo vải tuyết nặng, có cả áo gi lê và một thứ như là mũ thợ săn. Áo khoác ngắn và mũ của anh ta phủ kín phù hiệu kim loại, đoán cũng phải ba mươi hay bốn mươi chiếc, một số lấp lánh ánh mặt trời; có một sợi dây xích đeo đồng hồ móc giữa mấy cái túi áo gi lê. Anh ta tỏ ra vui vẻ: anh ta trông giống như ai đó có chức năng không rõ gọi là gì trong một gánh xiếc hoặc một khu vui chơi. Hai người đàn ông đi sau anh ta: người đầu tiên có ria mép đen và một dáng đi như lặn; người thứ hai nhỏ bé và dị dạng, một bên vai cao hơn hẳn vai kia - anh ta dừng lại nhổ toẹt vào mảnh vườn trước một ngôi nhà. Và sau họ là một tay cao, trông ngốc nghếch, đeo kính, nắm tay một người phụ nữ đầy đặn có vẻ như là Ấn Độ.

“Quán bar,” người đàn ông có ria mép nói khi lại gần.

“Không, không quán bar,” người đàn ông đeo nhiều phù hiệu đáp.



“Quán bar,” người đàn ông thứ nhất nhấn mạnh.

“Cửa hàng,” người phụ nữ nói.

Họ đều nói rất to, như trẻ con vừa được tan học vậy.

“Cửa hàng,” người đàn ông dáng lệch nhắc lại, nhổ khê một miếng vào bờ rào.

Tôi nhìn cẩn thận hết mức có thể, bởi tôi đã được chỉ dẫn làm như vậy. Tất cả họ, tôi cho là thế, hẳn phải vào khoảng từ ba mươi tới năm mươi, nhưng đồng thời cũng có vẻ cố định, không tuổi. Hơn nữa, một vẻ nhút nhát thấy rõ, được nhấn mạnh bởi cái cách nắm tay nhau của hai người đi cuối. Trông không giống như yêu đương, mà giống tự vệ chống lại thế giới hơn. Họ đi qua vài bước, không hề liếc vào xe. Vài thước sau là một anh chàng trẻ tuổi mặc quần soóc và áo hở cổ; tôi không thể nói liệu anh ta có phải người trông nom họ hay chẳng liên quan gì đến họ cả.

Một khoảng lặng dài. Rõ ràng, tôi phải tự thân vận động thôi.

“Thế rồi sao?”

Nàng không đáp. Câu hỏi có lẽ quá chung chung.

“Họ làm sao thế?”

“*Anh* làm sao thế?”

Lời đáp chẳng có vẻ liên quan, với tất cả cái giọng gay gắt ấy. Thế nên tôi thúc thêm.

“Cái tay trẻ kia cũng cùng hội với họ à?”

Im lặng.

“Có phải họ được chăm-sóc-trong-cộng- đồng hay gì đó không?”

Đầu tôi đập vào chỗ tựa đầu của ghế khi Veronica đột nhiên thả phanh ra. Nàng lái như đua quanh một hai khối nhà, lao xe qua các lần giảm tốc độ như thể nó là con ngựa đua vượt rào. Cái lối sang số, hoặc chẳng buồn sang số, thật kinh khủng. Chuyện này kéo dài khoảng bốn phút, rồi nàng đổi hướng vào một chỗ đỗ xe, leo một bánh trước lên lề đường trước khi lại nảy xuống.

Tôi thấy tôi đang nghĩ thần: Margaret luôn là một tài xế dễ chịu. Không chỉ an toàn, mà còn đối xử với xe cộ một cách tử tế. Trở lại cái hồi nào hồi nào tôi học lái xe ấy, thầy hướng dẫn giải thích cho tôi rằng khi sang số, ta phải điều khiển phanh và cần số nhẹ nhàng và êm tới mức đầu hành khách không xê dịch một xăng ti mét nào quanh cột sống. Tôi bị ấn tượng về chuyện này, và thường xuyên để ý khi người khác chở tôi. Nếu sống với Veronica, khéo tôi phải đi gặp bác sĩ nắn xương hằng tuần mất.

“Anh đúng là chẳng hiểu gì cả, phải không? Thế thì anh sẽ chẳng bao giờ hiểu được đâu.”

“Tôi cũng không nhận được giúp đỡ nhiều cho lắm.”

Rồi tôi nhìn thấy họ - cho dù họ là ai đi nữa - đang tiến về phía tôi. Đó là lý do của cái trò này: đón đầu họ lần nữa. chúng tôi ở kế bên một cửa hàng và một tiệm giặt là, trên vỉa hè đối diện là một quán bar. Người đàn ông đeo phù hiệu - “người chào mời”, đó chính là từ tôi đang tìm này giờ, anh chàng vui nhộn ở lối vào một quầy vui chơi giải trí khuyến khích bạn bước vào xem cô nàng có râu hoặc con gấu trúc hai đầu - anh ta vẫn dẫn đầu đoàn người. Bốn người còn lại giờ đang vây quanh anh thanh niên mặc quần soóc, vậy thì anh ta đúng là đi cùng với họ. Kiểu như là nhân viên chăm sóc. Lúc này tôi nghe thấy anh ta nói:

“Không, Ken, hôm nay không đi quán bar được. Tối thứ Sáu mới là tối đi quán bar.”

“Thứ Sáu,” người đàn ông có ria nhắc lại. Tôi thấy Veronica tháo dây an toàn và mở cửa xe. Tôi bắt đầu làm theo, nàng nói:

“Ở lại.” Làm như tôi là một con chó.

Cuộc tranh luận quán bar hay cửa hàng vẫn tiếp diễn thì một trong số họ nhận ra Veronica. Người mặc áo tuyết bỏ mũ ra ôm vào tim, rồi cúi đầu chào. Anh chàng lệch người bắt đầu nhảy căng lên tại chỗ. Cái cậu lóng ngóng buông tay người phụ nữ ra. Anh nhân viên chăm sóc mỉm cười và chìa tay ra bắt tay Veronica. Trong chốc lát, nàng rơi vào giữa một ổ phục kích hiền lành. Người phụ nữ Ấn Độ giờ đang nắm tay Veronica, còn người muốn đến quán bar thư thái gục đầu lên vai nàng. Dường như nàng hoàn toàn không để ý đến chuyện ấy. Tôi thấy nàng mỉm cười lần đầu tiên buổi chiều hôm ấy. Tôi cố nghe những gì họ nói, nhưng có quá nhiều giọng chồng lên nhau. Rồi tôi thấy Veronica quay đi và nghe được nàng nói:

“Sớm thôi.”

“Sớm thôi,” hai ba người trong số họ nhắc lại.

Anh chàng lệch người nhảy căng lên vài lần nữa, cái cậu lóng ngóng ngoác miệng ngó ngẩn cười và hét, “Tạm biệt, Mary!” Họ dợm theo nàng ra xe, rồi nhận thấy tôi ở ghế bên thì liền đồng loạt dừng lại. Bốn trong số họ bắt đầu vẫy tạm biệt điên cuồng, trong khi người mặc áo tuyết bạo dạn tiếp cận xe bên phía tôi. Mũ anh ta vẫn ấp nơi tim. Anh ta đưa tay kia ra qua cửa sổ xe và tôi bắt tay.

“Chúng tôi sẽ đi cửa hàng,” anh ta trịnh trọng bảo với tôi.

“Các anh sẽ mua gì thế?” tôi hỏi với một nghi thức tương đương.

Việc này làm anh ta lùì lại, và anh ta ngẫm nghĩ một lúc.

“Thứ chúng tôi cần,” cuối cùng anh ta cũng đáp. Anh ta gật gù và nói thêm, thật hữu ích, “Những đồ thiết yếu.”

Rồi anh ta chào kiểu gật đầu trịnh trọng của mình, quay đi và lại đội lên đầu cái mũ đeo nặng phù hiệu.

“Anh ta có vẻ rất dễ thương,” tôi nhận xét. Nhưng nàg đang vào số xe bằng một tay, tay kia thì vẫ. Tôi nhận thấy nàg toát cả mồ hôi. Đúng, hôm ấy là một ngày nóng, nhưng kể cả thế.

“Họ đều rất hài lòng vì được gặp cô.”

Tôi có thể nói rằng nàg sẽ không đáp bất cứ điều gì tôi nói nữa đâu. Hơn nữa nàg đang cẩu - tất nhiên là với tôi, nhưng với cả chính nàg nữa. Tôi không thể nói là tôi cảm thấy mình đã làm gì sai. Tôi định mở miệng khi thấy nàg nhắm tới lãn giảm tốc độ, chẳng chậm lại chút nào, và tôi thoáng nghĩ trong đầu rằng mình có thể tự cản đứt lưỡì với cú xóc ấy. Thế là tôi đợi đến khi chúng tôi đua vượt rào qua được cái lãn an toàn mới nói:

“Tôi tự hỏi không biết anh ta có đến bao nhiêu cái phù hiệu nhỉ.”

Im lặng. Lãn giảm tốc.

“Họ có sống cùng một nhà cả không?”

Im lặng. Lãn giảm tốc.

“Vậ ra tối đi quán bar là tôi thứ Sáu nhỉ.” Im lặng. Lãn giảm tốc.

“Đúng, chúng ta có đi Minsterworth cùng nhau. Đêm hôm ấy có trăng.”

Im lặng. Lăn giảm tốc. Giờ chúng tôi rẽ vào khu phố mua sắm, chẳng còn gì ngoài nhựa đường phẳng giữa chúng tôi và ga tàu điện ngầm, theo như tôi còn nhớ được.

“Đây là một phần rất thú vị của thành phố.” Tôi nghĩ chộc tức nàng có thể làm được trò trống gì đó - cho dù là trò trống gì. Trò đối xử với nàng như với công ty bảo hiểm đã nằm yên trong quá khứ rồi.

“Đúng, cô nói đúng, tôi nên trở về sớm.”

“Dù sao thì gặp cô bữa trưa hôm trước thật là thích.”

“Có những đầu sách nào của Stefan Zweig cô đặc biệt cho là nên đọc không?”

“Ngày nay có thật là nhiều người béo. Béo phì. Đó là một trong những thay đổi so với hồi chúng mình trẻ, phải không? Tôi chẳng thể nhớ ra ai ở Bristol hồi ấy bị béo phì.”

“Vì sao cái cậu ngõ ngẩn ấy gọi cô là Mary?”

Ít nhất thì tôi cũng có cài dây an toàn. Lần này kỹ thuật đỗ xe của Veronica là cho ca hai bánh trong leo lên hè với tốc độ khoảng hai mươi dặm <sup>[36]</sup> một giờ, rồi giảm vào phanh.

“Ra,” nàng nói, nhìn chăm chăm phía trước.

Tôi gật đầu. Tháo dây an toàn, và chậm rãi ra khỏi xe. Tôi giữ cửa xe mở lâu hơn cần thiết, chỉ để làm nàng tức một lần cuối, và nói:

“Cô sẽ làm hỏng lớp xe nếu cứ tiếp tục đi như thế đấy.”

Cửa xe bị giật mạnh khỏi tay tôi khi nàng lái xe đi.

\*

\* \*

Tôi ngồi trên tàu về nhà không nghĩ ngợi gì, thực thế, chỉ cảm nhận. Mà thậm chí còn chẳng nghĩ về cái tôi đang cảm nhận nữa cơ. Mãi đến tối hôm ấy tôi mới bắt đầu toàn tâm vào chuyện đã xảy ra.

Lý do chính khiến tôi cảm thấy điên và nhục là bởi - tôi đã gọi nó là gì nhỉ, chỉ mới vài ngày trước đó? - “niềm hy vọng bất diệt của trái tim người”. Và trước đó, “vẻ quyến rũ của việc vượt qua sự khinh thường của ai đó”. Tôi không nghĩ là mình bình thường phải chịu đựng sự phù phiếm, nhưng rõ ràng là tôi vừa khổ sở hơn mình nhận ra. Câu chuyện vốn dĩ bắt đầu từ một quyết tâm chiếm được tài sản truyền lại cho tôi đã biến dạng thành điều gì đó lớn hơn rất nhiều, điều gì đó theo suốt cả cuộc đời tôi, trong thời gian và trong ký ức. Và trong ham muốn. Tôi nghĩ - ở mức nào đó trong sự tồn tại của mình, tôi thực ra đã nghĩ - rằng tôi có thể quay trở lại khởi điểm và thay đổi nhiều điều. Rằng tôi có thể làm cho máu chảy ngược. Tôi đã phù phiếm tưởng tượng - cho dù tôi đã không diễn đạt mạnh mẽ hơn như thế - rằng tôi có thể làm Veronica thích mình lần nữa, và rằng làm được điều đó là rất quan trọng. Khi nàng viết email về chuyện “khép cái vòng này lại”, tôi đã không thấy được cái giọng đó là một lời châm chọc mỉa mai, mà coi như một lời mời, gần như một lời mê hoặc.

Thái độ của nàng đối với tôi, giờ đây khi tôi nhìn vào đó, vẫn luôn nhất quán - không chỉ những tháng gần đây, mà cho dù qua bao nhiêu là năm, vẫn vậy. Nàng nhận thấy tôi không đạt yêu cầu, thích Adrian hơn, và luôn luôn cho là những phán xét đó đúng. Điều này, giờ tôi nhận ra, là hiển nhiên-tự thân theo đủ mọi lẽ, triết học hay gì đi nữa. Nhưng, vì không hiểu được các động cơ của chính mình, tôi đã muốn chứng minh cho nàng, thậm chí cả ở đoạn đời muộn màng này, rằng nàng đã hiểu sai tôi. Hoặc đúng hơn là, cái nhìn ban đầu của nàng về tôi - khi chúng tôi còn đang học về trái tim và cơ thể nhau, khi nàng tán thành một số sách và đĩa nhạc của tôi, khi nàng thích tôi đủ để đưa tôi về nhà - là đúng. Tôi nghĩ tôi có thể vượt qua

được sự khinh bỉ và biến ân hận trở lại thành áy náy, và rồi được tha thứ. Tôi bị cảm dỗ, theo cách nào đó, bởi ý niệm cho rằng ta có thể cắt bỏ phần lớn những hiện hữu tách biệt của ta, có thể cắt và ghép nối cuộn băng trên đó đời ta được ghi lại, quay trở về ngã rẽ trên con đường và chọn ngã nào ít được đi hơn, hoặc tốt hơn là chưa có ai từng đi cả. Thay vào đó, tôi đã bỏ cảm thức chung lại phía sau mình. Tên gốc già, tôi bảo tôi vậy. Và chẳng có tên gốc nào như tên gốc già: đó là câu người mẹ đã mất từ lâu của tôi từng lẩm bẩm khi đọc những câu chuyện trên báo về đàn ông lớn tuổi bỗng yêu các thiếu nữ trẻ, và quảng cuộc hôn nhân của mình đi chỉ vì một nụ cười làm dáng, một mái tóc nhuộm, và một đôi tí căng dựng đứng. Không hẳn là bà sẽ nói bằng cái giọng đó. Và thậm chí tôi còn không thể viện ra lý do khuôn sáo, rằng tôi chỉ làm điều những đàn ông khác tuổi tôi vẫn làm một cách tầm thường nhạt nhẽo. Không, tôi không phải là một lão gốc già kỳ quặc hơn cả thế, đi cấy ghép những hy vọng lâm li về tình yêu thương lên kẻ nhận ít phù hợp nhất trên thế giới này.

Tuần tiếp theo là một trong những tuần cô đơn nhất đời tôi. Chẳng có gì còn lại có vẻ đáng để mong đợi nữa cả. Tôi cô đơn với hai giọng nói rõ ràng trong đầu: lời Margaret, “Tony, giờ anh phải tự lo lấy thôi,” và lời Veronica, “Anh chẳng hiểu gì cả... Anh chưa bao giờ, và sẽ chẳng bao giờ hiểu đâu.” Và, biết rằng Margaret sẽ reo mừng nếu tôi gọi điện - biết rằng cô ấy sẽ vui vẻ đồng ý thêm một buổi nữa trong những bữa trưa nho nhỏ của chúng tôi, và chúng tôi có thể tiếp tục chính xác y như trước đây -, tôi lại càng cô đơn hơn bao giờ hết. Ai đó đã nói rằng càng sống lâu ta càng hiểu ít ấy nhỉ?

Tuy thế, như vẫn nói nhiều lần, tôi có một bản năng sống sót nào đó, để tự giữ mình. Và tin rằng mình có một bản năng như thế thì cũng tốt gần như ngang với thực sự có nó, bởi bạn hành động theo cùng một cách. Thế là sau một hồi, tôi trấn tĩnh lại. Tôi biết là tôi phải trở lại với cái tôi trước khi ảo tưởng lão suy ngu gốc xâm chiếm tôi. Tôi phải chú tâm vào việc của mình thôi, cho dù chúng là gì, bên cạnh việc dọn dẹp căn hộ và quản lý

thư viện ở bệnh viện địa phương. Mà đúng rồi, tôi còn có thể tập trung trở lại vào việc lấy lại đồ của tôi nữa.

“Jack thân mến,” tôi viết. “Bản khoản không biết anh có thể giúp tôi thêm một chút chuyện về Veronica được không. Sợ là tôi thấy cô ấy lại khó hiểu như những ngày xưa ấy. Ở thì, ta có bao giờ chịu học đâu? Dù sao thì, dòng nước đá vẫn chưa tan trong chuyện liên quan tới cuốn nhật ký của bạn tôi mà mẹ anh để lại cho tôi trong di chúc của bà. Anh có lời khuyên nào khác không? Ngoài ra, có một mối khó gỡ khác. Tôi đã có một bữa ăn trưa khá dễ chịu với V trong thành phố mấy tuần trước. Rồi một chiều cô ấy rủ tôi đi lên tuyến điện ngầm phía Bắc. Có vẻ như cô ấy muốn chỉ cho tôi một cậu được chăm-sóc-trong-cộng-đồng, rồi sau khi làm vậy thì lại quay ra giận. Anh có thể rọi chút ánh sáng nào lên việc này không? Tin là mọi chuyện với anh đều ổn cả. Thân, Tony W.”

Tôi hy vọng giọng thân thiện không khiến anh ta hiểu nhầm như tôi từng hiểu nhầm. Rồi tôi viết cho ông Gunnell, yêu cầu xử lý cho tôi trong vấn đề di chúc của bà Ford. Tôi bảo anh ta - khá tự tin - rằng những vụ giao thiệp với con gái của người lập di chúc đã cho thấy một sự mất cân bằng nào đó, và giờ thì tôi nghĩ tốt nhất là để một tay chuyên nghiệp viết cho bà Marriott yêu cầu phải có một giải pháp nhanh chóng cho vấn đề này.

Tôi tự cho phép mình thực hiện một cuộc vĩnh biệt riêng tư đầy hoài niệm. Tôi nghĩ về lúc Veronica nhảy, tóc vương đầy trên mặt. Tôi nghĩ về lúc nàng tuyên bố với gia đình, “Con sẽ đưa Tony về phòng cậu ấy,” thì thềm vào tai tôi rằng tôi hãy ngủ giấc ngủ của kẻ hư hỏng, và trò thủ dâm ngay tức khắc của tôi vào trong cái bồn nhỏ thậm chí trước cả khi nàng xuống tới tầng dưới. Tôi nghĩ về cổ tay phía trong của tôi ánh lên, về cổ tay áo xắn lên tậu khuỷu.

Ông Gunnell viết thư đáp rằng sẽ làm như tôi chỉ đạo. Ông anh Jack không bao giờ trả lời.



\*

\* \*

Tôi nhận thấy - ờ thì, lẽ ra tôi phải nhận thấy - rằng giờ hạn chế của bãi đỗ xe chỉ áp dụng trong khoảng mười giờ đến giữa ngày. Hẳn là để làm người đi tàu bằng vé tháng nản lòng không muốn lái xe đến tận đây, vứt xe lại suốt cả ngày, rồi đi tiếp bằng tàu điện ngầm. Thế là lần này tôi quyết định đi bằng ô tô: một chiếc Volkswagen Polo có bánh xe thọ hơn bánh xe của Veronica nhiều. Sau một giờ hay gì đó chịu cảnh trần ai ở vành đai phía Bắc, tôi thấy mình đến được vị trí, đỗ xe ở nơi chúng tôi đỗ lần trước, đối mặt với một con phố ngoại ô hơi dốc, ánh mặt trời chiều muộn rọi chiếu lớp bụi trên hàng rào cây thủy lạp. Những nhóm học sinh đang trên đường về nhà, lũ con trai áo bỏ ngoài quần, lũ con gái váy ngắn khiêu khích; rất nhiều đứa đang nói chuyện điện thoại di động, một số ăn, vài đứa phì phèo thuốc lá. Hồi tôi còn đi học chúng tôi được dạy rằng chừng nào còn mặc đồng phục thì còn phải cư xử sao cho đem lại tiếng tốt về trường. Thế nên không ăn không uống khi ở ngoài phố; ai bị bắt quả tang hút thuốc sẽ bị đánh. Không được phép thân mật với bạn khác giới: hồi ấy trường của bọn con gái liên kết với trường chúng tôi và ở ngay gần đấy vẫn thường để học sinh của họ tan sớm hơn bọn con trai mười lăm phút, cho chúng nó có đủ thời gian để biến trước bọn đồng môn giống đực động cờn sấn mồi. Tôi ngồi đó nhớ lại chuyện ấy, ghi nhận những khác biệt, mà chẳng đi đến kết luận nào. Tôi chẳng hoan nghênh cũng không phản đối. Tôi khác; tôi tạm treo quyền nghĩ ngợi và phán xét của mình lại. Tôi chỉ quan tâm tới chuyện vì sao tôi được đưa tới con phố này vài tuần trước. Thế là tôi ngồi đó, để mở cửa xe và đợi.

Sau hai tiếng hay gì đó, tôi đầu hàng. Tôi trở lại ngày hôm sau, và ngày hôm sau nữa mà chẳng thu được kết quả nào. Rồi tôi lái tới con phố có quán bar và cửa hàng, đỗ xe ở ngoài. Tôi đợi, vào cửa hàng mua vài thứ, đợi chút nữa, lái xe về nhà. Tôi tuyệt đối không có cảm giác phí phạm thời

gian gì hết: đúng hơn là ngược lại - từ giờ thời gian của tôi chỉ dành cho việc này. Và dù thế nào đi nữa cửa hàng cũng hóa ra khá là hữu ích. Đó là một trong những nơi bán từ đồ ăn sẵn cho tới đồ cơ khí. Hồi ấy tôi mua rau và bột rửa bát đĩa, thịt thái lát sẵn và giấy vệ sinh; tôi dùng máy rút tiền và mua rượu dự trữ. Sau vài ngày đầu, họ bắt đầu gọi tôi “ông bạn”.

Có lúc tôi nghĩ đến việc liên lạc với cơ quan dịch vụ xã hội của quận hỏi xem họ có ngôi nhà chăm-sóc-trong-cộng-đồng nào có một người phù đầy phù hiệu hay không; nhưng nghĩ là cách này sẽ chẳng đưa tôi đến đâu cả. Tôi sẽ rụt vùi ngay từ câu hỏi đầu tiên của họ: Vì sao ông muốn biết? Tôi không biết vì sao tôi muốn biết. Nhưng như tôi nói, tôi không cảm thấy tội. Điều này không giống như vắt óc gợi lại một kỷ niệm. Nếu tôi không vắt-gì cơ?- thời gian, thì thứ gì đó, có lẽ thậm chí là một giải pháp, có thể sẽ nổi lên chẳng.

Và đúng lúc ấy tôi nhớ ra mấy từ đã nghe lỏm được. “Không, Ken, hôm nay không đi quán bar được. Tôi thứ Sáu mới là tối đi quán bar.” Thế là thứ Sáu sau đó tôi lái xe đến và ngồi ở William IV, một tờ báo trên tay. Đó là một trong những quán bar cải tạo lại theo kiểu trung lưu do áp lực kinh tế. Có một thực đơn đồ ăn với các món này nọ nướng nhanh, một ti vi phát kênh tin tức BBC yên ắng, và những cái bảng đen khắp mọi nơi: một cái quảng cáo cho đêm đố vui hằng tuần, một cái khác về câu lạc bộ sách hằng tháng, cái thứ ba về các cuộc thi đấu thể thao sắp chiếu trên ti vi, trong khi cái thứ tư mang một suy tư trào phúng của ngày, không nghi ngờ gì là được chép lại từ một cuốn sách tập hợp những câu châm ngôn dí dỏm sắc sảo. Tôi chậm rãi uống mấy cốc bia nhỏ trong khi chơi ô chữ, nhưng chẳng ai đến cả.

Thứ Sáu thứ hai, tôi nghĩ: tôi cũng có thể ăn tối ở đây được, nên bèn gọi món cá tuyết nướng và khoai tây thái bằng tay và một ly lớn vang trắng Chile loại nho Sauvignon. Không tệ chút nào. Rồi, vào tối thứ Sáu thứ ba, khi tôi vừa xiên nữa vào món mì ống giòn trộn sốt pho mát kem Ý và hạt

óc chó, người đàn ông lệch vai và cái gã có ria mép bước vào. Họ ngồi xuống bàn theo cách quen thuộc, và thế là tay phục vụ quỳ, rõ ràng là quen với yêu cầu của họ, mang cho mỗi người một ly bia đắng nhỏ, họ trầm ngâm uống từng ngụm. Họ không nhìn quanh, còn nói gì đến gặp mắt ai; và ngược lại, không ai để ý đến họ. Khoảng hai mươi phút sau, một người phụ nữ da đen có dáng bảo mẫu vào, đi tới quầy bar, trả tiền, rồi dịu dàng hộ tống hai người đàn ông đi khỏi. Tôi chỉ quan sát và chờ đợi. Thời gian ủng hộ tôi, đúng là thế đây. Mấy bài hát đúng là đôi khi có nói lên sự thật.

Giờ tôi đã thành khách quen ở quán cũng như ở cửa hàng. Tôi không vào câu lạc bộ sách hay tham gia đêm đố vui, nhưng thường xuyên ngồi ở một bàn nhỏ bên cửa sổ và xử lý dần cả cái thực đơn. Tôi hy vọng điều gì đây? Hẳn là hy vọng một lúc nào đó nói chuyện được với cậu nhân viên chăm sóc trẻ tôi thấy hộ tống nhóm năm người vào buổi chiều đầu tiên ấy; hoặc thậm chí, có lẽ, với người đàn ông đeo phù hiệu, người có vẻ niềm nở và tiếp cận được. Tôi kiên nhẫn mà không cảm thấy mình như thế; tôi thôi không còn tính giờ nữa, và rồi, một tối sớm, tôi thấy cả năm người họ lại gần, do cùng một người phụ nữ trông nom. Cách nào đó, tôi thậm chí còn chẳng ngạc nhiên. Hai khách quen đi vào quán bar; ba người còn lại đi vào cửa hàng cùng người trông coi.

Tôi đứng dậy, bỏ bút bi và tờ báo trên bàn cho thấy mình sẽ trở lại. Ở lối vào cửa hàng tôi nhặt một cái giỏ nhựa vàng và chậm rãi lang thang loanh quanh. Ở cuối một lối đi ba người họ đang túm tụm lại bàn nhau về việc chọn nước xà phòng giặt, tranh luận xem nên mua loại nào. Chỗ đó hẹp, và tôi nói to “Cho tôi xin lỗi” khi tiến lại gần. Anh chàng lóng ngóng đeo kính lập tức quay mặt vào trong, ép mình vào những cái ngăn đựng đồ bếp núc, và cả ba im bật. Khi tôi đi qua, người đeo phù hiệu nhìn vào mặt tôi. “Chào buổi tối,” tôi nói với một nụ cười. Anh ta tiếp tục nhìn, rồi cúi đầu chào. Tôi chỉ làm vậy rồi quay lại quán bar.

Một vài phút sau ba người họ nhập hội với hai người đang uống. Người phụ nữ chăm nom họ đi tới quầy bar và gọi đồ. Tôi ấn tượng với chuyện ngoài phố thì họ huyền não hết như trẻ con, còn trong cửa hàng và quán bar thì họ lại rụt rè, nói gì cũng chỉ thì thào. Đồ uống nhẹ được chuyển qua những người mới vào này. Tôi nghĩ mình nghe thấy từ “sinh nhật” nhưng có thể là tôi nhầm. Tôi quyết định đã đến lúc gọi đồ ăn. Trên đường đi tới quầy, tôi sẽ nghiêm nhiên lại gần họ. Tôi không có kế hoạch thực sự nào. Ba người vừa từ cửa hàng sang vẫn còn đang đứng, và họ hơi quay đi khi tôi lại gần. Tôi gửi một lời “Chào buổi tối!” vui vẻ thứ hai tới người đeo phù hiệu, anh ta đáp lại như trước. Cái cậu lóng ngóng giờ đang ở trước tôi và khi sắp sửa đi ngang qua tôi dừng lại nhìn cậu ta ra trò. Cậu ta khoảng bốn mươi tuổi, nhỉnh hơn mét tám một chút, nước da xanh xao và mắt kính dày cộp. Tôi có thể cảm thấy cậu ta chỉ muốn quay lưng lại thôi. Nhưng thay vào đó, cậu ta làm một việc không đoán trước được. Cậu ta tháo kính ra và nhìn thẳng vào mặt tôi. Mắt cậu ta nâu và dịu dàng.

Gần như không nghĩ ngợi, tôi khẽ khàng nói với cậu ta, “Tôi là bạn của Mary.”

Tôi nhìn cậu ta nở miệng cười, rồi rơi vào hoảng loạn. Cậu ta quay đi, rên không thành tiếng, lê gần lại người phụ nữ Ấn Độ, cầm lấy tay cô ta. Tôi đi tiếp đến quầy bar, đặt nửa mông lên cái ghế đẩu và bắt đầu nghiên cứu thực đơn. Sau một lúc gì đó, tôi bắt đầu nhận thấy người chăm sóc da đen đang ở cạnh mình.

“Tôi xin lỗi,” tôi nói. “Tôi hy vọng đã không làm gì sai.”

“Tôi không chắc,” cô ta đáp. “Làm anh ấy hoảng hốt như thế không tốt. Đặc biệt là lúc này.”

“Tôi gặp cậu ấy một lần rồi, cùng Mary, chiều hôm trước. Tôi là bạn cô ấy.”

Cô ta nhìn tôi, như thể cô đánh giá động cơ và tính trung thực của tôi. “Thế thì ông sẽ hiểu,” cô ta nói khẽ, “phải không?”

“Vâng, tôi hiểu.”

Và chuyện là, tôi đã hiểu. Tôi không cần phải nói chuyện với người đeo phù hiệu hoặc cậu nhân viên chăm sóc kia. Giờ tôi đã biết.

\*

\* \*

Tôi thấy điều đó trên gương mặt cậu ta. Chuyện này không phải lúc nào cũng đúng, phải không? Ít nhất là không phải với tôi. Ta nghe điều người ta nói, ta đọc cái họ viết - đó là bằng cứ của ta, đó là vật chứng của ta. Nhưng nếu khuôn mặt nói ngược với lời người nói, ta tra vấn khuôn mặt. Một cái nhìn gian xảo trong mắt, một cái đỏ mặt, cái co giật mất tự chủ của cơ mặt - và rồi ta biết. Ta nhận ra tính đạo đức giả hay luận điệu đối trá, và sự thực hiện ngang nhiên ngay trước mặt ta.

Nhưng chuyện này khác, đơn giản hơn. Chẳng có lời nào trái ngược - đơn giản là tôi nhìn thấy trong khuôn mặt cậu ta. Trong đôi mắt, màu và biểu hiện của chúng, và trong đôi má, vẻ xanh xao và cấu trúc bên dưới của chúng. Chứng thực nằm ngay ở chiều cao, và kết cấu ở xương và cơ để tạo nên chiều cao ấy. Đây là con trai của Adrian. Tôi không cần đến giấy chứng sinh hay kết quả thử ADN - tôi nhìn thấy và cảm thấy điều đó. Và tất nhiên ngày tháng khớp nhau: bây giờ cậu ta phải vào tầm tuổi này.

Phản ứng đầu tiên của tôi là, tôi thú nhận, rất duy ngã. Tôi không thể không nhớ điều tôi đã viết trong một phần bức thư tôi gửi cho Veronica: “Đấy chỉ là vấn đề liệu cô có thể có chữa trước khi cậu ta phát hiện ra cô là đồ chán ngắt hay không mà thôi.” Hồi ấy tôi thậm chí không có ý ấy - tôi chỉ chọc ngoáy lung tung, cố tìm cách nào để gây đau đớn. Sự thực, lần nào đi với Veronica, tôi thấy ở nàng rất nhiều điều - cảm dỗ, bí ẩn, bất đồng -

nhưng chưa bao giờ buồn chán. Và thậm chí trong những lần trao đổi gần đây với nàng, dù các tính từ có lẽ phải được cập nhật - bản tính, cứng đầu, ngạo mạn, nhưng vẫn, một cách nào đó, cảm dỗ - tôi không bao giờ thấy nàng chán ngắt cả. Vậy là nó giả dối cũng bằng với gậy đầu đôn vậy.

Nhưng đó chỉ là một nửa sự thật. Khi tìm cách hủy hoại họ, tôi viết: “Phần nào trong tôi mong các người sẽ có con, bởi tôi là tín đồ trung thành với cuộc báo thù của thời gian, hẳn cho tới tận thế hệ sau và sau nữa. Trông vào Nghệ thuật Vĩ đại mà xem. Nhưng báo thù phải vào đúng người, ví dụ như hai vị.” Và rồi: “Thế nên tôi chẳng chúc các người như vậy làm gì. Chẳng đúng đắn lắm khi áp đặt lên cái bào thai vô tội nào đó viễn cảnh khám phá ra rằng nó là hoa trái của các người, cho tôi được xin lỗi cái lỗi nói vắn vè này.” Hối hận, xét theo từ nguyên, là hành động cắn lằn nữa: đó chính là cái mà cảm giác ấy gây ra cho bạn. Hãy tưởng tượng sức mạnh của cú cắn khi tôi đọc lại lời của chính tôi. Chúng như là một lời nguyện cổ đại nào tôi thậm chí đã quên cả thốt ra. Tất nhiên tôi không - tôi từng không - tin vào các lời nguyện. Ý muốn nói là, tin vào những lời nói sản sinh ra sự kiện. Nhưng chính cái hành động gọi tên một việc mà sau đó có xảy ra - thì thậm chí điều ác cụ thể nào đó, và điều ác đó xảy đến - nó vẫn cứ mang cái gì đó của thế giới khác khiến ta phải rùng mình. Chuyện cái tôi ngày xưa nguyện rửa còn cái tôi bây giờ chứng kiến hậu quả của lời nguyện, mỗi bên có cảm xúc hoàn toàn khác nhau, nó tuyệt chẳng liên quan gì hết. Nếu, chỉ trước khi mọi chuyện bắt đầu, bạn bảo tôi rằng Adrian, thay vì tự tử, đã cưới Veronica dù chuyện này không xảy ra, và hai người đã có một con với nhau, và rồi thêm con nữa, và rồi cháu chắt, thì tôi đã có thể trả lời: Tốt thôi, đời ai người nấy sống; anh đi đường anh tôi đi đường tôi, không có cảm xúc khó khăn nặng nề nào cả. Và giờ thì những định kiến lười biếng này lại gặp phải một sự thật bất di bất dịch về điều đã xảy ra. Trò trả hận của thời gian lên cái bào thai vô tội. Tôi nghĩ về con người tội nghiệp bị hủy hoại quay đi để không chạm mặt tôi trong cửa hàng, áp mặt vào dây khăn dùng trong bếp và những bịch cỡ đại giấy toalet nhiều lớp để tránh sự hiện diện của tôi. Ừ thì, bản năng của cậu ta đã đúng: tôi là kẻ mà người ta

nên quay lưng lại. Nếu đời có tương thưởng công trạng thật, thì tôi đáng bị lánh xa.

Mới vài ngày trước thôi tôi còn vui thú với một mộng tưởng nhạt nhòa về Veronica, mà vẫn phải thú thật rằng tôi chẳng biết gì về cuộc đời nàng trong hơn bốn mươi năm ấy kể từ lần gặp cuối. Giờ đây tôi có vài câu trả lời cho những câu hỏi tôi từng hỏi. Nàng có thai với Adrian, và - ai mà biết được? - có lẽ chấn động về vụ tự tử của cậu ấy đã ảnh hưởng tới đứa bé trong bụng nàng. Nàng đã sinh hạ con trai vào một thời kỳ nào đó bị chẩn đoán là... gì nào? Không thể sinh hoạt độc lập trong xã hội; cần trợ giúp thường xuyên, về tình cảm và tài chính. Tôi tự hỏi chẩn đoán ấy có từ khi nào. Sớm ngay sau khi ra đời, hay còn có một quãng nghỉ êm ả vài năm. trong khoảng ấy Veronica có thể được an ủi trong những gì được cứu từ đồng hoang tàn? Nhưng rồi sau đó - nàng đã hy sinh đời mình cho cậu ta bao lâu, có lẽ làm một việc bán thời gian nào đó không ra gì trong lúc cậu ta ở một ngôi trường dành cho học sinh cần giúp đỡ đặc biệt? Và rồi, hẳn là, cậu ta lớn lên và khó trông nom hơn, và sau rốt cuộc vật lộn trở nên quá sức, nên nàng để cho người khác chăm sóc cậu ta. Hãy tưởng tượng cảm giác chuyện đó thế nào; hãy tưởng tượng nỗi mất mát, cảm thức thất bại, tội lỗi. Và rồi tôi đây, than thở với bản thân mỗi khi con gái thỉnh thoảng lại quên gửi email cho mình. Tôi cũng nhớ những suy nghĩ bạc bẽo của mình kể từ lần đầu gặp lại Veronica trên cầu Lắc Lư. Tôi nghĩ nàng trông hơi tiêu tụy và lôi thôi; tôi nghĩ nàng khó tính, không thân thiện, không duyên dáng. Thực sự là, tôi đã may mắn được nàng dành cho chút thời gian trong ngày. Thế mà tôi còn mong nàng đưa nhật ký của Adrian? Nếu là nàng, hẳn tôi cũng đã đốt nó rồi, như giờ đây tôi tin nàng đã làm vậy.

\*

\* \*

Không có bất cứ ai tôi có thể kể cho nghe chuyện này - sẽ còn rất lâu như vậy. Như Margaret nói, tôi phải tự lo lấy thôi - và thế thì tôi phải chịu



vậy. Nhất là bởi vì tôi có cả một quá khứ đời tôi để mà đánh giá lại, với không gì khác ngoài nỗi ân hận bên mình. Và sau khi nghĩ lại về cuộc đời cùng tính cách của Veronica, tôi sẽ phải trở lại quá khứ của tôi và giải quyết với Adrian. Người bạn triết gia của tôi, người chăm chú nhìn cuộc sống và quyết định rằng bất cứ cá nhân nào có trách nhiệm và biết suy nghĩ đều có quyền chối bỏ món quà chưa bao giờ xin này -, người mà phong thái cao nhã cứ mỗi thập kỷ qua đi lại càng làm rõ hơn lên tính thỏa hiệp và nhỏ mọn cấu thành nên hầu hết các cuộc đời. “Hầu hết các cuộc đời”: cuộc đời tôi.

Thế là hình ảnh này về cậu ấy - lời quở trách lạnh lùng, sống động này dành cho tôi và phần đời còn lại của tôi - giờ bị lật ngược. “Bằng tốt nghiệp hạng xuất sắc, tự tử hạng xuất sắc,” Alex và tôi đồng tình. Thay vào đó tôi đã có Adrian loại nào? Loại làm bạn gái có bầu, không đối mặt nổi với những hậu quả, và đã “chọn cách dễ để trốn chạy,” như người ta thường nói. Thế nhưng cái sự khẳng quyết tối hậu này về tính cá nhân chống lại tính phổ quát to lớn vốn luôn đè nặng nó, chẳng thể có gì là dễ dàng trong việc đó cả. Nhưng giờ đây tôi phải điều chỉnh lại Adrian, đối cậu ấy từ một kẻ cự tuyệt hay trích lời Camus coi tự tử mới là câu hỏi triết học thực sự duy nhất, thành... gì chứ? Không gì hơn ngoài một phiên bản của Robson, kẻ “không hẳn là chất liệu cho Eros-và-Thanatos” như cách Alex nói, khi thành viên cho đến nay chưa từng nổi bật của lớp Khoa học khối sáu ấy từ bỏ cuộc đời với một lời từ biệt “Mẹ ơi, con xin lỗi.”

Hồi ấy, bốn thằng chúng tôi đã suy xét xem bạn gái của Robson là một đứa như thế nào - từ một đồng trình đức hạnh cho tới điểm mắc bệnh hoa liễu. Chẳng ai trong chúng tôi nói về đứa trẻ hay tương lai. Giờ đây, lần đầu tiên, tôi tự hỏi điều gì đã xảy ra cho bạn gái của Robson, và cho con của họ. Người mẹ có lẽ khoảng tuổi tôi, và nhiều khả năng vẫn còn sống, còn đứa trẻ phải gần năm mươi rồi. Liệu nó còn tin rằng “Bố” đã mất trong một vụ tai nạn? Có lẽ nó bị cho đi làm con nuôi, và lớn lên với suy nghĩ mình là kẻ chẳng ai muốn có. Nhưng ngày nay con nuôi được quyền lần lại dấu của



mẹ đẻ. Tôi tưởng tượng điều này xảy ra, và có thể dẫn tới buổi hội ngộ cảm động và khó xử. Tôi thấy mình muốn, thậm chí từ khoảng cách này, xin lỗi bạn gái của Robson vì chuyện ngày xưa chúng tôi rồi hơi bàn về cô ấy ra sao mà chẳng hề đếm xỉa đến nỗi đau đớn và nhục nhã của cô ấy. Một phần trong tôi muốn liên lạc và xin cô tha thứ cho những lỗi lầm của chúng tôi khi xưa - cho dù hồi ấy cô chắc chẳng hay biết gì về những lỗi lầm ấy cả.

Nhưng nghĩ về Robson và bạn gái của Robson chỉ là một cách tránh điều hiển giờ là sự thật về Adrian mà thôi. Robson hồi ấy mới mười lăm, mười sáu tuổi? Vẫn sống ở nhà bố mẹ, và đầu óc họ chắc chắn chẳng thoáng đãng gì. Và nếu bạn gái của cậu ta dưới mười sáu, có thể sẽ có cả tội hiếp dâm nữa. Thế nên thực sự chẳng thể nào so sánh được. Adrian đã lớn, đã rời nhà, và thông minh hơn Robson đáng thương rất nhiều. Hơn nữa, hồi ấy, nếu bạn làm một cô mang bầu, và cô ta không muốn nạo thai, bạn phải cưới cô ta: đó là quy định. Adrian thậm chí còn chẳng thể đối mặt với giải pháp hợp lẽ này. “Con có nghĩ đó là vì cậu ấy quá thông minh không?” mẹ tôi đã hỏi kiểu chọc tức như thế. Không, chẳng có gì liên quan tới chuyện thông minh cả; thậm chí còn ít liên quan tới lòng dũng cảm về mặt đạo đức hơn. Cậu ấy chẳng hề đành hoàng chối từ một món quà hiện sinh gì sắt; cậu ấy sợ có cái nôi trong nhà.

\*

\* \*

Tôi biết gì về cuộc đời, tôi, kẻ từng sống cẩn thận đến thế? Kẻ chẳng bao giờ thắng hay thua, mà chỉ để cho đời xảy đến với mình? Kẻ có những tham vọng thường thường và nguôi ngoai quá nhanh khi chúng không thành hiện thực? Kẻ tránh cho mình bị đau và gọi đó là năng lực sống sót? Kẻ trả đủ các hóa đơn, giữ quan hệ tốt với tất cả mọi người càng lâu càng tốt, kẻ cho rằng “ngất ngây” và “tuyệt vọng” nhanh chóng chỉ còn là những từ ngữ từng đọc trong tiểu thuyết mà thôi? Kẻ mà những lời tự chỉ trích chẳng bao giờ thực sự gây đau đớn cả? Ở thì, tất cả những cái này là để mà

ngẫm ngợi, trong khi tôi chịu đựng một kiểu ăn năn đặc biệt: một cơn đau chờ đợi bấy lâu kịch phát ở kẻ luôn nghĩ rằng mình biết cách tránh để bị đau - và kịch phát vì chính lý do ấy.

“Ra!” Veronica ra lệnh, sau khi leo lên vỉa hè với vận tốc hai mươi dặm một giờ. Giờ đây tôi cấp cho cái từ ấy một âm hưởng rộng lớn hơn: Ra khỏi đời tôi, tôi chưa bao giờ muốn anh lại gần ngay từ đầu. Lẽ ra tôi không bao giờ nên đồng ý gặp, chứ chẳng nói đến chuyện ăn trưa, chẳng nói đến chuyện đưa anh đi gặp con tôi. Ra, ra!

Nếu có địa chỉ của nàng, tôi sẽ gửi một bức thư tử tế. Tôi đặt tên email là “Lời xin lỗi”, rồi đổi nó thành “LỜI XIN LỖI”, nhưng nó trông quá bằng hét lên, thế là tôi đổi lại như cũ. Tôi chỉ có thể thẳng thắn được thôi.

Veronica thân mến,

Tôi nhận ra rằng cô hẳn là không bao giờ muốn nghe gì về tôi, nhưng tôi hy vọng cô sẽ đọc bức thư này đến hết. Tôi không mong cô hồi âm. Nhưng tôi đã bỏ thời gian đánh giá lại nhiều điều, và muốn gửi lời xin lỗi tới cô. Tôi không mong cô nghĩ về tôi tốt hơn - nhưng mà, cô khó mà có thể nghĩ xấu hơn được nữa. Bức thư đó của tôi thật không thể tha thứ nổi. Tôi chỉ có thể nói rằng những lời hèn hạ ấy của tôi chỉ là bày tỏ của một chốc lát mà thôi, chúng là một cơn sốc thực sự đối với tôi khi đọc lại nó sau chừng ấy năm trời.

Tôi không mong cô đưa tôi nhật ký của Adrian nữa. Nếu cô đã đốt nó, thì đó là cái kết của nó. Nếu cô chưa đốt, thì hiển nhiên, vì nó được viết bởi cha của con trai cô, nó thuộc về cô. Tôi bối rối không biết vì sao mẹ cô để nó lại cho tôi trước hết, nhưng điều đó không còn quan trọng nữa.

Tôi xin lỗi đã gây bức dọc nhiều đến vậy. Cô đã cố cho tôi thấy điều gì đó và tôi đã quá dốt nát không hiểu ra. Tôi cầu chúc cô và con trai cô một cuộc sống bình yên nhất có thể trong hoàn cảnh này. Và nếu bất cứ lúc nào

tôi có thể làm được điều gì đó cho ai trong hai người, tôi hy vọng cô sẽ liên lạc với tôi không do dự.

Thương mến, Tony.

Đó là điều khá nhất tôi có thể làm được. Nó không được tốt như tôi muốn, nhưng ít nhất tôi thực lòng với từng từ một trong đó. Tôi không có gì giấu giếm cả. Tôi chẳng ngấm ngấm hy vọng bất cứ điều gì từ đó. Không nhật ký, không thiện ý của Veronica, thậm chí không cả việc chấp nhận lời xin lỗi của tôi.

Tôi không thể nói liệu mình thấy dễ chịu hơn hay tệ đi sau khi gửi thư. Tôi không cảm thấy gì nhiều lắm. Kiệt sức, trống rỗng. Tôi không có khao khát kể cho Margaret về chuyện đã xảy ra. Tôi nghĩ nhiều hơn đến Susie, về sự may mắn cho cha mẹ nào có con sinh ra đầy đủ tứ chi, não bình thường, và tổ hợp cảm xúc cho phép đưa trẻ, cô bé, người phụ nữ đó sống bất cứ cuộc sống nào. Chúc bé bình thường, như nhà thơ có lần chúc em bé mới chào đời.

\*

\* \*

Đời tôi tiếp tục. Tôi giới thiệu sách cho người ốm, người đang khỏi, người đang chết. Chính tôi cũng đọc một hai quyển sách. Tôi bỏ rác tái chế ra cửa. Tôi viết cho ông Gunnell bảo thôi đừng theo đuổi vụ quyền nhật ký nữa. Một chiều muộn, một ý chợt đến, tôi lái xe quanh đường vành đai phía Bắc mua sắm vài thứ và ăn tối ở quán William IV. Người ta hỏi có phải tôi vừa đi nghỉ không. Tại cửa hàng tôi nói là đúng thế, tại quán bar tôi nói là không phải. Những câu trả lời ấy gần như không có vẻ gì hệ trọng. Chẳng có mấy điều là hệ trọng. Tôi nghĩ về những việc đã xảy ra với tôi qua năm tháng, và sao mà những việc tự tôi làm cho xảy ra lại ít ỏi đến thế.

\*

\* \*

Đầu tiên tôi cho đó là một email cũ, bị gửi lại do có lỗi gì đó. Nhưng đầu đề thư vẫn được để lại đó: “Lời xin lỗi”. Phía dưới, thư của tôi không bị xóa. Thư đáp của nàng viết “Anh vẫn chẳng hiểu gì cả. Anh chưa bao giờ, và sẽ không bao giờ hiểu được đâu. Thế nên thôi cả chuyện cố gắng đi.”

Tôi để đoạn trao đổi ấy lại trong hòm thư đến và thỉnh thoảng mang ra đọc lại. Nếu chưa phải là đã quyết định chọn hỏa táng rồi rắc tro đi, hẳn tôi sẽ dùng cái câu ấy làm văn bia trên một tấm đá trần hoặc đá hoa cương: Tony Webster - Ông đã chẳng bao giờ hiểu ra điều ấy. Nhưng như thế sẽ quá ư thống thiết, thậm chí là tủi thân. Thế còn câu “Giờ đây ông phải tự lo lấy thân mình thôi” thì sao? Cái này có lẽ hay hơn, đúng hơn. Hoặc có thể tôi sẽ trung thành với: “Ngày nào cũng là Chủ nhật”.

Đôi khi, tôi lái xe trở lại cửa hàng và quán bar. Đây là những nơi tôi luôn có một cảm thức yên lòng, mặc dù nghe ra thì thật lạ lùng; đó cũng là cảm thức về một mục đích, có lẽ là mục đích tử tế cuối cùng của đời tôi. Vẫn như trước, tôi chưa bao giờ nghĩ là mình đang lãng phí thời gian. Đây vẫn chính là điều tôi phải dành cho thời gian của mình. Và cả hai đều là nơi thân thiện - ít nhất, thân thiện hơn những nơi tương tự ở chỗ tôi sống. Tôi chẳng có kế hoạch nào: Thế thì có gì mới mẻ? Tôi đã chẳng có “kế hoạch” gì từ nhiều năm rồi. Và sự thức tỉnh cảm xúc của tôi - nếu nó từng là như vậy - về phía Veronica hầu như không thể tính là một kế hoạch. Ngắn gọn hơn là, cơn bốc đồng bệnh hoạn, phụ lục cho một câu chuyện lịch sử ngắn về nhục nhã.

Một hôm, tôi nói với người đứng bar, “Anh có thể làm được cho tôi khoai tây chiên mỏng hơn để thay đổi một chút không?”

“Ý ông là sao cơ?”

“Anh biết đấy, giống như ở Pháp ấy - loại mỏng thôi.”

“Không, chúng tôi không làm.”

“Nhưng thấy nói trên thực đơn là khoai chiên của các anh được thái bằng tay mà.”

“Đúng thế.”

“Ờ, thế thì anh có thể thái mỏng hơn được không?”

Vẻ nhã nhặn hình thường của người đứng quầy bar ngưng lại một chút. Anh ta nhìn tôi như thể không chắc tôi là một lão mô phạm hay một thằng ngốc, hoặc rất có thể là cả hai.

“Khoai thái bằng tay nghĩa là khoai tây chiên dày.”

“Nhưng nếu những miếng khoai ấy các anh tự thái, các anh không thể thái mỏng hơn sao?”

“Chúng tôi không thái đâu. Khoai được đưa đến như thế đấy.”

“Các anh không thái ngay tại đây sao?”

“Tôi vừa nói thế mà.”

“Thế cái mà anh gọi là ‘khoai tây chiên thái bằng tay’ thực ra được thái ở chỗ khác, và hẳn là bằng máy?”

“Ông là người từ hội đồng hay gì thế?”

“Không hề. Tôi chỉ bối rối thôi. Tôi chưa bao giờ nhận ra rằng ‘thái tay’ nghĩa là ‘dày’ hơn là ‘cần phải được thái bằng tay’.”

“Vậy giờ ông đã biết rồi đấy.”

“Tôi xin lỗi. Lúc trước tôi chưa hiểu.”

Tôi rút về bàn mình và đợi bữa tối của tôi.

Và rồi, chỉ như thế thôi, năm người bọn họ đi vào, được hộ tống bởi cậu chăm sóc trẻ tôi từng nhìn thấy từ trong xe của Veronica. Người đeo phù hiệu dừng khi đi qua bàn tôi, và gửi tôi một cái cúi đầu chào; vài cái phù hiệu trên chiếc mũ sắt khẽ va leng keng vào nhau. Những người khác đi theo. Khi con trai của Adrian nhìn thấy tôi, cậu ta quay vai đi như thể để tránh khỏi tôi, và khỏi nổi bất hạnh. Năm người họ đi ngang qua về phía bức tường phía xa nhưng không ngồi xuống. Nhân viên chăm sóc đi tới quầy bar gọi đồ uống.

Món cá tuyết và khoai tây chiên thái tay ra tới nơi, món thứ hai đựng trong một bát sắt lót báo. Có lẽ là tôi đang tự cười một mình khi anh thanh niên đến bên bàn.

“Ông có phiền không nếu tôi nói một vài lời?”

“Không chút nào.”

Tôi ra hiệu về phía chiếc ghế đối diện. Khi anh ta ngồi xuống tôi nhận thấy, qua vai anh ta, năm người bọn họ nhìn sang phía tôi, giữ lấy cốc của mình, không uống.

“Tôi là Terry.”

“Tony.”

Chúng tôi ngồi nên bắt tay trong thế vụng về, khuỷu tay nâng cao như thế. Lúc đầu anh ta im lặng.

“Khoai chiên không?” tôi mời.

“Không, cảm ơn.”

“Anh có biết là khi người ta viết khoai chiên ‘thái bằng tay’ trên thực đơn, thì nó chỉ có nghĩa là ‘dày’ chứ không có nghĩa là họ thực sự thái bằng tay không?”

Anh ta nhìn tôi dường như hơi giống người đứng quầy bar đã nhìn.

“Chuyện là về Adrian.”

“Adrian,” tôi lặp lại. Vì sao tôi chưa từng bắn khoản về tên cậu ta nhỉ? Mà cậu ta còn có thể được gọi như thế nào nữa đây?

“Sự hiện diện của ông làm anh ấy khó chịu.”

“Tôi xin lỗi,” tôi đáp. “Không khi nào tôi muốn làm cậu ấy khó chịu. Tôi không muốn làm bất cứ ai khó chịu nữa. Không bao giờ.” Anh ta nhìn tôi như thể nghi ngờ có ý châm biếm. “Được thôi. Cậu ấy sẽ không bao giờ nhìn thấy tôi nữa. Tôi sẽ ăn cho xong và biến, và không ai trong các cậu sẽ còn thấy tôi lần nữa.”

Anh ta gật đầu. “Ông có phiền không nếu tôi hỏi ông là ai?”

Tôi là ai ư? “Tất nhiên là không phiền rồi. Tên tôi là Tony Webster. Rất nhiều năm trước đây tôi là bạn của bố Adrian. Tôi học cùng cậu ấy. Tôi cũng từng biết mẹ của Adrian - Veronica. Khá rõ. Rồi chúng tôi mất liên lạc. Nhưng chúng tôi đã gặp nhau vài bận vừa mấy tuần rồi. Không, mấy tháng rồi, tôi có thể nói vậy.”

“Mấy tuần và mấy tháng?”

“Đúng,” tôi nói. “Dù sao tôi cũng không nên gặp lại Veronica. Nàng không muốn quen biết tôi nữa.” Tôi cố làm sao để nó nghe có tính sự kiện hơn là lâm ly.

Anh ta nhìn tôi. “Ông hiểu là chúng tôi không thể bàn về lịch sử các khách hàng của chúng tôi được. Đây là vấn đề bảo mật.”

“Tất nhiên.”

“Nhưng điều ông vừa nói chẳng có lý chút nào.”

Tôi nghĩ về câu nói. “Ô - Veronica - vâng, tôi xin lỗi. Tôi nhớ cậu ấy - Adrian - gọi nàng là Mary. Tôi cho đó là cách nàng gọi tên mình khi cùng với cậu ấy. Đó là tên thứ hai của nàng. Nhưng tôi từng biết nàng - vẫn biết nàng - với tên Veronica.”

Qua vai anh ta tôi có thể thấy năm người họ đứng rất lo âu, vẫn không uống, mà xem chúng tôi. Tôi thấy xấu hổ vì chuyện tôi có mặt làm phiền họ.

“Nếu ông là bạn của bố anh ấy...”

“Và cả mẹ cậu ấy nữa.”

“Thế thì tôi nghĩ ông không hiểu.” Ít nhất anh ta nói điều đó theo cách khác với những người khác.

“Tôi không hiểu?”

“Mary không phải là mẹ anh ấy. Mary là chị anh ấy. Mẹ Adrian mất cách đây khoảng sáu tháng. Anh ấy tiếp nhận chuyện đó rất tệ. Đây là vì sao anh ấy gần đây... có vấn đề.”

Như cái máy, tôi ăn một miếng khoai chiên. Rồi một miếng nữa. Không có đủ muối trên đó. Đây là điểm trừ của khoai chiên dày. Chúng có quá nhiều chất bột khoai bên trong. Với loại khoai mỏng hơn, không chỉ lớp ngoài sẽ giòn hơn, mà muối cũng được phân bố tốt hơn.



Tôi chỉ có thể chìa tay cho Terry và nhắc lại lời hứa của mình. “Và tôi hy vọng cậu ấy sẽ ổn. Tôi biết chắc là anh chăm sóc cậu ấy rất tốt. Họ đều có vẻ tiến bộ, cả năm người.”

Anh ta đứng lên. “Thì, chúng tôi cố hết sức, nhưng chúng tôi bị cắt giảm ngân sách gần như là hằng năm.”

“Chúc tất cả các anh may mắn,” tôi nói.

“Cảm ơn ông.”

Khi trả tiền, tôi để lại gấp đôi tiền thưởng bình thường. Ít nhất đó cũng là một cách tỏ ra mình là người có ích.

\*

\* \*

Và sau đó, ở nhà, lật lại tất cả chuyện này, sau một hồi, tôi đã hiểu. Tôi hiểu rồi. Vì sao cô Ford lại là người đầu tiên có nhật ký của Adrian. Vì sao cô ấy viết: “Tái bút: Nghe có vẻ kỳ quặc, nhưng tôi nghĩ trong những tháng cuối đời cậu ấy hạnh phúc.” Ý của nhân viên chăm sóc thứ hai khi cô nói, “Đặc biệt là lúc này.” Thậm chí ý Veronica muốn nói về “tiền vấy-máu.” Và cuối cùng, điều Adrian nói trên trang giấy tôi được phép xem. “Như vậy làm thế nào ta có thể thể hiện một hàm tích lũy bao gồm các số nguyên  $b$ ,  $a^1$ ,  $a^2$ ,  $s$ ,  $v$ ?” và một vài công thức thể hiện những tích lũy khả thi nữa. Giờ đây nó thật hiển nhiên. Chữ  $a$  đầu tiên là Adrian; và chữ kia là tôi, Anthony - như cách cậu ấy gọi tôi khi cậu ấy muốn nhắc tôi nghiêm túc. Và  $b$  chỉ “bé”. Được sinh bởi một bà mẹ - “Người Mẹ” - khi đã lớn tuổi tới mức nguy hiểm. Một đứa bé bị thương tổn là kết quả. Kể bây giờ là một người đàn ông bốn mươi tuổi, lạc lối trong đau buồn. Người gọi chị mình là Mary. Tôi nhìn vào chuỗi trách nhiệm. Tôi thấy tôi đứng đầu tiên trong đó. Tôi nhớ rằng trong bức thư xấu xa tôi đã hối thúc Adrian thành ý mẹ Veronica.

Tôi bật lại những lời sẽ ám ảnh tôi mãi mãi. Cũng như câu dang dở của Adrian nữa. “Thế thì, ví dụ, nếu Tony...” Tôi biết tôi chẳng thể nào thay đổi, hoặc sửa chữa, bất cứ điều gì bây giờ.

\*

\* \*

Bạn đi dần tới cuối cuộc đời - không, không phải bản thân cuộc đời, mà một điều gì khác: đoạn cuối của bất cứ khả năng thay đổi nào trong cuộc đời ấy. Bạn được phép nghỉ một lúc lâu, đủ thời gian để hỏi câu này: tôi còn làm gì sai nữa không? Tôi nghĩ về một lũ con nít ở Quảng trường Trafalgar. Tôi nghĩ về một người phụ nữ trẻ nhảy theo nhạc, được một lần hiếm hoi trong đời. Tôi nghĩ về điều tôi không thể biết hoặc hiểu vào lúc này, về tất cả những gì không bao giờ được biết hoặc được hiểu ra. Tôi nghĩ về định nghĩa của Adrian về lịch sử. Tôi nghĩ về con trai cậu ấy vùi mặt vào một ngăn giấy toa lét nhiều lớp để tránh tôi. Tôi nghĩ về một người phụ nữ rần rúng theo cách bất cần, liêu lĩnh, chẳng bận lòng khi một quả bị vỡ trong chảo; và cũng người phụ nữ ấy, sau này đã tạo ra một bí mật, động tác vẩy ngang dưới giàn đậu tía sáng lên trong ánh mặt trời. Và tôi nghĩ về một con sóng nhấp nhô, sáng dưới ánh trăng, ào qua và tan về thượng nguồn, bị một nhóm sinh viên đuổi theo, kêu thét lia đên pin loạn xạ trong đêm tối.

Có tích lũy. Có trách nhiệm. Và bên trên tất cả, là bất ổn. Có bất ổn kinh khủng.

# CHÚ THÍCH

[1] Henry VIII (1491-1547) được coi là một trong những vị vua lỗi cuốn nhất từng ngự trên ngai vàng nước Anh, có công tách Giáo hội Anh quốc ra khỏi Giáo hội Công giáo La Mã. Ông có sáu đời vợ, hai trong số đó bị chặt đầu, một người qua đời sau khi sinh hai hoàng tử, hai người bị hủy hôn.

[2] Ted Hughes (1930-1998): nhà thơ người Anh hay dùng muông thú và thiên nhiên hoang dã làm ẩn dụ trong tác phẩm.

[3] Nguyên bản dùng từ “response”: trong các buổi cầu kinh là những lời nói hoặc hát của giáo đoàn (hoặc người dự lễ) đáp lại lời mục sư hoặc người điều khiển ca đoàn theo nghi thức tế lễ.

[4] Hans Holbein: họa sĩ người Đức thời Phục hưng, rất nổi tiếng với tranh chân dung.

[5] Nguyên bản dùng cụm từ “single-parent family”, nghĩa là gia đình chỉ có bố hoặc mẹ.

[6] Câu nói của triết gia Ludwig Willgenstein được tác giả viết hơi khác đi “Whereof we cannot speak, thereof must we remain silent.” (Điều gì ta không thể nói, ta phải giữ im lặng).

[7] “Weltanschauung”, tiếng Đức trong nguyên bản.

[8] Tức là phong trào “Sturm und Drang” ở Đức hồi cuối thế kỷ 18.

[9] Một sử gia không có thật.

[10] *Một người đàn ông và một người đàn bà*: phim của đạo diễn Pháp Lelouch, ra mắt năm 1966, nhạc phim của Francis Lai. Phim đoạt nhiều

giải thưởng lớn, trong đó có giải Cành cọ vàng tại liên hoan phim Cannes năm 1966 và giải Oscar cho phim nước ngoài hay nhất năm 1967.

[11] *A Gift from a Flower to a Garden* : album thứ năm của ca sĩ-nhạc sĩ Donovan người Scotland.

[12] Một câu trong bài thơ “Annus Mirabilis” của Philip Larkin: “a wrangle for a ring” (ý nói làm tình chỉ được chấp nhận sau đám cưới, cho đến đầu những năm 1960)..

[13] Tạm dịch: *Thành thật trước Chúa* – cuốn sách gây nhiều tranh cãi chỉ trích lý thuyết Thiên chúa giáo cũ rao giảng rằng Chúa “ở trên kia” xa xôi nơi thiên đường, và đưa tư tưởng tự do hơn vào cách diễn giải về Chúa.

[14] Tức Terence Parkes (1927-2003): họa sĩ vẽ truyện tranh, ký bút danh Larry.

[15] Các câu lạc bộ sách cánh tả: một cơ quan cánh tả thành lập năm 1936 ở Anh.

[16] Tạm dịch: *Tôi năm hồn Lâu đài* – tiểu thuyết đầu tay của nhà Anh Dodie Smith.

[17] Được mệnh danh là “thủ đô Arab của Isarel”, theo Tân Ước là nơi Chúa Jesus ra đời.

[18] Tiếng Pháp trong nguyên bản: “đây này”.

[19] Viện bảo tàng nghệ thuật quốc gia Anh.

[20] Khu vực dành cho tự do ngôn luận, ai cũng có thể lấy góc này của công viên Hyde Park làm diễn đàn để nói lên quan điểm của mình.

[21] Trên quảng trường Trafalgar có bốn bức tượng sư tử bằng đồng, dựng năm 1867.

[22] Foot: đơn vị đo của Anh (1 foot = 0,3048m).

[23] Viết tắt của “upper second-class honours” trong thứ hạng điểm đại học, nghĩa là chỉ kém xuất sắc (first-class honours) một bậc.

[24] QED quod erat demonstrandum – được dùng để chuyển tải một sự kiện hoặc tình huống chứng thực cho một giả thuyết hoặc lời tuyên bố, đặc biệt để đánh dấu kết luận của một xác minh chính thức.

[25] Nguyên bản: “Every Day is Sunday”.

[26] Tên riêng, phân biệt với họ.

[27] The thing speaks for itself: Sự thật tự nói về mình, sự thật quá rõ ràng.

[28] Âm chỉ thư trả lời của Veronica “Blood money?” (“Tiền vấy máu?”) – vừa có nghĩa tiền bồi thường người nhà nạn nhân bị giết, vừa có nghĩa tiền thuê sát thủ.

[29] Wobbly Bridge: biệt danh của cây cầu Thiên niên Kỷ (Millennium Bridge).

[30] Nhà trưng bày nghệ thuật hiện đại của tập đoàn Tate.

[31] Một câu trong bài thơ “For the Fallen” của Laurence Binyon, đăng lần đầu trên *The Times* năm 1914 tưởng niệm những người lính Anh chết trận trong Thế chiến thứ nhất.

[32] Tạm dịch: “Em choán hết tâm trí tôi” – Frank Sinatra.

[33] Chương trình trên mạng Google cho phép tìm kiếm các hình ảnh, địa chỉ khắp nơi trên trái đất được chụp lại qua vệ tinh, có thể có góc nhìn như từ trên máy bay xuống cho đến cận cảnh của từng nhà.

[34] Nguyên bản: “It takes two to tango”.

[35] Đĩa than loại nhỏ quay 45 vòng/phút.

[36] Mile: 1 dặm Anh tương đương 1,60934 km.